

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

56

THÁNG 07.2016



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Thánh Thanh**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **C.H.**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mẫu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ TẠI SAO TÔI LẠC QUAN VỀ TƯƠNG LAI THẾ GIỚI? (Dalai Lama – Nguyên Giác dịch) trang 8
- ♦ ĐÔI TU SĨ (thơ Thích Thắng Hoan), tr. 9
- ♦ BÀI THƠ VẠN NƯỚC VÀ TỰ TƯỜNG CHÍNH TRỊ... (Trí Siêu Lê Mạnh Thát), trang 10
- ♦ VĂN THUỘC LÒNG CÂU QUÊ HƯƠNG (thơ Mặc Phương Tử), trang 13
- ♦ QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI KHOẢNG ĐẠI KỶ 2, NHIỆM KỶ 3 (GHPGVNTNHNK), trang 14
- ♦ BÀI HỌC VỀ SỰ THANH TỊNH HÒA HỢP (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 16
- ♦ LẠY PHẬT MỘT PHÁP MÔN TU... (thơ Thích Viên Thành), trang 20
- ♦ NGÂM TRĂNG LĂNG GIÀ (Thích Nguyên Tạng) trang 21
- ♦ TRƯỞNG HẠ RỰC SÁNG MÀU VÀNG Y (Thích Nguyên Siêu), trang 24
- ♦ VẾT CHIM BAY (thơ Thiên Hạnh), tr. 27
- ♦ TÔN GIÁO CỦA DÂN CHỦ (Thích Châu Viên dịch), trang 28
- ♦ HẸN NHAU BẾN CŨ, LỜI RU CỦA MẸ (thơ Nguyễn Thanh Huy), trang 29
- ♦ LỚN LÊN TRONG MỀ LẦM (TN. Trí Hải dịch), trang 30
- ♦ LỪA SÂN – Phật Pháp Thứ 5 (Nhóm Áo Lam), trang 31
- ♦ TA VÀ CỦA TA – Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ CÂU KINH NHƯ TIẾNG MẸ RU (Uyên Nguyên), trang 33
- ♦ SEN NỞ TRÊN ĐẤT MỚI (Đồng Thiện), trang 34
- ♦ TA GẶP LẠI TA, VÀNG MÂY LƠ LÙNG (thơ Hoa Cát Phan Văn), trang 35
- ♦ TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THIÊN PHÁI TRÚC LÂM, t.t. (Nguyễn Lang), tr. 36
- ♦ ĐỜI TÀN NGỖ HẸP (thơ Vũ Hoàng Chương), trang 39
- ♦ BẢO GIỒNG ĐÁ TẬN MỘT PHƯƠNG NÀY... (Huệ Trần), trang 40
- ♦ THƯ MỜI & PHIẾU GHI DANH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 6 (2016) (Ban Tổ Chức), tr. 42 – 44
- ♦ MỘT LÀ TẤT CẢ - XIN ĐỪNG LẶNG CÂM (Đỗ Đức), trang 47

- ♦ BẾN NƠ BỜ KIA (thơ Hàn Long Ân), trang 49
- ♦ SOI GƯƠNG KHÔNG THẤY BÓNG MÌNH (Hạnh Chi), trang 50
- ♦ ĐÀU NGUỒN HẠNH PHÚC - truyện cổ Phật giáo (Trí Hiền), trang 53
- ♦ THƯƠNG ÁO NHẬT BÌNH... (thơ Chung Hạnh), trang 54
- ♦ VIỆT NAM VÀ HÀNH TRÌNH BẢO VỆ MẸ TRÁI ĐẤT (Tâm Thường Định), trang 55
- ♦ STORY OF NANDIYA (Daw Mya Tin), trang 56
- ♦ NẤU CHAY: BÁNH TRÁNG CUỐN GIẤ XÀO ĐẬU HŨ (Hồng Hương), trang 57
- ♦ BẠN CỦA NGƯỜI XUẤT GIA TRẺ (Thanh Thị), trang 58
- ♦ CÔ LÁI ĐỎ (thơ Tâm Minh – Ngô Tăng Giao), trang 60
- ♦ MƯA NẮNG HAI MÙA (Thu Nguyệt), trang 61
- ♦ TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ (Steven N.), trang 63
- ♦ ĐẠI HỘI KHOẢNG ĐẠI KỶ 2 THÀNH TỰU VIÊN MÀN (Bình Sa), trang 64
- ♦ KHOẢ TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ: LỢI LẠC TRONG NĂNG LỰC TU TẬP CỦA ĐẠI CHÚNG (Huỳnh Kim Quang), trang 66
- ♦ LẠY TẠ THÂM ÂN (thơ TN Giới Định), trang 68
- ♦ TỪ SỰ KIẾN FORMOSA HÀ TĨNH – TRUNG QUỐC HÓA VIỆT NAM (Mạnh Kim), trang 69
- ♦ KHOAI LANG (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 72
- ♦ CÓ MỘT MÙA HÈ (thơ NT Minh Thủy), trang 73
- ♦ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 9 (Vĩnh Hào), trang 74
- ♦ LÀ CƠN GIÓ... (thơ Hồ Bích Hợp), trang 76



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 56, tháng 07 năm 2016, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phẩm. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng, pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

HÒA và HỢP

Bắt đầu vào hạ, trời nóng bức suốt mấy ngày liền. Bãi biển đông người, nhộn nhịp già trẻ lớn bé. Những chiếc lều to màu lục được dựng lên đây đó, và những chiếc dù nhỏ đủ màu sắc được cắm rải rác khắp nơi, trông như những cánh bướm đậu trên bờ cát trắng. Gió phàn phật lay những cánh dù vải và những hàng cau ven bờ. Vài con diều với đuôi uốn lượn trên bầu trời xanh lơ, dịu mắt. Ngoài kia, những chiếc ca-nô lướt nhanh, vạch ngang dọc những làn sóng trắng xóa. Bầy trẻ giỡn nước, đùa sóng, rộn tiếng cười khúc khích vui tai. Vài chiếc tàu sắt lớn thả neo ngoài khơi xa. Mặt biển vạch một đường thẳng tắp ở chân trời. Nơi ấy, dường như là sự tĩnh mịch, bất động, hoàn toàn trái ngược với sự náo nhiệt vui vẻ nơi đây. Và xa hơn, xa hơn, với vạt dậm đại dương trùng trùng sóng nước, là biển quê hương. Lòng chợt chùng xuống một nỗi buồn.

Sữa hòa với nước sẽ không thấy đâu là nước, đâu là sữa.

Muối hòa với nước, là nước biển, chỉ có một vị mặn.

Hóa chất độc hại hòa vào nước biển thì khó thấy đâu là hóa chất, đâu là nước biển; nhưng ném hay xúc chạm thì có thể tử vong.

Vậy, hợp sẽ đưa đến hòa, trong khi hòa mà không hợp tất sẽ có dị ứng, phản ứng.

Hòa không có hợp thì hòa chỉ là hình thức, gượng gạo, trước sau gì cũng dẫn đến bất đồng, chống trái lẫn nhau.

Độc tố đem vào đất (lãnh thổ), nước (lãnh hải), có thể hủy diệt nhiều mầm sống. Tốt nhất là không đem vào; mà đã lỡ đem vào, biết là gây họa, thì phải tẩy độc đi.

Lãnh đạo đất nước không phải là chủ nhân của đất nước. Đất nước này là của dân. Người xưa thường nói “quan một thời, dân nghìn đời” là thế. Quan chỉ là kẻ thừa hành ý nguyện của dân trong một giai đoạn; dân mới làm chủ đất nước trong mọi thời. Làm chủ, dân có quyền biểu đạt nguyện vọng của họ để quan thi hành. Không thể gọi là một đất nước dân chủ khi dân không có quyền.

Lãnh đạo tổ chức (tôn giáo, giáo hội...) không phải là chủ nhân của tổ chức. Tổ chức này là của toàn thể thành viên (dù có một vài nhân tố dựng lập giai đoạn đầu). Lãnh đạo chỉ là người

đại diện tổ chức trong một giai kỳ, không phải là miên viễn. Thành viên, toàn thể thành viên của một tập thể, mới là chủ nhân của tổ chức. Tiếng nói và ý nguyện của thành viên là tổ chất duy trì và phát triển tổ chức, và chỉ có năng lực của toàn thể thành viên mới đưa đến vinh quang cho tổ chức ấy.

Các nhà lãnh đạo (chính quyền, tôn giáo, giáo hội...) khi được ngồi vào ghế lãnh đạo, thường mắc phải ảo tưởng và lòng tự thị rằng mình được làm chủ cái tập thể này, có thể toàn quyền quyết định mọi thứ, coi thường kẻ dưới, coi thường tập thể, khoa trương về những thành tựu chung như thể do chính mình làm nên. Ảo tưởng này dựng lên một bản ngã to tướng, công kênh, kịch cỡm, lệch khỏi quỹ đạo của đám đông, tạo nên sự bất hòa, bất hợp đối với quần chúng.

Dân chủ của đất nước tự do cũng là dân chủ của các tổ chức tôn giáo, giáo hội tiến bộ. Đặc biệt là đối với tổ chức tăng đoàn Phật giáo nói chung, giáo hội – tông phái nói riêng, không thể không có dân chủ. Trong tập thể những người con Phật hướng về giải thoát giác ngộ, không có thứ bậc chủ/tớ, mà chỉ có tôn ty của đạo đức vô hành, của giới luật nghiêm minh. Giới luật là nền tảng của thanh tịnh; thanh tịnh là chất liệu cho hòa hợp. Không thanh tịnh thì khó lòng có hòa hợp trong tăng-đoàn, mà thiếu hòa hợp thì cũng không thể gọi là một tập thể thanh tịnh.

Khiếu kiện, kêu oan, biểu tình đòi bình đẳng, đòi sự minh bạch về thông tin, đòi tự do... đều là quyền của dân, của thành viên các tổ chức, lãnh đạo phải quan tâm, xem xét, tìm cách đáp ứng; lãnh đạo phải gần gũi, tiếp cận quần chúng, không thể làm ngơ chứ đừng nói là tự hiềm, xoi mói, đổ ky, trấn áp, bắt giam, giết hại!

Thế mà ở nơi này, nơi kia, đất nước đã phải như thế, và lãnh đạo đã là những người như thế.

Tại sao không hòa hợp mà chỉ thấy sự bất hòa, ô hợp? Làm thế nào để một đất nước, một tổ chức (tôn giáo, xã hội dân sự...) có sự an vui, hòa hợp? — Hãy là sữa tan trong nước, là muối tan trong biển. Nghĩa là những người lãnh đạo hãy quên mình đi.

Quên mình đi để chăm lo cho nước cho dân thì dân nhớ mãi.

Đã không lo cho nước mà còn hại nước, nước sẽ đắm thuyền.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

MÃ LAI: Phật tử làm đẹp ngôi chùa Thái vào mùa lễ Phật Đản

Tại ngôi chùa Thái Wat Chaiya Mangalaram trên đường Burmah ở George Town, Penang, hội viên và tình nguyện viên đã làm sạch từ đầu đến chân pho tượng Phật nằm có chiều dài 32.9 mét và cao 9.75 mét. Theo phong tục hàng năm, họ cũng đắp y lên tượng bằng những cây vải vàng do các tín đồ cúng dường.

Là tượng lớn thứ ba trên thế giới, pho tượng này sẽ là trung tâm của sự thu hút vào thứ bảy 21-5 tới trong các lễ kỷ niệm Ngày Vesak.

Sungkram Apau, chủ tịch hội đồng quản trị chùa, cho biết có hơn 50 tín đồ và tình nguyện viên đã làm vệ sinh ngôi chùa và hơn 30,000 tượng và ảnh Phật tử tuần trước. Ông nói theo lịch trình chư tăng bản tự cũng tụng kinh Paritta vào ngày 19-5 để kỷ niệm ngày sinh của Phra Phrom, vị Thần Bốn-Mặt.

Ông Apau cho biết rằng vào Ngày Vesak 21-5, chùa sẽ phục vụ thức ăn miễn phí cho mọi người, có xe hoa hình rồng dài 5.5 mét tham gia cuộc diễu hành, và các hoạt động khác được tổ chức tại chùa như lễ thả đèn hoa, nghi lễ bát giới và rải nước phép của chư tăng và một lễ cầu nguyện.

(n.trishaandr.sekaran - May 16, 2016)



Các tình nguyện viên làm sạch tượng Phật tại chùa Thái Wat Chaiya Mangalaram ở Penang, Mã Lai
Photo: n.trishaandr.sekaran

PAKISTAN: Phái đoàn Phật giáo Bhutan viếng các di tích tại Swat

Swat, Pakistan – Một phái đoàn Phật giáo từ Bhutan đã viếng huyện Swat và thực hiện các nghi lễ tôn giáo của họ tại các đền thờ khác nhau.

Bao gồm 4 nữ và 9 nam, phái đoàn cũng đã viếng các di tích trong huyện. Họ đã thực hiện các nghi lễ tôn giáo tại Gulkada và Bảo tháp Saidu Sharif. Sau đó họ đến chiêm bái tượng Đại Phật.

Phát biểu với giới truyền thông địa phương, trưởng phái đoàn là Sewang Pengor nói rằng họ thật vui khi viếng thung lũng Swat và hạnh phúc khi được tự do hành lễ tại các thánh địa.

“Chúng tôi cảm ơn người dân và chính phủ Pakistan về việc bảo tồn các thánh địa hàng trăm năm tuổi của mình. Chúng tôi sẽ trở lại với một thông điệp hòa bình và hữu nghị”, ông nói thêm.

Giám đốc Sở Lưu trữ tài liệu huyện Swat là Faizur Rehman cho biết trong huyện có nhiều di tích khảo cổ của các tôn giáo khác nhau.

(NewsNow – May 17, 2016)



Phái đoàn Phật giáo Bhutan viếng di tích Bảo tháp Saidu Sharif ở thung lũng Swat, Pakistan
Photo: Morning Post

—>

TÍCH LAN: Triển lãm xá lợi xương Phật từ Pakistan trong dịp lễ Vesak

Colombo, Tích Lan – Ngày 18-5-2016, Cao ủy Pakistan thông báo rằng chính phủ Pakistan sẽ cung cấp xá lợi linh thiêng nhất của Đức Phật để Tích Lan triển lãm trên toàn quốc vào dịp lễ Vesak.

Qua thỏa thuận song phương trong lĩnh vực văn hóa, cuộc trưng bày xá lợi xương Phật sẽ được tổ chức theo yêu cầu của chính phủ Tích Lan.

Một phái đoàn Tích Lan gồm các quan chức cao cấp cùng Sư trưởng Chùa Nalanda ở Nugegoda là Hòa thượng Thiniwala Palitha đã sang Pakistan vào ngày 18-5 để cung thỉnh các xá lợi linh thiêng.

Giới chức Pakistan sẽ trao các xá lợi cho phái đoàn Tích Lan trong một buổi lễ đặc biệt được tổ chức tại Taxila vào ngày 19-5.

Xá lợi sẽ đến Tích Lan vào tối ngày 19-5 và được triển lãm vào Ngày Vesak 21-5, sau đó triển lãm trên toàn quốc cho đến Ngày Rằm Poson Poya vào tháng sau.

Cuộc triển lãm sẽ trưng bày bộ sưu tập của Bảo tàng Taxila của Pakistan, gồm 2 xá lợi xương của Đức Phật, một bình đựng xá lợi bằng đá có dạng bảo tháp và một tráp bằng vàng.

(Colombo Page – May 18, 2016)





Bình đựng xá lợi bằng đá có dạng bảo tháp, một cổ vật được triển lãm cùng với các xá lợi xương Đức Phật
Photo: Colombo Page

INDONESIA: Trại y tế miễn phí điều trị cho 8,000 người tại Công viên Lâm Tì Ni trong khu Chùa Borobudur

Magelang, Indonesia – Khoảng 8,000 người đã tham dự trại điều trị miễn phí, được những người đại diện của Hiệp hội Phật giáo Indonesia (Walubi) thiết lập tại Công viên Lâm Tì Ni trong khu Chùa Borobudur, để kỷ niệm Đại lễ Phật Đản 2016.

Siti Hartati Murdaya, Chủ tịch của Walubi, cho biết trại y tế miễn phí này được tổ chức vào 2 ngày 19 và 20-5.

Bà Murdaya nhấn mạnh rằng Walubi đã phối hợp với các lực lượng Không quân, Lục quân và Cảnh sát để tổ chức trại y tế miễn phí với khoảng 200 bác sĩ.

Các bác sĩ bao gồm bác sĩ tổng quát, nha sĩ và các chuyên gia thuộc nhiều khoa khác nhau. Ngoài ra trại còn có sự hoạt động của 368 công nhân viên y tế, bao gồm y tá các khoa phẫu thuật, nhãn khoa và nha khoa, các bác sĩ gây mê, các nhà phân tích năng lượng, nhân viên phòng thí nghiệm, dược sĩ và dược tá.

(Antara News – May 19, 2016)



Công viên Lâm Tì Ni trong khu Chùa Borobudur ở Magelang, Indonesia
Photo: Panoramio

HÀN QUỐC: Những đèn lồng đặc biệt trong lễ hội đèn lồng mừng Lễ Phật Đản

TIN ANH: Tối mùng một tháng 4 âm lịch (7-5-2016) một biển đèn lồng tuyệt đẹp đã thắp sáng bầu trời đêm trên thủ đô Seoul, khi hàng nghìn người Hàn Quốc bắt đầu tổ chức lễ hội Liên Hoa Đăng để tôn vinh sự đản sinh của Đức Phật.



Một đèn lồng Đức Phật lớn thắp sáng trung tâm Seoul



Phụ nữ cầm đèn lồng có vẽ hình Phật bằng mực đen



Tại Hàn Quốc Ngày Phật Đản năm nay nhằm ngày 14-5 (8-4 âm lịch), nhưng các lễ hội bắt đầu ít nhất là vào một tuần trước đó

THỤY SĨ: Chuyến thăm chính thức châu Âu lần thứ 3 của Đức Karmapa

Vào ngày 18-5-2016, Đức Pháp Vương Gyalwang Karmapa thứ 17 đã đến Geneva, Thụy Sĩ, để thuyết pháp cũng như điểm đạo Dược Sư Phật vào ngày 21 và 22-5. Sau đó tại Bulach gần Zurich, ngài sẽ điểm đạo Quán Thế Âm và thuyết pháp vào ngày 28 và 29-5. Thụy Sĩ là nơi có số người dân tộc Tây Tạng lớn thứ nhì bên ngoài Ấn Độ.

Khi đến Thụy Sĩ, Đức Karmapa đã được đón tiếp trang trọng bởi Đại sư Ringu Tulku, chủ tịch Hội Karmapa Âu Châu và ông Ngodup Dorjee, người đại diện cho Đức Đạt lai Lạt ma cùng Sangye Dorje, chủ tịch Hiệp hội Rigdzin Thụy Sĩ, vốn đã tổ chức chuyến thăm này và là một phần của Cộng đồng Nyingmapa Rigdzin Quốc tế.

Chuyến thăm chính thức châu Âu lần thứ 3 của Đức Karmapa bao gồm những ngày ở Paris, Pháp, nơi ngài sẽ có một buổi giảng pháp về Tứ Diệu Đế, một buổi hướng dẫn thiền định và một buổi điểm đạo Quán Thế Âm khác.

Ngài cũng sẽ tham gia vào nhiều hội nghị trong thời gian ở châu Âu của mình.

(Buddhistdoor Global – May 23, 2016)



Đức Karmapa 17 hướng dẫn thiền định tại Geneva, Thụy Sĩ
Photo: kayuoffice.org

NEPAL: Thủ tướng Oli cam kết về sự phát triển của Lâm Tì Ni

Kathmandu, Nepal – Thủ tướng KP Sharma Oli của Nepal nói rằng chính phủ của ông cam kết cho sự phát triển của Lâm Tì Ni, nơi đản sinh của Đức Phật, bằng việc thực hiện

Kế hoạch Tổng thể Phát triển Lâm Tì Ni.

Phát biểu tại một buổi lễ đặc biệt được tổ chức vào dịp lễ Phật Đản 2560 tại Lâm Tì Ni vào ngày 21-5, Thủ tướng nói rằng Kế hoạch Tổng thể Phát triển Lâm Tì Ni cần phải được tiến hành càng sớm càng tốt.

Ông nói, "Lâm Tì Ni không những là nơi đản sinh của Đức Phật mà còn là suối nguồn của tình thương yêu và lòng từ bi". Thủ tướng cho biết chính phủ đang làm hết sức mình để mang lại hòa bình và thịnh vượng cho đất nước sau trận động đất kép hồi năm ngoái.

Thủ tướng Oli nói thêm rằng sau trận động đất gây tàn phá vào ngày 25-4 năm ngoái, sự hiệp nhất mà người dân đã thể hiện thật là phi thường. Ông nói việc tái xây dựng sau động đất sẽ hoàn thành trong vòng 5 năm.

(bignewsnetwork.com - May 23, 2016)

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma ban phước khi chư tăng Thái Lan đi bộ vì Hòa bình Thế giới tại Ấn Độ

Ngày 20-5-2016, một nhóm 40 nhà sư Đại Thừa từ Thái Lan đã tập trung tại nơi cư trú chính thức của Đức Đạt lai Lạt ma để nhận sự ban phước của ngài nhân dịp lễ Phật Đản. Sau đó chư tăng Thái bắt đầu cuộc đi bộ vì hòa bình với điểm đến cuối cùng là thành phố Leh ở bang Jammu và Kashmir, bắc Ấn Độ.

Các nhà sư nói cuộc đi bộ được tổ chức bởi Hội Từ thiện Dharamsala Thái có trụ sở tại Dharamsala, mục đích là thúc đẩy tình thương, lòng tốt và lòng từ bi trên thế giới. "Chúng tôi thực hiện cuộc hành hương này vì hòa bình thế giới và để chia sẻ với thế giới về sự bình an của tâm linh theo lời dạy của Đức Phật bốn sư", một tăng sĩ nói.

Sau khi tiễn các nhà sư Thái, Đức Đạt lai Lạt ma đã chủ trì lễ cầu nguyện cho Saga Dawa (còn gọi là "tháng công đức" theo Phật giáo Tây Tạng) tại khu chùa Tsuglagkhang trong một buổi lễ được tổ chức

bởi Tu viện Namgyal.
(Buddhistdoor Global - May 23, 2016)



40 nhà sư Thái đi bộ vì hòa bình thế giới tại Ấn Độ (từ Dharamsala đến Leh) Photo: phayul.com

THÁI LAN: Phó Thủ tướng Thái Lan và Bộ trưởng Tư pháp và Phật giáo Tích Lan thảo luận về tăng cường các mối quan hệ

Bangkok, Thái Lan - Bộ trưởng Tư pháp và Phật giáo Tích Lan Wijeyadasa Rajapakse đã gặp Phó Thủ tướng Thái Lan Wissanu Kreangam để tăng cường quan hệ song phương giữa 2 nước.

Ông Wijeyadasa đến Thái Lan vào ngày 20-5 để chào mừng Ngày Phật Đản tại trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya. Sau đó ông đến thăm Phó Thủ tướng, Tiến sĩ Wissanu và nói rằng Tích Lan muốn tổ chức một sự kiện tôn giáo vào năm tới.

Phó Thủ tướng Wissanu bày tỏ sự cảm ơn của mình đối với việc ông Wijeyadasa đã tham gia vào ngày lễ Phật Đản tại Thái Lan. Hai ông đã đồng ý tăng cường hợp tác song phương về du lịch và về các vấn đề Phật giáo. Lần hội kiến gần đây nhất của 2 ông là khi vị Bộ trưởng Tích Lan đến Vương quốc Thái để nhận lại xá lợi Đức Phật mà Tích Lan đã cho mượn.

Tích Lan có tiềm năng trở thành điểm đến du lịch tôn giáo đối với người Thái; mỗi năm có rất nhiều du khách Thái sang tham quan chùa chiền tại đảo quốc Nam Á này.

(NewsNow - May 24, 2016)



Bộ trưởng Tư Pháp và Phật giáo Tích Lan (bên trái) thảo luận cùng Phó Thủ tướng Thái Lan (ngồi giữa)
Photo: Colombo Page

MÃ LAI: Hội Từ Tế tổ chức ba lễ mừng vào dịp Đại lễ Phật Đản

Ngày 21-5-2016, một đại lễ tằm Phật đã được Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan tổ chức trong 3 lễ để kỷ niệm ngày Phật Đản, kỷ niệm 50 năm thành lập của Từ Tế và Ngày Các Bà Mẹ.

Hơn 15,000 người đã tham gia đại lễ này tại Hội trường Jing Si của Từ Tế Kuala Lumpur ở Kepong. Các tình nguyện viên và tín đồ thực hiện nghi lễ tằm Phật, được hướng dẫn bởi 80 tu sĩ Phật giáo từ các chùa khác nhau. Chư tăng niệm chú và là những người đầu tiên tằm Phật.

Kết nối với Ngày Các Bà Mẹ, chương trình của ngày này bao gồm phần con cái rửa chân cho các bà mẹ để biểu thị việc nhấn mạnh tầm quan trọng của lòng hiếu thảo. Hội Từ Tế nói rằng nghi lễ này nhằm bày tỏ lòng biết ơn của con cái đối với tình yêu thương của cha mẹ mình, và hội hy vọng sẽ khuyến khích thêm nhiều người làm điều này.

(tipitaka.net - May 27, 2016)



Ba lễ mừng được tổ chức tại Hội trường Jing Si của Từ Tế Kuala Lumpur ở Kepong, Mã Lai, vào dịp Lễ Phật Đản năm nay
Photo: star.com.my

ẤN ĐỘ - NEPAL: Mạng mạch Phật giáo: tuyến du lịch xuyên quốc gia từ Ấn Độ đến Nepal

Ấn Độ hào hứng công bố rằng Mạng mạch Phật giáo sẽ là tuyến du lịch xuyên quốc gia đầu tiên của nước này bằng cách kết hợp với Lâm Tì Ni của Nepal.

Nỗ lực này sẽ thúc đẩy du lịch tại Nepal và Tích Lan, bên cạnh ngành du lịch tại Ấn Độ, với những di tích trong mạng mạch Phật giáo cũng như mạng mạch Ấn giáo Ramayana bắc qua 2 nước kia.

Bản đồ mạng mạch Phật giáo như dự định bao gồm Bồ Đề Đạo Tràng, Vaishali, Thành Vương Xá và Câu Thi Na ở bang Bihar, Vườn Lộc Uyển và Thành Vệ Xá ở bang Uttar Pradesh, cùng với Ca Tỳ La Vệ và Lâm Tì Ni ở Nepal.

Một trung tâm hội nghị có sức chứa 2,500 người đã được phê duyệt tại Bồ Đề Đạo Tràng, để các nhóm công ty có thể tổ chức các cuộc hội nghị trong khi đi theo tour mạng mạch Phật giáo.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Du lịch và Hàng không Dân dụng của Nepal cho biết mạng mạch Phật giáo 160 km theo kế hoạch sẽ kết hợp 10 di tích Phật giáo lớn, bao gồm Ca Tỳ La Vệ, Devdaha và Ramgram ở Nepal.

(Kathmandu Post – June 1, 2016)



Lâm Tì Ni, Nepal
Photo: weallnepali.com

PAKISTAN: Chư tăng Tích Lan viếng các di tích Phật giáo tại thành phố Mardan

Takhtbhai, Mardan – Ngày 31-5-2016, ông Daya Gamage, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Tích Lan đã ca ngợi những nỗ lực của chính phủ Pakistan trong việc bảo tồn

các di tích Phật giáo trên toàn quốc, đặc biệt là ở Takhtbhai.

Ông Daya Gamage và phu nhân là bà Anoma Gamage, Bộ trưởng Dầu khí và Tài nguyên Thiên nhiên, đã đi cùng một nhóm 16 nhà sư và 8 nữ du khách đến viếng tu viện Phật giáo Takhtbhai.

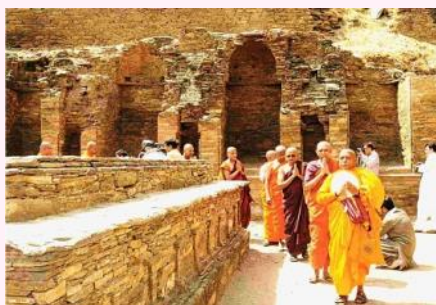
Chuyến thăm dành cho du khách Tích Lan này đã được sắp xếp bởi Mohsin S.Haqqani, Thư ký Liên bang về Lịch sử và Văn học Quốc gia Pakistan. Chư tăng và các vị chức sắc Tích Lan đã cầu nguyện tại bảo tháp chính và viếng những phần khác nhau của di tích Phật giáo này.

Bộ trưởng Daya Gamage nói với các phóng viên rằng việc duy trì và bảo quản tốt các di tích khảo cổ cho thấy lòng khoan dung về tôn giáo của nhân dân Pakistan.

(thenews.com.pk – June 1, 2016)



Chư tăng Tích Lan viếng di tích Phật giáo Takhtbhai, Pakistan
Photos: tribune.com.pk & Colombo Page



CỘNG HÒA KALMYKIA (NGA): Ra mắt dịch vụ tin nhắn Phật giáo cho 500 triệu người sử dụng

Một dịch vụ tin nhắn mới tìm cách liên kết 500 triệu Phật tử trên khắp thế giới sẽ ra mắt tại Kalmykia, một

vùng thuộc Nga có dân số Phật giáo lớn. Khoảng 1 triệu usd sẽ được đầu tư vào dự án này. Nhà đầu tư chính kiểm soát giả của dự án là Kirsan Ilyunzhinov, cựu Tổng thống của Kalmykia. Ông đã phát triển ứng dụng cho App Store và Google Play.

“Nó tương tự như các tin nhắn khác: miễn phí, có thể gửi video, mail, thực hiện cuộc gọi điện thoại,” ông Ilyunzhinov nói. “Thêm vào đó nó sẽ phổ biến các bài giảng từ các vị cao tăng Phật giáo”.

Ban đầu, dịch vụ tin nhắn này dự kiến ra mắt vào tháng 5 trùng với lễ Phật Đản, nhưng phải hoãn lại cho đến ngày 6-6 nhằm sinh nhật thứ 81 của Đức Đạt lai Lạt ma.

(NewsNow – June 2, 2016)



Kirsan Ilyunzhinov, cựu Tổng thống của Kalmykia
Photo: alchetron.com

TÍCH LAN: Lễ cúng dường và cầu an sau khi kết thúc việc tìm kiếm nạn nhân vụ lở đất ở Aranayake

Colombo, Tích Lan – Ngày 2-6-2016, chư tăng Tích Lan đã tổ chức một buổi lễ tôn giáo để tích công đức cho hơn 100 dân làng bị chôn vùi trong vụ lở đất của núi Samasara ở Aranayake trước đó 2 tuần, sau khi các nhân viên cứu hộ chính thức kết thúc việc tìm kiếm những người đã thiệt mạng.

Tại trường Hathgampola Maha Vidyalaya, một lễ cúng dường vật phẩm đã diễn ra vào ngày này để tích đức cho những người đã chết trong thảm họa. Và 60 nhà sư đã tụng kinh Seth Pirith để cầu an phước cho người dân.

Các lực lượng an ninh đã chính thức kết thúc việc tìm kiếm những người mất tích theo yêu cầu của thân nhân sau vụ lở

đất lớn chôn vùi 3 ngôi làng tại Aranakaye ở huyện Kegalle vào ngày 17-5-2016.

(Colombo Page – June 2, 2016)



Một hình ảnh của vụ lở đất tại Aranakaye ở huyện Kegalle, Tích Lan
Photo: Xinhua

HÀN QUỐC – NHẬT BẢN: Triển lãm “Bồ tát Trầm mặc: Bảo vật của Hàn- Nhật”

Seoul và Tokyo đã phối hợp tổ chức một cuộc triển lãm đặc biệt với các bảo vật quốc gia từ cả hai nước để kỷ niệm 50 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

Triển lãm kỷ niệm này mang tên “Bồ tát Trầm mặc: Bảo vật của Hàn Quốc và Nhật Bản”, diễn ra tại Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc từ ngày 24-5 đến 12-6, và sau đó sẽ đến trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Tokyo, Nhật Bản, từ ngày 21-6 đến 10-7-2016.

Tượng bồ tát trầm mặc của Hàn Quốc bằng đồng mạ vàng, được cho là tạo tác vào thế kỷ thứ 6 của thời Ba Vương quốc của Triều Tiên (812-936).

Với vị trí đối diện tượng của Hàn Quốc, pho tượng bồ tát trầm mặc của Nhật Bản sẫm màu hơn và lớn hơn nhiều, với chiều cao 167.5 cm. Được làm từ 11 mảnh gỗ cây long não, tượng này có nguồn gốc từ thời Asuka vào cuối thế kỷ 17. Tư thế của tượng Nhật Bản rất giống với tượng của Hàn Quốc.

(tipitaka.net – June 6, 2016)

Tượng Bồ tát Trầm mặc của Hàn Quốc (ảnh trên) và Nhật Bản (ảnh dưới)

Photos: Yonhap —>

HỒNG KÔNG: Hiệp hội Sa- kyadhita Quốc tế tổ chức Hội nghị Quốc tế lần thứ 15 tại trường Đại học Hong Kong

Hiệp hội Sakyadhita (Nữ Phật tử) Quốc tế sẽ tổ chức hội nghị tiếp theo của mình từ ngày 22 đến 28-6-2017 tại trường Đại học Hồng Kông, với sự hỗ trợ từ Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo của trường này.

Chủ đề của hội nghị lần thứ 15, “Nữ Phật tử đương thời: Thiền quán, Trao đổi Văn hóa & Hành động Xã hội”, nêu bật sự đa dạng của nữ Phật tử đương thời trên khắp thế giới. Trang mạng của Sakyadhita nhận định: “Phật

giáo là một lực lượng văn hóa quan trọng trên thế giới, có ảnh hưởng đến hầu như mọi lĩnh vực hoạt động của con người, từ kinh doanh cho đến nhạc pop. Sự truyền bá toàn cầu của đạo đức, hình tượng, thiền định và triết học Phật giáo đang có một tác động đối với khoa học, tâm lý học, quyền lãnh đạo và nghệ thuật... Chủ đề của hội nghị năm 2017 đủ rộng mở để bao gồm nhiều khía cạnh của việc Phật giáo có ý nghĩa gì đối với phụ nữ, và để đón nhận tầm mức về những trải nghiệm của nữ Phật tử”.

(Buddhistdoor Global – June 10, 2016)



Trường Đại học Hồng Kông, nơi sẽ tổ chức Hội nghị Sakyadhita Quốc tế lần thứ 15 (Photo: Wikipedia)



TẠI SAO TÔI LẠC QUAN VỀ TƯƠNG LAI THẾ GIỚI?

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
Nguyên Giác chuyên ngữ



LGT: Sau đây là bản dịch bài viết "Why I'm hopeful about the world's future" của Đức Đạt Lai Lạt Ma trên nhật báo Washington Post ngày 13-6-2016. Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14, Tenzin Gyatso, là vị lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng. Từ năm 1959, ngài sống lưu vong ở Dharamsala, miền Bắc Ấn Độ.

oOo

Gần 6 thập niên trôi qua kể từ khi tôi rời quê nhà Tây Tạng và trở thành người tỵ nạn. Nhờ vào từ tâm của chính phủ và dân tộc Ấn Độ, người Tây Tạng chúng tôi tìm được quê hương thứ nhì, nơi chúng tôi có thể sống trong phẩm cách và tự do, có thể duy trì truyền thống Phật giáo, văn hóa và ngôn ngữ chúng tôi.

Thế hệ chúng tôi đã chứng kiến quá nhiều bạo lực – một số sử gia ước tính rằng có hơn 200 triệu người bị giết trong các trận xung đột ở thế kỷ 20.

Hôm nay, chưa thấy viễn ảnh kết thúc bạo lực kinh hoàng ở Trung Đông, nơi như trong hồ sơ Syria đã dẫn tới khủng hoảng tỵ nạn lớn nhất trong một thế hệ. Các vụ khủng bố tấn công kinh hoàng – như chúng ta mới được nhắc một cách buồn bã hồi cuối tuần qua – đã gây nỗi sợ sâu thẳm. Trong khi dễ dàng cảm nhận sự tuyệt vọng và vô vọng, vẫn cần thiết hơn rằng trong những năm đầu của thế kỷ 21 giữ tâm thực tế và lạc quan.

Có nhiều lý do để chúng ta hy vọng. Sự công nhận quyền con người có tính phổ quát, kể cả quyền tự quyết, đã lan rộng vượt qua mọi thứ có

thể được hình dung hồi một thế kỷ trước. Ngày càng có đồng thuận quốc tế về ủng hộ bình đẳng nam nữ và tôn trọng phụ nữ. Một cách đặc biệt là trong thế hệ trẻ, đã có sự bác bỏ rộng rãi đối với chiến tranh như một phương tiện giải quyết vấn đề. Khắp thế giới, nhiều người đang làm những việc làm giá trị để ngăn cản khủng bố, công nhận những chiều sâu của ngộ nhận và ý tưởng chia rẽ cực kỳ nguy hiểm về "chúng ta" và "họ." Tình hình cắt giảm nhiều trong các kho vũ khí nguyên tử trên thế giới có nghĩa là đang định ra thời biểu để giảm nhiều hơn, và tận cùng sẽ xóa bỏ vũ khí nguyên tử—một cảm nhận mà Tổng Thống Obama mới đây lập lại ở Hiroshima, Nhật Bản—không còn đơn giản là một giấc mơ.

Khái niệm về chiến thắng tuyệt đối cho một phía và thảm bại hoàn toàn cho phía kia đã rất mực lỗi thời; trong một số trường hợp, sau cuộc chiến, đau khổ khởi dậy từ một tình trạng không thể mô tả như là chiến tranh hay hòa bình. Bạo lực tất yếu dẫn thêm bạo lực. Thực sự, lịch sử cho thấy sự đề kháng bất bạo động dẫn tới các nền dân chủ hòa bình và bền vững hơn, và thành công hơn là chiến đấu bạo lực, khi lật đổ các chế độ toàn trị.

Sẽ không đủ, khi đơn giản cầu nguyện. Đã có giải pháp cho nhiều vấn đề chúng ta đối diện; cơ chế mới để đối thoại cần dựng lập ra, cùng với các hệ thống giáo dục để sinh khởi các giá trị đạo đức. Những việc như thế phải được đặt làm nền tảng trong viễn ảnh rằng chúng ta tất cả đều thuộc vào một gia đình nhân loại và rằng chung sức chúng ta có thể

giải quyết các thách thức toàn cầu.

Điểm khích lệ rằng chúng ta đã thấy nhiều người bình thường trên khắp thế giới bày tỏ lòng từ bi rộng lớn đối với thảm cảnh người tỵ nạn, từ những người đã cứu họ ra khỏi biển sóng, tới những người đón nhận họ vào và cung cấp tình thân hữu và sự hỗ trợ. Bản thân tôi là một người tỵ nạn, tôi cảm nhận thương cảm mạnh mẽ cho hoàn cảnh của họ, và khi chúng ta thấy nỗi khổ của họ, chúng ta nên làm mọi thứ có thể để giúp họ. Tôi cũng có thể hiểu nỗi sợ của những người trong các quốc gia tiếp nhận, những người có thể cảm thấy bị tràn ngập. Kết hợp của những hoàn cảnh đã gợi sự chú ý tới tầm quan trọng chủ yếu của hành động tập thể về hướng hồi phục hòa bình chân thực cho các vùng đất nơi những người tỵ nạn này đang bỏ chạy.

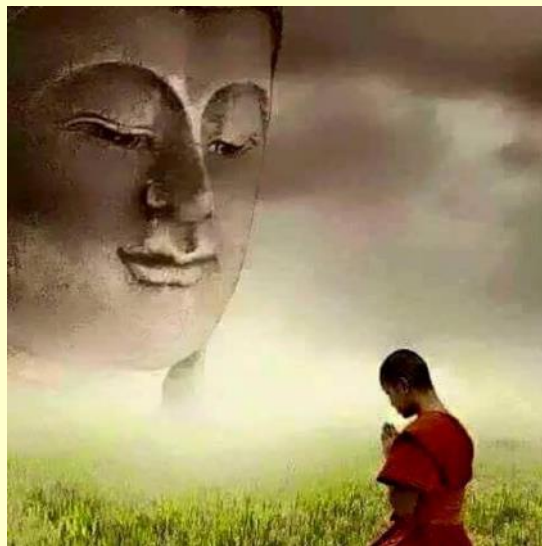
Người tỵ nạn Tây Tạng đã kinh nghiệm trực tiếp khi trải qua các hoàn cảnh như thế, và mặc dù chúng tôi chưa có thể về lại quê hương, chúng tôi mang ơn sự hỗ trợ nhân đạo mà chúng tôi nhận được trải qua các thập niên từ bạn hữu, kể cả từ dân tộc Hoa Kỳ.

Một nguồn hy vọng thêm nữa là sự hợp tác chân thực giữa các nước trên thế giới về mục tiêu chung được nhìn thấy trong hiệp ước Paris về biến đổi khí hậu. Khi sự hâm nóng địa cầu đe dọa sức khỏe hành tinh, nơi ngôi nhà duy nhất của chúng ta, chỉ bằng cách cứu xét lợi ích toàn cầu lớn hơn, rồi mới đạt được các lợi ích địa phương và quốc gia.

Bản thân tôi có liên hệ vấn đề này, bởi vì Tây Tạng là bình nguyên cao nhất thế giới, và là tâm điểm của biến đổi khí hậu toàn cầu, hâm nóng nhanh gấp ba lần phần còn lại của thế giới. Đây là nơi cất giữ lớn nhất nguồn nước ngoài hai cực địa cầu và nguồn của hệ thống sông lan rộng nhất của địa cầu, quan trọng đối với 10 quốc gia có mật độ đông dân nhất thế giới.

Để tìm giải pháp cho khủng hoảng môi trường và các cuộc chiến bạo lực chúng ta gặp trong thế kỷ 21, chúng ta cần tìm câu trả lời mới. Cho dù tôi là một nhà sư Phật giáo, tôi tin rằng các giải pháp này vượt ngoài tôn giáo, trong việc quảng bá khái niệm tôi gọi là đạo đức thế gian. Đây là một phương pháp tự giáo dục chúng ta dựa vào các khám phá khoa học, vào kinh nghiệm chung và vào cảm nhận đời thường — một phương pháp phổ quát hơn để đề cao giá trị nhân loại chung của chúng ta.

Trong hơn ba thập niên, những cuộc thảo luận của tôi với các khoa học gia, nhà giáo và nhân viên xã hội từ khắp thế giới đã hiển lộ quan tâm chung. Do vậy, chúng tôi đã dựng lên một hệ thống dẫn tới nền giáo dục cho tâm hồn, nhưng là một nền giáo dục dựa vào nghiên cứu về sự vận hành của tâm và cảm thọ, xuyên qua các học bổng và các nghiên cứu khoa học, hơn là [dựa vào] thực tập tôn giáo. Bởi vì chúng ta cần các nguyên tắc đạo đức — từ bi, tôn trọng người khác, tử tế, nhận trách



ĐỜI TU SĨ

*Thành thoi một gánh quả an nhiên
Phủ sạch trần ai bao chương duyên
Thay ảo tình yêu choàng ảo đạo
Tây tâm ô trược hiện tâm thiền
Đắp xây chánh niệm qua bờ giác
Hoá độ quân mê thoát nẻo phiền
Soi sáng phù du sanh tử kiếp
Triển khai Diệu Pháp hướng chân nguyên.*

thơ THÍCH THẮNG HOAN

nhiệm — trong mọi lĩnh vực của hoạt động nhân loại, chúng ta đang làm việc để giúp các trường học và các đại học tạo ra cơ hội cho giới trẻ tự ý thức hơn, để học cách đối trị các cảm thọ bất thiện và vun trồng kỹ năng xã hội. Chương trình học đó đang đưa vào học trình nhiều trường ở Bắc Mỹ và Châu Âu — tôi có tham dự với việc này ở Emory University về một học trình mới về nền đạo đức thế gian, và đang được đưa vào nhiều trường ở Ấn Độ và Hoa Kỳ.

Trách nhiệm chung của chúng ta là phải bảo đảm rằng thế kỷ 21 không lặp lại các nỗi đau và các trận thảm sát của quá khứ. Bởi vì bản chất con người là tử bi trong căn bản, tôi tin có thể sẽ hiển lộ ra trong các thập niên tới là một kỷ nguyên hòa bình — nhưng chúng ta phải làm việc chung nhau, trong cương vị các công dân thế giới của một hành tinh chung nhau.

BÀI THƠ VẬN NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA THIỀN SƯ PHÁP THUẬN

Trí Siêu Lê Mạnh Thát

Trong ba vị Thiền sư đã tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh năm 981 là Thiền sư Khuông Việt, Vạn Hạnh và Pháp Thuận, thì hình như Thiền sư Pháp Thuận là người được vua Lê Đại Hành tín nhiệm và kính trọng nhiều nhất. Sự tình này ta có thể thấy qua việc vua Lê Đại Hành đã đem vận nước ngấn dài ra để trưng cầu ý kiến của Thiền sư Pháp Thuận. Phải nói rằng Thiền sư Pháp Thuận đã được tín nhiệm tới một mức độ nào đó, thì Lê Hoàn mới dám đem vấn đề ấy ra để hỏi. Khi nói đến vận nước, thực tế là nói đến vận mạng của một triều đại. Vua Lê Đại Hành đã đem vận mạng của triều đại mình để hỏi, điều này cũng có nghĩa ông hoàn toàn tin tưởng Thiền sư Pháp Thuận.

Sự thật, khi đặt câu hỏi như thế, vua Lê Đại Hành đã nhìn Thiền sư Pháp Thuận không chỉ là một cổ vấn thần tín, mà còn là một cổ vấn có đủ khả năng phân tích để có thể thấy đâu là sở trường, đâu là sở đoản của một triều đại. Có thể, vua Lê Đại Hành đã đặt câu hỏi ấy vào một thời điểm mà triều đại nhà Lê do Lê Hoàn thiết lập đang đứng trước những khó khăn thách thức, có nguy cơ có thể bị sụp đổ. Thời điểm đây nguy cơ ấy không đâu khác hơn là giai đoạn lúc Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích giết vào tháng 10 năm Kỷ Mão (979) và khi Hầu Nhân Bảo tiến quân vào nước ta vào mùa Xuân tháng 3 năm Tân Tỵ (981).

Đây là giai đoạn của thù trong giặc ngoài, mà nếu không có sự ủng hộ một lòng một dạ của dân thì Lê Hoàn đã không bao giờ thành công, đè bẹp và tiêu diệt đám thù trong giặc ngoài ấy. Quả vậy, bên trong đám Đinh Điền, Nguyễn Bặc do quyền lợi cá nhân và dòng họ, đã không thấy nguy cơ xâm lược của kẻ thù đối với đất nước, nên đã kiên quyết chống lại Lê Hoàn. Còn bên ngoài, triều đình nhà Tống đang ráo riết đi sâu vào những khó khăn nội bộ của ta và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lăng Đại Cồ Việt. Trong một tình huống như thế, nếu không có sự đoàn kết của toàn dân, vua Lê Đại Hành đã không thể chiến thắng được thù trong giặc ngoài như vừa kể.

Chính trong tình thế có nhiều nguy cơ

thách thức như vậy, mà vua Lê Đại Hành đã hỏi Thiền sư Pháp Thuận về vận nước dài hay ngắn. Và như thế câu trả lời của Thiền sư Pháp Thuận cũng ở vào thời điểm ấy. Để nhấn mạnh đến vị thế xung yếu của sự đoàn kết, Thiền sư Pháp Thuận đã dùng hình ảnh vận nước như một bó mây cuộn lại với nhau:

Vận nước như mây cuộn

Trời Nam mở thái bình

Vô vi trên điện các

Xứ xứ hết đao binh

Nói vậy tức cũng xác định bài thơ Vận

Nước này ra đời vào trong khoảng những năm 979 – 981, khi đất nước đang trải qua những giờ phút nghiêm trọng. Nguy cơ đánh mất chủ quyền quốc gia ngày đêm vẫn rình rập. Chính vào thời điểm này, những người lãnh đạo đất nước như Lê Hoàn với trực cảm bén nhạy của nhà chính trị thiên tài đã thấy vấn đề và tìm cách giải quyết. Câu trả lời của Thiền sư Pháp Thuận cũng thể hiện một trực cảm

chính trị sắc bén không kém. Ông đã ý thức rất rõ mọi quyền lực phải từ dân mà ra và vận nước cũng thế. Vận nước ngấn dài nằm ở trong tay người dân. Người lãnh đạo biết nắm lấy dân, biết đoàn kết với dân thì vận mệnh của triều đại mình sẽ lâu dài. Ngược lại, thì sẽ nhào đổ một cách nhanh chóng.

Quan điểm coi vận nước như một bó mây vừa tượng hình, dễ hiểu, lại vừa chứa đựng những ý nghĩa sâu sắc. Ngày nay, chúng ta thường hay dùng hình ảnh bó đuốc để chỉ cho sự đoàn kết. Tổ tiên ta hơn ngàn năm trước đã dùng hình ảnh cuộn mây (đăng lạc). Từng con người có thể yếu yếu ớt như từng chiếc đuốc, từng sợi mây, nhưng biết kết hợp lại thì sẽ trở thành một sức mạnh vô địch, không gì có thể phá vỡ được. Vào những ngày tháng của năm 980, một nhận định và kêu gọi như thế về sức mạnh của đoàn kết thật đúng lúc. Thiền sư Pháp Thuận đã thể hiện tư cách tham mưu sắc bén của mình qua bài thơ ấy.

Sự thật, với sức mạnh của đoàn kết, vị Thiền sư thấy đất nước mở ra một vận hội không những lâu dài mà còn thái bình. Quả



vậy, chỉ khi đất nước thái bình thì vận nước mới lâu dài được. Mà một đất nước cứ chiến tranh liên miên thì làm sao mà thái bình cho được. Cứ chiến tranh, bao nhiêu nguồn tài nguyên nhân vật lực bị phung phí thì đời sống nhân dân càng ngày càng kiệt quệ. Nhân dân đã kiệt quệ, thì làm sao vận nước được lâu dài. Cho nên, hơn ai hết, những người đã trực tiếp tham gia chỉ đạo cục kháng chiến của dân tộc như Thiền sư Pháp Thuận, chắc hẳn có một mong ước thiết tha cho chiến tranh chóng chấm dứt. Và thật sự họ đã nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến tranh do kẻ thù áp đặt chỉ trong vòng ba tuần lễ.

Bài thơ Vận Nước tuy thể hiện một tư tưởng chính trị, nhưng vẫn không đánh mất tính chất thời sự của nó. Dòng thơ thời sự Việt Nam bắt đầu với Thiền sư Định Không, bầy giờ đến Thiền sư Pháp Thuận và Thiền sư Khuông Việt, rồi Thiền sư Vạn Hạnh đã trở thành dòng thơ chủ lưu của nền văn học Việt Nam. Đây là một dòng thơ suy tưởng sâu đậm đến vận mạng của đất nước, đến cuộc sống của người dân. Với gần mấy chục bài thơ xoay quanh những vấn đề trọng đại như chủ quyền quốc gia, như đoàn kết toàn dân, như thái bình của đất nước, nó đã chuẩn bị tiền đề tư tưởng và nhận thức cho mọi tầng lớp người dân và báo hiệu cho sự ra đời một quốc gia Đại Việt hùng cường sắp tới. Ít có khi trong lịch sử văn học bất cứ dân tộc nào, mà một dòng văn học chủ lưu như dòng văn học thời sự Việt Nam trong các thế kỷ thứ tám cho đến thứ mười.

Tính chất thời sự của dòng thơ chủ lưu này không còn xuất hiện trong những thế kỷ sau. Hoặc có đi nữa, thì nó cũng rất mờ nhạt, không có những nét đặc thù rõ rệt. Đây là một thời đại văn học, mà mọi cây bút lớn đều tập trung vào những vấn đề trọng đại vừa nêu trên. Một đặc trưng ta cũng ít tìm thấy trong những giai đoạn văn học sau. Có thể nói mọi tinh lực của dân tộc đều đổ dồn vào công cuộc xây dựng chủ quyền quốc gia và kiến thiết một nền thái bình cho đất nước. Cho nên, nó đã khai sinh ra nền văn học đậm đặc tính chất thời sự phục vụ cho nhu cầu xây dựng và kiến thiết như vừa nói. Đây là một nền văn học mang lại cho ta những cảm thức hùng vĩ về đất nước, về con người.

Nhiều người đã viết về lịch sử văn học Việt Nam và hầu hết họ đều đưa bài thơ "Nam Quốc Sơn Hà" lên làm bài thơ mở đầu cho giai đoạn văn học thời kỳ tự chủ. Người ta cố tình bỏ qua cả một dòng thơ thời sự tràn đầy tính chiến đấu cho chủ quyền của đất nước, bắt đầu từ Thiền sư Định Không (730 – 808) cho đến Thiền sư Vạn Hạnh (? – 1025) qua những danh gia như La Quý, Khuông Việt, Đa Bảo và Pháp

Thuận. Trong gần 300 năm tồn tại, dòng văn học thời sự này đã có những đóng góp to lớn cho công cuộc vận động toàn dân đấu tranh giành độc lập và xây dựng nền thái bình cho đất nước. Nó đã thể hiện được tinh thần hào hùng của một thời kỳ đầy biến động dồn dập.

Sự thật, đọc bài thơ Vận Nước trên, ta không chỉ cảm thấy Thiền sư Pháp Thuận nói đến đòi hỏi về đoàn kết toàn dân cho một nền thái bình đang tới của trời Nam, mà còn thấy Thiền sư Pháp Thuận nói đến trách nhiệm của những người cầm quyền. Thiền sư Pháp Thuận đã nói thẳng với vua Lê Đại Hành rằng để đất nước được thái bình "nơi nơi hết chiến tranh", đòi hỏi người cầm quyền, cụ thể là nhà vua phải "vô vi":

Vô vi cư điện các

Xứ xứ tức đao binh.

Khi nói đến khái niệm vô vi, người ta thường nghĩ ngay đến phạm trù vô vi của triết học Lão Trang. Nhưng ở đây thực sự không phải như thế. Về phía Phật giáo, vô vi là một phạm trù lớn và thường được coi là dịch từ chữ *asamskṛta* của tiếng Phạn. Nội dung của vô vi theo hướng này thường được quy định trong giới hạn của bản thể luận và nhận thức luận. Song ảnh hưởng của kinh Lục Độ Tập đối với Phật giáo nước ta lúc ấy, ta thấy truyện 81 của kinh này có một định nghĩa của vô vi như sau:

"Cẩn thận, không kiêu ngạo, là hạnh của học sĩ, bỏ lòng dơ ân ái, không lăm bực bậm của sáu tình, không để các ái nhỏ như tóc tơ che dấu trong lòng mình thì các niệm lắng diệt, đó là vô vi".

Tư tưởng vô vi này của kinh Lục Độ Tập, tuy có ít nhiều nội dung xã hội và chính trị, vẫn chưa tỏ hết nội dung của vô vi trong bài thơ của Thiền sư Pháp Thuận. Thực vậy, một nghiên cứu sơ bộ đã cung cấp cho ta về quan điểm vô vi nhi trị của kinh điển nhà Nho. Vậy vô vi cũng là một phạm trù của tư tưởng Nho giáo. Nhưng Khổng tử cho rằng đây là tư tưởng trị đạo của vua Thuấn, mà ông chỉ mô tả một cách vắn tắt bằng hai chữ cung kỳ (ng nghiêm túc với chính mình).

Trị đạo của vua Thuấn được Khổng tử mô tả là một Trị Đạo Vô Vi, và trong Luận ngữ ta chỉ được thấy mô tả bằng hai chữ cung kỳ mà không thấy nói gì thêm nữa. Chỉ trong thiên Trung Dung ta mới thấy hai lần Khổng tử mô tả lại Trị Đạo Vô Vi của vua Thuấn gồm những yếu tố gì. Đó là phải có trí và có hiểu. Có trí để xét đoán sử dụng sở trường của người mà quên đi những sở đoản của họ, giữa những quan điểm cực đoan biết chọn lấy một đường lối thích hợp để phục vụ cho người dân. Và có hiểu nhằm có đức lớn để có thể lãnh đạo được nhân dân.

Vậy rõ ràng, khi nói đến vô vi trên điện





các, Thiền sư Pháp Thuận đã muốn đề xuất một mẫu người lý tưởng cho vua Lê Đại Hành trong việc trị vì đất nước, một mẫu người có trí, có đức. Người lãnh đạo phải sở hữu những phẩm chất tài và đức này thì đất nước mới thái bình thịnh trị, nơi nơi mới chấm dứt chiến tranh. Khi một đất nước đã thế, tất nhiên vận nước sẽ dài lâu, và vận mạng của triều đại cũng nhờ thế mà tồn tại với đất nước. Cho nên, tuy không trả lời trực tiếp cho câu hỏi vận nước ngắn dài của vua Lê Đại Hành, nhưng ý nghĩa của bài thơ thì hết sức hiển nhiên, không cần phải bàn cãi đâu là yếu tố cấu thành nên vận nước.

Khi vua Lê Đại Hành đặt câu hỏi vận nước dài lâu với Thiền sư Pháp Thuận, vua chắc hẳn đã biết về khả năng “nói ra lời nào cũng hợp với sấm ngữ” của vị Thiền sư này. Tuy nhiên, đọc bài thơ vận nước, ta chẳng cần một thiên tài nào về sấm ngữ, cũng có thể giải mã một cách đích xác và cụ thể những yếu tố gì có thể làm cho vận nước được dài lâu. Đó là sự đoàn kết của toàn dân và phẩm chất tài đức của người lãnh đạo. Không có hai yếu tố này, mà thực sự chỉ có hai mặt của một thể thống-nhất là dân tộc, thì vận nước không bao giờ có thể bền vững được. Trong một bài thơ ngắn ngủi, chỉ đúng 20 chữ, Thiền sư Pháp Thuận đã biết cô đọng một cách chính xác cốt lõi của hệ thống tư tưởng chính trị bản thân vào thời đại của ông.

Có người đã từng nói: “Không có tư tưởng cách mạng thì không có vận động cách mạng”. Cũng thế, đất nước ta vào những ngày tháng đấu tranh sống mái với kẻ thù để bảo vệ nền độc lập của tổ quốc, nếu không có một hệ thống tư tưởng chính trị chỉ đạo, thì không thể nào có những cuộc vận động chính trị thành công, đặc biệt là cuộc vận động chính trị để bảo vệ chủ quyền đất nước vào năm 980. Hệ thống tư tưởng chính trị của Thiền sư Pháp Thuận do thế phải nói là một cống hiến quý báu cho lịch sử chính trị và tư tưởng của dân tộc không những vào thời điểm ấy, mà còn vào những thế kỷ sau, thậm chí ngay cả hôm nay.

Đúng thế, đất nước nào có thể tồn tại khi

lòng dân ly tán và những người lãnh đạo lại thiếu tài, thiếu đức. Hai tính chất này đối với sự tồn tại của một đất nước, một triều đại, không bao giờ mất tính thời sự của nó. Trong lịch sử dân tộc, gặp những khi một sự việc như thế xảy ra, không biết bao nhiêu xương máu đã đổ ra để tìm cho được manh mối, nguyên do vì sao đất nước bị ngửa nghiêng, dân tình bị khốn khổ. Lời cảnh báo của Thiền sư Pháp Thuận về độ dài ngắn của vận nước, do thế, đã trở thành một lời huyền khái, một tuyên ngôn về tư tưởng dựng nước và giữ nước. Nó đã trở thành nền móng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền dân tộc.

Vào thế kỷ thứ mười, lịch sử tư tưởng nước ta sau bao nhiêu năm thăng trầm đã hoàn tất được việc xây dựng một lý luận chính quyền với bài thơ Vận Nước của Thiền sư Pháp Thuận. Chính quyền, hay nói rõ hơn, quyền lực của một nước nhà độc lập, xuất phát từ đâu và làm sao bảo vệ? Thiền sư Pháp Thuận trả lời rất rõ ràng là chính quyền xuất phát từ sự đoàn kết của toàn dân xung quanh những vị lãnh đạo có tài có đức và được bảo vệ bởi chính sự đoàn kết và lãnh đạo tài đức ấy. Với một quan điểm lý luận chính quyền như thế, Thiền sư Pháp Thuận thực sự đã có một đóng góp hoàn toàn mới mẻ đối với chủ nghĩa địa linh của Thiền sư Định Không và La Quý.

Thiền sư Định Không và La Quý chỉ mới đặt ra yêu cầu làm chủ đất nước, vì đất nước có thể sản sinh ra những anh tài để làm chủ nó. Tuy nhiên, làm chủ bằng cách nào thì Thiền sư Định Không và La Quý chưa đề ra được những giải pháp thích hợp. Đây rõ ràng thời đại của Thiền sư Định Không và La Quý chưa cho phép họ nhìn xa hơn. Họ thấy rất rõ đất Cổ Pháp có thể sinh ra những người làm chủ đất nước. Nhưng những người này làm chủ như thế nào, họ đã không bảo cho chúng ta biết. Thiền sư Pháp Thuận kế thừa sự nghiệp của Thiền sư La Quý đã trả lời cho câu hỏi ấy một cách dứt khoát là phải có sự đoàn kết của toàn dân và những người lãnh đạo có tài có đức.

Bài thơ Vận Nước của Thiền sư Pháp Thuận từ đó, nếu kết hợp với bài thơ Thần Nước Nam Sông Núi, có một vị thế hết sức quan trọng không chỉ trong lịch sử văn học mà cả trong lịch sử tư tưởng chính trị và Phật giáo Việt Nam. Nó đã thành công khi đề xuất được hệ thống tư tưởng chính trị hoàn chỉnh để định hướng cho sự phát triển của một hệ thống chính quyền làm chủ đất nước vừa thỏa mãn yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia vừa đáp ứng nguyện vọng của người dân. Từ đó, nó giúp ta hiểu tổ tiên ta đã xây dựng chính quyền trên căn bản hệ thống tư tưởng chính trị nào, nhất là khi ta quan niệm lịch sử như một vận động có ý thức của con người.

Trí Siêu Lê Mạnh Thát

VĂN THUỘC LÒNG CÂU QUÊ HƯƠNG

*Còn thơm hương cỏ bên trời
Tự tình viễn khách ngọt lời quê hương.*

*Tôi và anh
Bước chung đường lữ thứ
Áo bạc thời gian
Xước mộng buổi xuân nào
Nhìn cuối nẻo mây tầng gương vụn vỡ
Dấu tàn phai lấm tấm dưới trăng sao.*

*Rừng hoang vu
Ngõ đời thêm chật hẹp
Tiếng thú gầm
Xé lạnh giữa sương khuya
Trước dấu ngoặc, nhưng quanh đời vẫn đẹp
Phía chiều xa... dù lắm nỗi nọ kia.*

*Ném tàn bạo, để bạo nhiều tàn khốc
Ném lương tâm, để oằn vạn lưng còng
Ném nhân nghĩa, cho trắng thêm màu vỏ ốc
Ném lương tri cho nát mặt non sông.*

*Màu non nước ảm lên màu hoang tái
Chạnh lòng ta, chạnh cả nỗi lòng quê
Câu thơ viết, nhưng tình thơ còn ái ngại
Có ngờ chăng, khi hạt bụi lúc quay về?
Trên bước độc hành,
Phải đâu đời độc lữ
Trong thanh âm cuồng nộ có lời xuân
Trong hoang lạnh có cỏ hoa tình tự
Trong muôn trùng
Có tụ điểm thanh tân.*

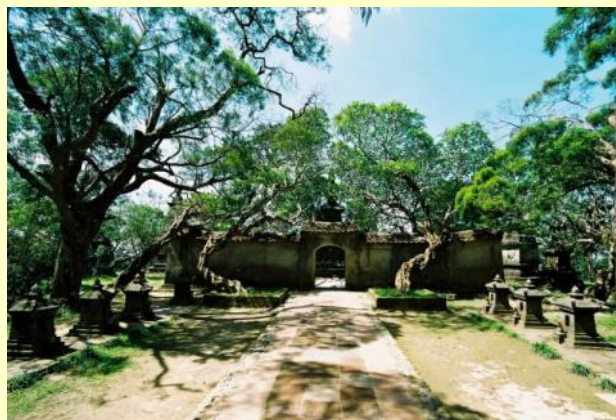
*Khi câu thơ sáng lên hồn kiêu khách
Mặt trời xưa sẽ mọc lại bên phương hồng
Miền cổ độ mấy phen sâu lau lách
Đời rặng bóng ngày
Người rặng ước mơ chung.*

*Đâu đó đây...
Cuộc phong trần nát lệ
Nhưng phải đâu lạc dấu mộ ông cha!
Và phải đâu kẻ bán đồ nhi phế
Của bốn ngàn năm tình sử vạn cò hoa.*

*Khi cơn hấp hối của loài quỷ dữ
Thét gào lên rờn rợn lúc đêm tàn
Rồi chôn lịm dưới bùn đen thấp kém
Đã hết một thời cơn quái dạng thai hoang!*

*Rồi chiều nay
Tôi cùng anh nơi vườn “tao ngộ”
Từ cuộc hẹn nghìn trùng tha phương
Cạn chén trà thơm,
Mấy phen đời hoạn lộ
Văn thuộc lòng câu chữ quê hương.*

NEW ORLEANS tháng 6.2016
(Tặng QUỲNH.H.QUÂN, BUI TUYỀN...)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

QUYẾT NGHỊ

Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II, nhiệm kỳ III (2016-2020) của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Chiếu Quy Chế của GHPGVNTNHNK và Quyết Nghị, Điều 8, của Đại Hội Thường niên lần thứ III (tổ chức tại Phật học viện Quốc Tế, thành phố North Hills, California, ngày 15 tháng 6 năm 2015), Hội Đồng Điều Hành đã long trọng tổ chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II, nhiệm kỳ III (2016 – 2020) từ ngày 10 đến 12 tháng 6 năm 2016 tại Niệm Phật Đường Fremont, thành phố Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II đã quy tụ 108 Đại Biểu gồm các thành viên của hai Hội Đồng thuộc GHPGVNTNHNK, chư tôn đức giáo phẩm đại diện GHPGVNTN tại các châu lục và quốc gia, cùng với nhiều quan sát viên, bao gồm chư tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT từ các tự viện, tịnh xá, tu viện, Phật học viện, trung tâm văn hóa Phật giáo, tịnh thất, niệm Phật đường, các tổ chức hội đoàn Phật giáo và Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ.

Với 5 phiên Khoáng Đại tuần tự diễn ra trong hai ngày 11 và 12 tháng 6 năm 2016, toàn thể đại biểu được lắng nghe phúc trình của Văn Phòng Thường Trực, báo cáo sinh hoạt của các Tổng vụ thuộc Hội Đồng Điều Hành Nhiệm kỳ II, và các tham luận cốt lõi về hướng đi của Giáo Hội; tái duyệt các dự án đã được thông qua trong nhiệm kỳ trước để quyết tâm thực hiện trong nhiệm kỳ mới; sau đó Đại Hội đã cùng thảo luận, chia sẻ nhiều vấn đề thiết yếu của Giáo Hội, Đạo Pháp và Dân Tộc, đồng thuận về các quan điểm phổ quát của nền Phật Việt, dẫn đến các nhận định chung như sau:

- **Thừa tự Chánh Pháp:** Chánh Pháp hiển hiện bất cứ nơi đâu và bất kỳ thời gian nào người con Phật nghiêm túc thực hành. Để tiếp nhận và trao truyền Chánh Pháp, người con Phật cần dốc lòng phụng hành con đường tự giác, giác tha của Đức Phật; chí thành tu tập và ứng dụng Giới, Định, Tuệ trong cuộc sống; tận tụy tiếp nối sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh của lịch đại Tổ Sư.

- **Tiếp dẫn hậu lai:** Không tiếp nhận đầy đủ và mở rộng nguồn mạch Chánh Pháp là vô tình cắt đứt con đường thừa tiếp của các thế hệ tương lai. Người con Phật bất luận xuất gia hay tại gia đều có trách nhiệm nuôi dưỡng và làm tăng trưởng hạt giống tuệ giác nơi hàng hậu học; và để thực hiện tốt đẹp trách nhiệm này, tự thân mỗi người phải tinh tấn cầu học, nghiêm trì giới luật, hy sinh bản ngã để tận tình nâng đỡ lớp người đi sau.

- **Phục vụ nhân loại và dân tộc:** là mục đích, và là đường hướng nhất quán của GHPGVNTN xuyên qua các giai đoạn và hoàn cảnh thăng trầm của đất nước. Giáo Hội có mặt không vì ích lợi và sự tồn tại của danh xưng, tổ chức, mà chính là để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp nhằm đem lại giác ngộ, giải thoát và an lạc cho số đông. Thực hiện sứ mệnh thiêng liêng này trong bối cảnh đa văn hóa và sinh hoạt đa dạng tại đất nước Hoa Kỳ, Giáo Hội nỗ lực vận dụng tiềm lực của Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử bằng việc mở rộng cơ cấu tổ chức và phương thức hành hoạt để tạo thuận duyên cho các thế hệ Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử trẻ kế thừa.

- **Không lìa thế gian pháp:** Trong tương quan tương hệ với vạn pháp, Phật giáo không thể cách ly sinh loại và cuộc đời với những thuộc tính vô thường, khổ đau, bất toàn; vì vậy, người con Phật chân chính trong khi nỗ lực tu tập để tìm sự an lạc giải thoát cho tự thân, cùng lúc phải có nhận thức sâu sắc và trọn vẹn đối với những gì xảy ra chung quanh, trong gia đình, ngoài xã hội, quốc gia và thế giới.

Với các nhận định chung như trên, toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II, nhiệm kỳ III (2016 – 2020) của GHPGVNTN Hoa Kỳ đồng tâm:

QUYẾT NGHỊ

- 1) Tu chỉnh Quy Chế của GHPGVNTNHNK để tăng cường chức năng và hiệu quả của Hội Đồng Điều Hành nhằm đáp ứng nhu cầu Phật sự ngày càng phong phú;
- 2) Tuyển thỉnh 23 vị Trưởng Lão, Hòa Thượng và Thượng Tọa vào Hội Đồng Giáo Phẩm làm nghi biểu đạo đức vô hành và chỉ đạo tối cao các Phật sự của Giáo Hội;
- 3) Chính thức ra mắt tân Hội đồng Điều Hành nhiệm kỳ III (2016 -2020) với sự lưu nhiệm tất cả thành viên đảm nhận các chức vụ của Nhiệm Kỳ II, và điền khuyết, bổ sung thêm nhiều thành viên mới vào các hội đồng và

- tổng vụ;
- 4) Thành lập Ban Tham Vấn bên cạnh Hội Đồng Điều Hành gồm chư tôn đức Tăng, Ni, các nhân sĩ trí thức và chuyên gia Phật tử để giúp Giáo Hội hoàn thành mỹ mãn các công tác Phật sự trong nhiều lãnh vực chuyên môn;
 - 5) Tổng Vụ Tăng Sự phối hợp với các Chùa thành viên Giáo Hội tổ chức thêm Khóa An Cư Mùa Đông để tạo cơ duyên tu học và trau dồi đạo nghiệp cho chư Tăng, Ni. Khuyến thỉnh Tổng vụ Tăng Sự tiến hành việc thống kê danh sách các tự viện là thành viên của Giáo Hội, cũng như các tự viện của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ nói chung;
 - 6) Khuyến thỉnh chư Tăng, Ni, đặc biệt chư Tăng, Ni trẻ nỗ lực học hỏi và trau dồi vốn liếng Anh ngữ để góp phần hữu hiệu vào việc giáo dục và truyền bá Phật Pháp cho tuổi trẻ người Mỹ gốc Việt và người Mỹ bản xứ;
 - 7) Khuyến thỉnh Tổng vụ Thanh Niên nhân nại, tiếp tục tìm hiểu, tạo điều kiện cho sự cảm thông và hiểu biết giữa các Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử, với chủ trương hòa hợp và đồng tiến, vì lý tưởng chung mà bỏ qua những dị biệt, sao cho các đơn vị địa phương được tự do sinh hoạt ở bất cứ tự viện, tông phái, hệ phái nào... mà không đòi hỏi tất cả phải trực thuộc giáo hội này hay giáo hội kia; đặt ưu tiên hàng đầu cho việc giáo dục, mở các lớp học Việt ngữ, đào tạo mầm non phật-tử mến đạo, chăm học và thực hành giáo lý để trở thành phật-tử chân chánh mai sau; khuyến khích các tự viện thành lập đơn vị Gia Đình Phật Tử tại địa phương để đáp ứng nhu cầu giáo dục tuổi trẻ mà Giáo hội hằng quan tâm;
 - 8) Khuyến thỉnh Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Hoa Kỳ đề cử một phái đoàn nghiên cứu thực tế vấn đề xã hội—đặc biệt quan tâm vấn đề môi trường và nạn nhân của sự hủy hoại môi trường tại Việt Nam (như vấn đề hạn hán và xâm nhập mặn tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vấn đề nước biển miền trung bị nhiễm độc nặng...), để thực hiện những chương trình cứu trợ cấp thời và dài hạn nhằm cứu khổ sinh dân;
 - 9) Ủy nhiệm Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ cùng với Tổng vụ Tăng Sự, hỗ trợ Tổng vụ Ni Bộ tiến hành việc thành lập một ủy ban vận động tổ chức Đại Hội Ni Bộ nhằm kết nối, phát triển và vạch hướng đi chung cho hàng Ni giới Việt Nam tại Hoa Kỳ;
 - 10) Hội Đồng Điều Hành thực hiện chương trình mở rộng địa bàn hoạt động và phát triển cơ sở Giáo Hội bằng cách quan tâm, tiếp xúc, tạo mối thân tình pháp lữ, và cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni trẻ tham gia sinh hoạt phật-sự, hợp thức hóa các tự viện và tổ chức Phật giáo tại các tiểu bang trở thành đơn vị cơ sở và đại diện cho Giáo Hội tại địa phương;
 - 11) Kêu gọi thành viên Giáo Hội tích cực ủng hộ tinh thần, yểm trợ tịnh tài, tham gia giảng dạy hoặc tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 6 tại thành phố Costa Mesa, California, từ ngày 21 đến 24 tháng 7 năm 2016, do Ni sư Thích Nữ Giới Châu và Ni sư Thích Nữ Nguyên Thiện làm Trưởng Ban Tổ Chức;
 - 12) Khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng Ni hành đạo tại hải ngoại tham dự Đại Hội Hoằng Pháp và Giáo Dục do Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu và đại diện các tổng vụ Hoằng Pháp, Giáo Dục của các Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại đồng tổ chức tại Tu viện Phổ Đà Sơn, Canada, vào ngày 07 tháng 10 năm 2016;
 - 13) Ngày Về Nguồn—Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư đã trở thành ngày truyền thống hàng năm của Tăng Ni Việt Nam hải ngoại. Để thể hiện tinh thần tri ân và báo ân Thầy-Tổ, cũng như tạo nhân duyên tương ngộ giữa hàng Tăng sĩ và Cư sĩ khắp nơi, Giáo Hội khuyến thỉnh chư tôn thiên đức hoan hỷ quang lâm tham dự Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tổ chức tại Tu Viện Phổ Đà Sơn, Canada, vào các ngày 08 và 09 tháng 10 năm 2016;
 - 14) Ủy quyền Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNT-NHK, tổ chức khóa an cư kiết hạ từ ngày 5 đến 15 tháng 6 năm 2017 tại Niệm Phật Đường Fremont, tiểu bang California; và Đại hội Thường niên lần thứ I sẽ được tổ chức một ngày trước khóa an cư;
 - 15) Ủy quyền Hòa Thượng Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, tổ chức Đại Lễ Phật Đản chung Phật Lịch 2561 tại miền Nam California vào năm 2017;
 - 16) Ủy quyền Hòa Thượng Thích Thông Hải, Đề Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, đặc trách liên lạc với các tổ chức Phật Giáo Quốc Tế để nâng cao vị thế của Giáo Hội trên thế giới;
 - 17) Kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam cấp thời minh bạch và giải trình nguyên nhân làm cá chết hàng loạt ở các biển miền Trung Việt Nam để ổn định lòng dân, khoanh vùng ô nhiễm, chặn đứng ngay việc thải hóa chất độc hại từ các công xưởng, ngăn chặn sự lây lan chất độc từ thủy sản và muối, cứu trợ thực phẩm và tạo công ăn việc làm cho hàng vạn ngư dân vùng biển, đồng thời bồi thường thiệt hại cho dân khi tìm ra cá nhân hay tổ chức nào vi phạm và đồng lõa trong việc xả thải độc hại làm hủy hoại môi trường; kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam chấm dứt hành vi trấn áp, ngăn chặn, đánh đập, bỏ tù hoặc giam lỏng những người biểu tình vì đòi hỏi môi trường sạch cho nhân dân Việt Nam; trả tự do cho những tù nhân lương tâm, những người đấu tranh vì tự do dân chủ; yêu cầu thực thi nghiêm chỉnh các quyền tự do căn bản của công dân đã được qui định trong Hiến Pháp; và cuối cùng ;
 - 18) Kêu gọi nhà cầm quyền Nước CHXHCN Việt Nam công khai phản đối Trung quốc xâm lấn đất liền và hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam: bày tỏ sự cương quyết và đoàn kết của toàn dân trong việc bảo vệ giang sơn tổ quốc; xúc tiến khởi kiện Trung quốc vi phạm Công Ước Liên Hiệp Quốc Về Luật Biển lên Tòa Án Quốc Tế Về Luật Biển.

Quyết Nghị này gồm 18 điểm đã được toàn thể Đại Hội, gồm 108 đại biểu Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT đồng biểu quyết thông qua lúc 04 giờ chiều ngày 12 tháng 6 năm 2016 tại hội trường Niệm Phật Đường Fremont, thành phố Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ.



BÀI HỌC VỀ SỰ THANH TỊNH HÒA HỢP

(DIỄN VĂN KHAI MẠC Đại Hội Khoảng Đại Kỳ II, Nhiệm Kỳ III, Giáo Hội PGVNTN-HK)

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mưu Ni Phật

Kính bạch Trưởng lão Hòa Thượng Chánh Văn Phòng,

Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý quan khách,

Kính thưa quý Đại biểu tham dự Đại Hội,

Kính thưa quý liệt vị,

Trước tiên, thay mặt Hội Đồng Điều Hành, chúng tôi trân trọng chào mừng chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, quý quan khách, quý cư sĩ Phật tử đại biểu đã vì mạng mạch của Phật pháp, vì sự hưng thịnh của Giáo Hội, vì sự tu học an lạc của Phật tử, đã đáp lời mời của Ban Tổ chức, đến tham dự đông đủ lễ khai mạc Đại Hội Khoảng Đại kỳ II, nhiệm kỳ III của Giáo Hội PGVNTNKH hôm nay.

Kính bạch quý Ngài,

Kính thưa quý liệt vị,

Thấm thoát đã 8 năm với hai nhiệm kỳ của Giáo hội đã trôi qua. Tôi muốn nhân dịp này nhớ lại những ngày khi Giáo Hội được chấn chỉnh cách đây 8 năm, để rút ra những kinh nghiệm quý giá mà chắc chắn sẽ giúp nhiều cho chúng ta trên con đường phục vụ Giáo hội, hoằng pháp độ sinh.

Tại thời điểm ấy, không một ai trong chúng ta có thể lường tượng được sự phục hưng sinh động và an lạc của Giáo Hội như hiện nay.

Tại thời điểm ấy, bên trong là những con nội trùng lợi dụng Giáo Hội trong nước cũng như hải ngoại cho những mưu đồ chính trị và tham vọng. Họ đã thao túng Giáo Hội trong nước để cổ động các Giáo chỉ và Thông Bạch nhằm giải tán một cách phi lý và phi pháp các Giáo Hội đang sinh hoạt hợp pháp và vững

mạnh tại Âu châu, Úc châu, Canada và Hoa Kỳ.

Sự kiện này đã là một cơn chấn động lớn dẫn đến sự phân hóa, đình trệ, suy yếu của các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ, cũng như những ảnh hưởng tiêu cực nặng nề đối với toàn bộ sinh hoạt của các Giáo Hội và các tổ chức khác của Phật giáo Việt nam ở hải ngoại.

Cùng lúc đó, bên ngoài, như là một hệ quả tất nhiên giàu đồ bìm leo, các thế lực vô minh đã tiến hành những chiến dịch ác độc đánh phá, vu khống cá nhân chư tôn giáo phẩm lãnh đạo các Giáo hội hải ngoại bằng các phương tiện truyền thanh, truyền hình, internet, kể cả các cuộc biểu tình trước các cổng chùa vào mỗi cuối tuần hoặc những dịp lễ hội lớn của giáo hội.

Đó là một thời kỳ đen tối, bi thảm của Giáo hội.

Một thoáng hồi tưởng lại những gì đã xảy ra trong thời kỳ đó cũng như những diễn biến tiếp theo cho đến sau này để nghiệm thấy rằng Phật pháp nhiệm màu, luật nhân quả linh ứng: nhân ác quả ác, nhân lành quả lành.

Và cũng qua đó, trải nghiệm một cách thâm thúy lời cảnh báo của Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Đức Đệ Tam Tăng Thống trong Tâm thư gửi cho Tăng Ni hải ngoại tháng 9 năm 1991, nhắc đến những lúc bi thảm và những lúc vinh quang đáng tự hào trong lịch sử truyền bá Phật giáo Việt nam cũng như trên thế giới:

"Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng Ni bị lu mờ, nội bộ của Tăng Ni bị phân hóa, thành phần của Tăng Ni có nhiều điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ phiến diện. Trái lại, lúc về vang là lúc nội bộ chúng tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư,

những ngã chấp tâm thường để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lấy giác ngộ giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh làm sự nghiệp...” Và Ngài kêu gọi: *“Hãy phát huy hơn nữa bản thể của Tăng-già mà đoàn kết hòa hiệp, hãy cùng nhau thể hiện tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như luật dạy...”*

Suy nghiệm những lời cảnh báo của Đức Đệ Tam Tăng Thống trong bối cảnh những thảm nạn đã xảy ra cho Giáo hội trước đây, chúng ta rút ra được hai bài học lớn:

- **Bài học lớn thứ nhất** là căn nguyên gốc rễ của những thời kỳ bi thảm, đen tối của Phật giáo thế giới trên con đường truyền đạo nói chung và đại nạn của Phật giáo Việt nam Thống Nhất Hải ngoại cách đây 8, 9 năm nói riêng, đó là *“bản thể của Tăng Ni bị lu mờ, nội bộ của Tăng Ni bị phân hóa, thành phần của Tăng Ni có nhiều điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ phiến diện.”* Chính từ những suy thoái phẩm hạnh này dẫn đến thực tế có một thiếu sót lãnh đạo Viện Hóa Đạo trong nước và Văn Phòng II của Giáo Hội ở hải ngoại bị cuốn hút vào những tham vọng chính trị và danh lợi thế gian. Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đức Đệ Tứ Tăng Thống, như thấy được căn bệnh nghiêm trọng thời đại này, nên trong **Huấn từ An cư Phật lịch 2548**, ngài đã sách tấn: *“Trong mùa an cư năm nay, tôi thành tâm cầu nguyện uy lực Tam bảo gia trì hộ niệm cho bốn chúng đệ tử hội đủ thiện duyên, bỏ bớt dần những vọng tưởng trần lao, xa dần những bồn ba thể tục, chuyên tu giới định huệ, hướng tâm đến sự tồn tại chói sáng của Tăng già từ bản thể thanh tịnh và hòa hiệp.”*

- **Bài học lớn thứ hai** là muốn vượt thoát những thời kỳ bi thảm đen tối, hóa giải những khổ nạn, Tăng Ni phải phát huy bản thể Tăng già. Mọi tôn giáo đều có tăng đoàn tức những giáo sĩ của các tôn giáo. Nhưng tăng đoàn do đức Phật thiết lập chỉ được tồn tại từ bản thể thanh tịnh và hòa hợp vốn được thành tựu do công năng hành trì giới định huệ.



Chính hai bài học lớn này đã giúp các Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống Nhất hải ngoại, đặc biệt là Giáo Hội Hoa Kỳ được ổn định và kiện toàn qua ba phương thức được tóm lược sau đây, bao gồm trang nghiêm giáo hội, chấn chỉnh tổ chức và phát triển các sinh hoạt tu học, hành đạo.

1.- Trang nghiêm Giáo Hội chính là trở về với bản thể thanh tịnh và hòa hợp qua sự hành trì Giới, Định, Huệ để không xa rời con đường tịnh hạnh, để không đánh mất lý tưởng giác ngộ và giải thoát, để không quên đi bản nguyện độ sanh, và trước mắt là để vượt qua giai đoạn đen tối, bi thảm của Giáo Hội. Chính với những mục tiêu đó, chư tôn giáo phẩm Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni đến từ nhiều nước đại diện các châu lục trong một cuộc họp tại Phật Học Viện Quốc Tế ngày 06 tháng 01 năm 2007 đã hình thành tổ chức Tăng Ni Hải Ngoại, lấy tăng thể làm nền tảng, lấy tăng sự làm sinh hoạt chung, lấy đạo tình tăng lữ làm dây liên lạc nối kết. Tăng Ni Hải Ngoại không phải là một tổ chức hành chánh có cơ cấu, ban bộ, nhiệm kỳ... Đây chỉ là nơi Tăng Ni sách tấn nhau phát huy bản thể Tăng già; là môi trường thuận lợi, có nhiều thiện duyên để có thể *“bỏ bớt dần những vọng tưởng trần lao, xa dần những bồn ba thể tục, chuyên tu giới định huệ...”*

2.- Chấn chỉnh tổ chức chính là để tạo môi trường an lạc, đạo vị, khế cơ, khế lý cho việc tu học và hành đạo ở hải ngoại. Sau đây là vài nét nổi bật của việc chấn chỉnh tổ chức:

- **Với Giáo Hội Liên Châu**, tức là đối với những Phật sự vượt ra ngoài phạm vi của mỗi châu lục và quốc gia mà trước đây thuộc trách nhiệm của Văn phòng II Viện Hóa Đạo nhưng giờ đây bị một nhóm rất thiểu số thao túng, khuynh loát biến thành công cụ cho danh vọng và đang là nguyên nhân cho đại nạn của Phật giáo Việt nam Hải ngoại. Trên nền tảng thanh tịnh, hòa hợp có được từ tổ chức Tăng Ni Hải Ngoại, chư tôn đức giáo phẩm lãnh đạo bốn châu và quốc gia bao gồm châu Âu, châu Úc, Canada và Hoa Kỳ trong một cuộc họp nhân khóa tu học Phật Pháp kỳ 8 của Giáo Hội Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan đã quyết định thành lập Văn Phòng Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu ngày 01 tháng 01 năm 2009. Có ba mục đích chính



trong việc thành lập Văn Phòng Điều Hợp này:

a) Khẳng định lập trường, quan điểm, tiếng nói của các Giáo Hội Liên Châu và đại đa số Tăng Ni Hải Ngoại trước sự đánh phá, xuyên tạc ác độc và phi pháp của nhóm thiểu số nhưng nhân danh Giáo Hội trong nước và của những thế lực vô minh bên ngoài.

b) Tổ chức các sinh hoạt tu học, hoằng pháp, giới đàn, an cư trên phạm vi liên châu cho Tăng Ni và Phật tử.

c) Nói lên tiếng nói của tập thể Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu về các vấn đề quan trọng trên tinh thần “phục vụ nhân loại và dân tộc” như đã được minh định trong “Lời Nói Đầu của Hiến Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.”

- **Với Giáo Hội Hoa Kỳ**, cuộc khủng hoảng diễn ra nặng nề, lâu dài và ác độc nhất. Trong khi các Giáo Hội châu Âu, châu Úc và Canada chỉ cần, *thứ nhất*, minh định tư cách pháp lý vững chắc, hợp pháp được các quốc gia sở tại bảo vệ, và *thứ hai*, khẳng định không thừa nhận, không tuân hành các giáo chỉ và thông bạch vi hiến, phi pháp thì tại Hoa Kỳ, hầu hết các thành viên nòng cốt của Giáo Hội Hoa Kỳ phải lấy một quyết định khó khăn và chấp nhận hậu quả là sự đánh phá dai dẳng nặng nề. Đó là quyết định lìa bỏ cái Giáo Hội mà trước đó 16 năm đã đem hết tâm sức để vận động và thành lập, nhưng giờ đây bị một thiểu số thao túng, khuynh loát, biến thành nơi đầu cơ danh lợi và khích động hận thù. Quyết định lìa bỏ cái giáo hội không còn là giáo hội để xây dựng một giáo hội mới trên nền tảng thanh tịnh và hòa hợp là một quyết định khó khăn nhưng sáng suốt mà thành quả sinh hoạt an lạc, hài hòa, đạo vị, phong phú trong 8 năm qua là một minh chứng rõ nét.

1.- Phát triển các sinh hoạt tu học và hành đạo là kết quả của những nỗ lực trang nghiêm Giáo Hội, xây dựng thành công tổ chức Tăng Ni Hải Ngoại, Văn Phòng Điều Hợp Giáo Hội Liên Châu và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Qua đó, chúng ta có được một môi trường và không khí sinh hoạt an lạc, thanh tịnh, hòa hợp và sinh động cho việc tu học và hoằng pháp, điển hình như:

1.1- An cư kết hạ: dù không theo đúng truyền thống ba tháng như Phật dạy trong luật, vì hoàn cảnh xã hội ở hải ngoại và thời gian không cho phép, nhưng những khóa an cư kết hạ 10 ngày do Giáo Hội tổ chức đã quy tụ đông đảo nhất chư tôn đức Tăng Ni, có chương trình sinh hoạt phong phú bao gồm hành trì bất sám, trao đổi các vấn đề giới luật và kinh nghiệm hoằng pháp giữa các thế hệ Tăng Ni nhằm gây ý thức duy trì mạng mạch Phật pháp;

1.2- Tổ chức hoặc tham dự Ngày Về Nguồn: Đây là một sinh hoạt chính yếu hàng năm do Tăng Ni Hải Ngoại khởi xướng và các Giáo Hội Liên Châu luân phiên tổ chức nhằm thắt chặt đạo tình pháp lữ giữa các thế hệ Tăng Ni trước sau đang tu học và hành đạo ở hải



ngoại, không phân biệt giáo hội và tông môn pháp phái trước thực trạng phân hóa do các giáo chỉ và thông bạch gây ra cũng như sâu xa hơn, trước những thách thức do môi trường văn hóa và đời sống vật chất của xã hội Âu Mỹ. Như tên gọi, Ngày Về Nguồn là dịp trở về với sinh hoạt truyền thống thiền môn đạo vị, trở về với những lời giáo huấn của Thầy Tổ, trở về với bản thể thanh tịnh, hòa hợp của Tăng Già qua sự hành trì Giới Định Huệ.

1.3- Tổ chức Khóa tu học Phật pháp: hàng năm, được đông đảo quần chúng Phật tử đủ mọi lứa tuổi tham dự với sự hướng dẫn của chư tôn đức Tăng Ni. Đây là một sinh hoạt mới của Giáo Hội Hoa Kỳ, được tổ chức qui mô, sinh động, phong phú bao gồm các chương trình tu học, nghe Pháp, thảo luận trong một khung cảnh và không khí đặc biệt không còn bận rộn với cuộc sống hàng ngày. Cho đến nay Giáo Hội Hoa Kỳ đã tổ chức được năm khóa.

1.4- Nguyệt san Chánh Pháp của Tổng vụ Truyền Thông: là tiếng nói của Giáo Hội được xuất bản liên tục, đều đặn từ ngày Giáo Hội Hoa Kỳ được thành lập đến nay với một nội dung phong phú bao gồm từ Hoằng Pháp, Giáo Dục đến Văn học Phật giáo và Tin tức Phật sự và một hình thức bản in cũng như bản điện tử rất chuyên nghiệp và đẹp mắt. Làm ra và duy trì được một nguyệt san tầm vóc như vậy không phải là điều đơn giản, muốn có là được. Bởi vì đây là một sinh hoạt rất chuyên môn và tốn kém. Giáo Hội chúng ta may mắn có được sự điều hành, giúp đỡ rất lớn của Hòa Thượng Nguyên Trí, Tăng chúng chùa Bát Nhã và đặc biệt về chuyên môn của nhà văn Vĩnh Hào và vận động cũng như bảo trợ tài chánh của Ni sư Diệu Tánh và Phật tử Quảng Nguyên.

1.5- Từ thiện Xã hội: thể hiện bản chất Từ bi của đạo Phật cũng như hạnh nguyện cứu khổ của Tăng Ni Phật tử. Công tác này cũng nói lên nét sinh động của Giáo hội và sự ủng hộ của Tăng Ni, Phật tử qua những cuộc vận động gây quỹ, tổ chức phái đoàn đi cứu trợ với ngân khoản lớn lao. Cùng với Giáo hội các châu, Giáo Hội Hoa Kỳ chúng ta đã tham dự những cuộc cứu trợ để phần nào làm giảm bớt những đau khổ về tinh thần cũng như vật chất của các nạn nhân thiên tai, dù xa xôi, như ở các quốc gia Nhật Bản, Philipines, Ấn Độ...

1.6- Đại lễ Phật đản hằng năm: Kể từ khi Phật giáo Việt Nam có mặt trên đất nước

này, thành lập Giáo Hội để phục hoạt chánh pháp, thì không năm nào mà không tổ chức **Ngày Đại lễ Phật Đản Chung**, tuy nơi tổ chức có khác, nhưng đa phần là vùng đất Quận Cam. Tuy nhiên, phải nhận thật một điều là khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ hiển hiện, thì những mùa Phật Đản lại nổi bật hơn bao giờ hết tại xứ cờ Hoa.

Kính bạch quý Ngài,
Kính thưa quý liệt vị,

Lược trình những hoạt động của Giáo Hội chúng ta cùng với các Giáo hội các châu đã làm trong 8 năm qua, dù dưới những phương cách hay hình thức nào, để thấy rằng mục tiêu luôn luôn hướng tâm đến chính là phát huy bản thể thanh tịnh và hòa hợp của Tăng già qua những nỗ lực hàng ngày sống đời phạm hạnh, chuyên tu giới định huệ. Nhờ vậy, Giáo hội vượt qua được tai ách bi thảm, dần dần ổn định và phát triển, Tăng Ni Phật tử được an lạc hành đạo, tu học và sinh hoạt.

Giáo hội có được như ngày hôm nay, và chúng ta có thể tổ chức Đại hội Khoáng Đại kỳ II nhiệm kỳ III như thế này, phần lớn là do sự lãnh đạo sáng suốt, kiên trì, kham nhẫn của chư tôn đức giáo phẩm, trong đó có các bậc Trưởng lão Hòa Thượng nay đã vắng bóng. Nhân dịp này, Giáo Hội chúng ta xin thành kính cảm niệm ân đức của các Ngài: Cố Trưởng lão Hòa Thượng Thích Đức Niệm, nguyên Chánh Văn Phòng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ từ ngày Giáo Hội mới thành lập năm 1992 cho đến khi Ngài viên tịch; Cố Trưởng lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm, nguyên Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu, nguyên Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Hải Ngoại, nguyên Chánh Văn Phòng đầu tiên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu; Cố Trưởng lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn, nguyên Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đầu tiên khi Giáo Hội được chấn chỉnh; Cố Trưởng lão Hòa Thượng Thích Hạnh Đạo, nguyên thành viên trong Hội Đồng Chứng Minh của Giáo Hội. Đặc biệt, Cố Trưởng lão Hòa Thượng Thích Đức Niệm tuy đã viên tịch trước khi các biến động xảy ra cho Giáo Hội, nhưng đạo hạnh, sự khiêm cung và việc thành lập



môn phái Liễu Quán Hải ngoại của Ngài đã là mối dây liên kết mật thiết giữa các chư tôn đức trong môn phái để sau này trở thành thuận duyên trong việc chấn chỉnh Giáo Hội.

Giáo Hội có được như ngày hôm nay và thành tựu được nhiều Phật sự rất đáng vui mừng cũng là do sự đóng góp của tất cả chúng ta, từ chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, chư vị cư sĩ Phật tử, các anh em trong tổ chức Gia đình Phật tử cũng như toàn thể Phật tử các giới đã ủng hộ, yểm trợ những mục tiêu và sinh hoạt của Giáo Hội chúng ta. Thay mặt Giáo Hội, chúng tôi xin thành tâm tán thán công đức và niệm ân tất cả mọi sự đóng góp và yểm trợ đó.

Kính bạch quý Ngài,
Kính thưa quý liệt vị,

Chúng ta sắp bước vào nội dung của chương trình Đại Hội mà Ban Tổ Chức đã chuẩn bị, bao gồm kiểm điểm công tác Phật sự trong nhiệm kỳ qua, thuyết trình các đề án Phật sự và thỉnh cử nhân sự cho Hội Đồng Điều Hành nhiệm kỳ III sắp tới (2016-2020). Chúng tôi rất hy vọng Đại Hội sẽ thành tựu được những mục tiêu cao cả vì mạng mạch của Phật Pháp, vì sự hưng thịnh của Giáo Hội, vì sự tu học an lạc của Phật tử mà tiếp tục trang nghiêm Giáo hội bằng cách phát huy bản thể thanh tịnh và hòa hợp của Tăng Già, tiếp tục chấn chỉnh, phát triển tổ chức và sinh hoạt của Giáo Hội.

Thay mặt Hội Đồng Điều Hành, tôi xin trang trọng tuyên bố khai mạc Đại Hội Khoáng Đại kỳ II, nhiệm kỳ III Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Đại Hội thành công.

Trân trọng kính chào quý liệt vị.

Sa-môn Thích Tín Nghĩa



TRỞ VỀ MỤC LỤC



THÍCH VIÊN THÀNH (HẠNH TRUNG)

LẠY PHẬT MỘT PHÁP TU

Hằng lay Phật một pháp tu lợi ích
Bản ngã tiêu, sức khỏe tốt, dưỡng sinh
Khi ta lay quán chiếu lại chính mình
Lay nhiều lay ba nghiệp hằng thanh tịnh

Đạo cảm ứng tỏ chân tình an tĩnh
Tôn trọng nhau vì thấy Phật trong nhau
Ngũ uân không Phật pháp thật nhiệm mầu
Qua tất cả mọi tai ương khổ nạn

Bao nghiệp tạo, quay đầu là bĩ ngạn
Lay chân thành chậm rãi thật chủ tâm
Phước sẽ sanh chuyển hóa hết lỗi lầm
Sám từ tâm, vì tâm nguồn tạo tội

Lay khi nào tâm tịnh là cơ hội,
Đưa tâm về với bản thể chơn như
Phật hiển lộ và trùm khắp thái hư
Lay một lay giống như ngàn muôn lễ

Một pháp tu trông thật là rất dễ
Nhưng công năng diệu dụng khó nghĩ bàn
Phước đức sanh sức khỏe cũng là vàng
Lay một lay chuyển toàn thân gân cốt

Từ cổ, đầu, đến chân, tay từng đốt
Xương sống, móng cứ hoạt động xuống lên
Máu huyết thông giúp cơ thể mạnh bền
Không tật bệnh, lòng ta đầy khoan khoái

Tinh tấn tu đầy lùi bao uế oái
Giúp bao người hằng lay Phật cùng nhau
Hết Hồng Danh tiếp đến kinh bộ hầu
Từ Thủy Sám, Mộc Liên, Dược Sư Sám ...

Ngũ Bách Danh tiếp Lương Hoàng Bảo Sám
Đến Tam Thiên, Vạn Thiên lay chí thành
Đại Bi sám, Bát Nhã lay từng danh
Kinh Pháp Hoa, Niết Bàn lay từng chữ

Được nhiếp tâm nhờ theo từng từ ngữ
Không lộn hàng lộn chữ, tuệ phát sanh
Vừa dưỡng sinh vừa một pháp tu hành
Hằng lay Phật một pháp tu lợi ích.

Ý NGHĨA và LỢI ÍCH CỦA LẠY PHẬT

Khi bái lay kết hợp cùng y học
Sẽ tiêu trừ nghiệp chướng lại khỏe thân
Bệnh nan y cũng chuyển hóa giảm dần
Hồi phục tốt sức khỏe cùng tâm trí

Khi bái lay tất cả đều hoan hỷ
Phật trong tâm khai thị đến từng người
Để giúp cho cuộc sống mãi xinh tươi
Cùng nghĩ đẹp cho nhau niềm tôn kính

Khi bái lay thân an tâm bình tĩnh
Lúc khom lưng là “vô ngã” hiển bày
Trong cuộc sống thể hiện những điều hay
Luôn kính trọng mọi người trong mọi lúc

Khi bái lay đang thực hành nhẫn nhục
Mình thua người nên quyết chí tiến lên
Khổ công luyện khiêm cung được đáp đền
Nền đức hạnh tiêu tan bao mệt nhọc

Khi bái lay kết hợp cùng y học
Nét diệu hiền thể hiện với người tu
Vừa dưỡng sinh vừa thoát khỏi mê mù
Tu đúng pháp sẽ đạt thành “vô ngã”.

Kính Mừng Phật Đản 2640
An Lạc tất, những ngày tịnh dưỡng,



NGẪM TRĂNG LĂNG GIÀ

Thích Nguyên Tạng



Trong đời sống thường nhật của Thiền môn, chúng ta ai ai cũng từng nghe qua câu phương ngữ “*Ăn Cơm Hương Tích, uống Trà Tào Khê, ngồi Thuyền Bát Nhã, ngắm Trăng Lăng Già*”. Nghe nói đã là một phước duyên lắm rồi, nếu mà hành giả nào còn đích thân thường thức được bốn món kỳ đặc đó, thì quả thật cuộc đời này không còn gì hạnh phúc cho bằng. Mong cho ai ai cũng ngửi được mùi thơm của bát cơm Hương Tích, nhấp được một ngụm của chén trà Tào Khê, rồi được ngồi trên con thuyền Bát Nhã, vượt qua sông mê biển ái, để rồi từ đó có thể thông dong, tự tại mà ngắm ánh trăng Lăng Già.

Trong đời thường, ai cũng biết Mặt Trăng (moon/luna), vệ tinh tự nhiên lớn thứ năm trong hệ Mặt Trời. Một ngày trên Mặt Trăng bằng 28 ngày trên Trái Đất, khoảng cách trung bình từ tâm Trái Đất đến Mặt Trăng là 384.403 km, lớn khoảng 30 lần đường kính Trái Đất. Đường kính Mặt Trăng là 3.474 km, tức hơn một phần tư đường kính Trái Đất. Tính cho đến thời điểm này, Mặt Trăng là thiên thể duy nhất ngoài Trái Đất mà con người đã đặt chân tới; cuộc đổ bộ của con người xuống Mặt Trăng đã được thực hiện vào năm 1969 do hai Phi hành gia Neil Armstrong và Buzz Aldrin, là những người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng trong chuyến bay Apollo 11 (theo wikipedia.org).

Trăng Lăng Già ở đây là từ được *Kinh điển hóa*, chư Tổ Đức lấy tên *Kinh Lăng Già* ghép với ánh trăng lung linh kỳ diệu kia, nên mới có danh xưng là “*Lăng Già Nguyệt*”, với ý nghĩa ví ánh Trăng tròn là Phật Tánh Chơn Như đang ẩn tàng trong đám mây mù, khi đến thời, mây tan thì trăng hiện; một ý nghĩa đẹp khác là nhờ ánh sáng vắng vạc của Trăng sẽ soi chiếu dẫn đường cho chúng sanh trong đêm dài tăm tối mê ngủ của cõi giới Ta Bà này. Từ đó có nhiều thơ văn sử dụng danh từ “*Lăng Già Nguyệt*” để nói lên ý nghĩa tuyệt diệu và độc đáo của bản Kinh Đại Thừa này. Thiền Sư Từ Đạo Hạnh vào thế kỷ thứ 12 đã ví vạn pháp trong cõi đời này giống như sự ảo hóa, không thật có như ánh trăng hiện trong nước: “*Tác hữu trần sa hữu, Vi không nhất thiết không, Hữu không như*

thủy nguyệt, Vật trước thị không không”. Nghĩa là: “*Có thì có tự mây may, Không thì cả thế gian này cũng không, Thử xem bóng nguyệt lòng sông, Ai hay không có có không là gì*”. (bản dịch của Huyền Quang Tam Tổ).

Hiện tại ở Việt Nam, Kinh Lăng Già có 6 bản dịch đang lưu hành như sau: 1/*Kinh Lăng Già Tâm Ấn* (*Sư Bà Diệu Không dịch*) 2/*Kinh Lăng Già Tâm Ấn* (HT Thanh Từ dịch; 3/*Nghiên Cứu Kinh Lăng Già* (HT Chơn Thiện và GS Trần Tuấn Mẫn dịch); 4/*Kinh Lăng Già* (HT Duy Lực dịch); 5/*Kinh Lăng Già* (NS TN Trí Hải dịch); 6/*Lăng Già Đại Thừa Kinh* (HT Chơn Thiện và GS Trần Tuấn Mẫn dịch).

Kinh Lăng Già (*Lankāvatāra Sūtra*/楞伽經) là một bộ kinh Đại thừa, gồm có 7 quyển và 10 chương do Đức Phật thuyết tại núi Lankā (Lăng Già) là tên một hòn đảo ở phía Nam Ấn có tên là Celon (Tích Lan), nên Kinh được đặt theo tên của hòn núi này là Lankavata Sutra, trong Kinh, Phật trả lời 108 câu hỏi của Bồ Tát Đại Huệ (Mahāmāti) về tất cả mọi chủ đề của đời sống tu tập.

Theo địa lý, đỉnh núi Lăng Già là một hải đảo rất xa xôi, đường đến đó rất khó khăn, chỉ có Đức Phật và những vị Thánh đệ tử Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát mới vào đó được. Trong Kinh Phật dạy về tính giác ngộ nội tại, qua đó hành giả rõ biết về mọi hành tướng của 3 tự tánh (*Biến kế sở chấp, Ý tha duyên khởi, Viên thành thật tánh*), 8 thức Tâm Vương, đặc biệt là đào sâu vào A Lại Da Thức, giúp cho hành giả đạt tâm vô phân biệt, chứng được Như Lai Tạng (*tathāgata-garbha*) vốn hằng có trong mọi chúng sanh. Giáo lý của Kinh này về sau đã trở thành bản Kinh cốt tủy của Duy Thức Tông và Thiền Tông Trung Hoa, đặc biệt là bản Kinh duy nhất được Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma mang đến Trung Hoa và đã truyền lại cho nhị tổ Huệ Khả là đệ tử đặc pháp của mình.

Chúng sanh trong cõi giới này từ thuở ban đầu, ai ai cũng có bản tính Như Lai Tạng, đó chính là Phật tánh, vốn hằng thanh tịnh, không biến dịch đổi thay, luôn tồn tại hiện tiền. Nhưng chúng từ đó, hạt giống đó xưa nay bị quần trong lớp áo dơ uế của uẩn giới xứ, bị ô nhiễm vì tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, tà kiến,

kiến thủ, giới cấm thủ...mà bị trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi, như chàng cùng tử trong Kinh Pháp Hoa mà Đức Phật đã hơn một lần cảnh báo rằng, lúc nào cũng ôm viên ngọc quý trong ché áo mà không hề biết, cứ sống lầm lũi trong cảnh nghèo nàn túng thiếu.

Trong phẩm 2, Kinh Lăng Già, Phật chỉ rõ Như Lai Tạng của mỗi chúng sanh ấy bị vùi lấp: *"Như ba đào biển lớn, Đều do gió mạnh thổi, Sóng lớn khuấy biển ngời, Không lúc nào dừng nghỉ, Biển tạng thức thường bị, Gió cảnh giới lay động, Khiến những luồng sóng thức, Múa nhảy mà chuyển sinh"*. Rõ ràng mỗi chúng sanh đều có một Như Lai Tạng tánh, thường trụ thanh tịnh vắng lặng, bất sinh, bất diệt, đó là Phật tánh chân như, nhưng do duyên khởi với 5 uẩn, với 12 xứ, với 18 giới nên bị vô minh dẫn lối, đưa đường bởi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, mà có luân hồi, đau khổ. Phật đã ví biển cả, tánh của nước là Như Lai Tạng, do vì có gió vô minh nên tâm thức vọng động mới nổi sóng ba đào; một khi gió yên, sóng lặng thì biển cả mới hoàn lại như cũ.

Như Lai Tạng (Tathagata garbha) tên gọi khác Phật tánh, Chân Như, A Lại Da Thức. Tạng là cái kho chứa khổng lồ cả thiện lẫn ác và mầm giác ngộ của tất cả chúng sanh, vượt không gian và thời gian, từ vô lượng kiếp cho đến nay, nếu không tu tập và giải thoát, kho chứa này vẫn tiếp tục thi hành hoạt động của mình. Về mặt nhiễm, Như Lai Tạng là biểu trưng cho luân hồi sinh tử, vô minh và phiền não, nên gọi là Như Lai Tại Triền, tức là trạng thái bị phiền não trói buộc; về mặt tịnh Như Lai Tạng tượng trưng cho Chân như, Giác ngộ, Giải thoát và Niết bàn; nếu biết tu tập, thanh lọc, chuyển hóa dần dần những phiền não nhiễm ô sẽ biến A Lại Da thành Đại Viên Cảnh Trí, tức là trở về với Như Lai Tạng tâm như thuở ban sơ của mình, lúc đó được gọi là Như Lai Xuất Triền. Đức Thế Tôn ra đời, chỉ làm mỗi việc duy nhất là giúp cho chúng sanh nhìn thấy được Như Lai Tạng này và giúp họ phương tiện để sớm trở về nguyên quán của họ. Vua Trần Thái Tông đã nhận ra điều này mà nói rằng: *"Tỷ trước chư hương thiết tham vị, Nhân mạnh chúng sắc nhĩ vẫn thanh. Vĩnh vi lắng lắng phong trần khách, Nhứt viễn gia hương vạn lý trình"*. Nghĩa là: *"Lưỡi vướng vị ngon, tai vướng tiếng, Mắt theo hình sắc, mũi theo hương, Lénh dềnh làm khách phong trần mãi, Ngày cách quê hương muôn dặm trường"* (bản dịch của HT Thanh Từ).

Do vô minh và phiền não nhiễm ô dẫn dắt ta rời xa quê hương tâm linh của mình, ta bị chìm đắm, lẫn lộn trong 33 cõi luân hồi, từ địa ngục cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chưa có ngày ra khỏi, nay có được duyên may hội ngộ với Kinh Lăng Già, được Phật khai thị chúng sanh trong cõi này đau khổ là vì không nhận ra thật tướng của vạn pháp, giống như *"Như con thú vì cơn khát hành hạ, do bóng nắng mà tưởng tượng nước, mê hoặc chạy*

theo, không biết đây chẳng phải nước". (Kinh Lăng Già, phẩm 3). Thật vậy, Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, mọi thứ trên đời này đều do tâm ta lưu xuất, nên Phật dạy: *"này Mahamati (Bồ tát Đại Huệ), Như Lai Tạng quy trong nó cái nguyên nhân của cái thiện và cái ác và tất cả những hình thức hiện hữu đều được tạo ra do từ nó... do bởi ảnh hưởng của tập khí vốn đã chất chứa khác nhau bởi sự suy luận sai lầm từ vô thi nên cái hiện tượng có cái tên là thức A Lại Da kèm theo bảy thức tạo sự sanh khởi cho một trạng thái gọi là chỗ trú của vô minh"* (Kinh Lăng Già, trang 346).

Nhận ra được điều đó, nên hành giả tu tập, phòng hộ khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, một khi căn và trần được điều phục thì sáu thức bên trong không bị vọng động, như lời của Thiền Sư Duy Sơn Nhiên trong bài Sám Quy Mạng mà chúng ta thường thọ trì vào thời công phu khuya rằng *"Lục căn lục trần, vọng tác vô biên chi tội"*, nghĩa là: *"Căn trần sáu mối duyên đầu, khiến xui con tạo biết bao lỗi lầm"* (Ni Sư Trí Hải dịch). Do đó khi sáu Căn tiếp xúc với sáu Trần ta không chạy theo, ta không dính mắc và đau khổ. Sáu trần cảnh bên ngoài tự nó không quyến rũ, không cột trói ai cả, nhưng do vì chúng ta mê lầm, mắt thấy sắc liền khởi ý phân biệt, sắc đẹp thì thích thú, tham tâm dậy khởi, muốn chiếm hữu, sắc xấu thì ghét bỏ, chán chường. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị ... phân biệt, tham sân dấy khởi, chấp đắm nên sinh ra khổ đau. Ta thấy rõ như vậy mà cố gắng làm chủ tâm mình, luôn chánh niệm tỉnh giác, để khi Căn, Trần tiếp xúc với nhau, ta vượt lên trên sự chi phối thường tình của nó. Thiền Sư Phù Dung dạy ta phương châm xử thế thường ngày như sau: *"Kiến lợi kiến danh như nhân trung trước tiết; ngộ thanh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa"*, nghĩa là: *"Thấy lợi lộc và danh vọng như bụi rơi vào mắt, nghe tiếng hay, nhìn sắc đẹp như hoa trồng trên tảng đá"*. Ai làm được như lời dạy này, mọi ngoại cảnh đều ở ngoài tầm với của chúng ta, chúng sẽ không ảnh hưởng gì được ta, ta sẽ được tự tại, an vui và giải thoát ngay trong đời sống này. Lăng Già Kinh Phật dạy: *"Này Mahamati, khi hiểu rõ thế giới đối tượng không là gì cả ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái tâm thì cái tập khí của lý luận sai lầm và của phân biệt lầm lạc vốn đã tiếp diễn từ vô thi sẽ bị loại bỏ và có một sự đột biến ở cái căn bản của phân biệt. Đó chính là giải thoát."* (Kinh Lăng Già trang 362).

Phương pháp tu tập ba chữ *"Ly sinh Hỷ"* (xa lìa để được vui) đã được Đức Phật dạy ngay trong Kinh Lăng Già này: *"Sao gọi là tướng "Tự chứng Thánh trí thù thắng" (pratyatmadhi-gamavisesalaksana)? Ấy là nhân thấy rõ cảnh giới các đế khổ, không, vô thường, vô ngã, mà lìa ham muốn, trở nên vắng lặng; biết rõ một cách chân thật các tướng bất hoại ở ngoài uẩn, giới, xứ hoặc tự hoặc cộng, nên tâm trụ vào một chỗ. Khi tâm*

đã an trú vào một cảnh thì sẽ được các đạo quả thiên định, giải thoát, tam muội... mà được hạnh viên ly".

Về hình ảnh đẹp kinh điển hóa "Ánh trắng Lăng Già" (Lăng Già Nguyệt) xuất hiện đầu tiên trong bài thơ truy tán công đức truyền bá Phật Pháp của Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi (? - 594) tại Việt Nam, Vua Lý Thánh Tông (1028-1054) đã viết:

"Sáng tự lai Nam Quốc
Văn quần cứu tập thiền
Ứng khai chư Phật tín
Viên hợp nhất tâm nguyên.
Hao hạo Lăng Già Nguyệt
Phân phân Bát Nhã Liên
Hà thời hạnh tương kiến
Tương dữ thoại trùng huyền?"

Dịch nghĩa:

Mở lối qua Nam Việt,
Nghe Ngài thông đạo Thiền
Nguồn tâm thông một mạch,
Cõi Phật rộng quanh miền.
Lăng Già ngời bóng nguyệt,
Bát Nhã nức mùi sen.
Biết được bao giờ gặp,
Cùng nhau kể đạo huyền.
(Thích Mật Thể dịch)

Trong bài thơ truy tán này của vua Lý Thái Tông, ông ví hành trạng của Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi tại nước Việt chói sáng như ánh Trăng Lăng Già, và trí tuệ của Tổ tỏa ngát mùi thơm như hương sen Bát Nhã.

Rồi hình ảnh lung linh của ánh trắng Lăng Già lại xuất hiện trong bài thơ đáp từ của Thiền Sư Huệ Sinh (đệ tử của Thiền Sư Định Huệ, thuộc thế hệ thứ 13 trong thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi) khi Ngài tham dự lễ cúng dường Trai Tăng trong đại nội Vua Lý Thái Tông:

"Tịch tịch Lăng Già nguyệt
Không không độ hải chu
Tri không, không giác hữu
Tam muội nhậm thông chu".

Dịch nghĩa:

"Trăng Lăng Già lặng chiếu,
Thuyền vượt biển trống không,
Không cũng không như có,
Định tuệ chiếu vô cùng".
(Thiền Sư Nhất Hạnh dịch)

Nhìn lại trong cuộc đời tám mươi năm trên trần gian của Đức Thế Tôn, ánh trắng tròn (full moon) luôn xuất hiện và gắn liền với những sự kiện trọng đại của đời Ngài như Đản sanh, Xuất gia, Thành đạo và Nhập Niết bàn... ánh trắng tròn kia dường như là mặc định cho sự toàn bích từ cuộc đời đạo nghiệp và lời dạy của Ngài, không có hình ảnh nào có thể ví von hơn cho sự tròn đầy, trọn vẹn, viên mãn như vậy. Quả thật, lời dạy của Đức Thế Tôn toàn bích và trong suốt như pha lê: "Pháp Phật giảng dạy thuần thiện cả phần mở đầu, phần giữa lẫn phần cuối. Pháp ấy tốt đẹp cả ý nghĩa lẫn lời văn. Toàn bộ pháp âm đều đồng nhất, viên

mãn và trong suốt, thể hiện trọn vẹn phạm hạnh thanh tịnh." (Kinh Tăng Nhất A Hàm). Hơn 2500 năm sau, một nhà thơ lừng danh của Phật Giáo Việt Nam đã thử thẩm định lại giá trị đó:

"Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không."

(thơ của Bùi Giáng)

Ánh trắng đó, chân lý đó vẫn "nguyên màu" như hôm nào, chưa bao giờ thay đổi, và chân lý đó tiếp tục làm sứ mạng cứu độ của mình như lời kệ tán thán công đức của Phật ngay đầu bản Kinh Lăng Già, mà Bồ Tát Đại Huệ đã đại diện cho đại chúng trình thưa:

"Thế gian ly sanh diệt

Du như hư không hoa.

Trí bất đắc hữu vô,

Nhi hưng đại bi tâm"

Nghĩa là:

"Thế gian rời sanh diệt

Như hoa đốm hư không

Trí chẳng đắc hữu, vô

Mà hưng khởi tâm đại bi"

(HT Chơn Thiện dịch)

Chư hành giả qua tu tập, nhờ trí tuệ nhìn thấy tất cả mọi thứ trên thế gian này "như hoa đốm giữa hư không", triệt tiêu mầm móng của chấp có, chấp không, chấp thường, chấp đoạn, vượt lên trên tất cả, để thông dong tự tại giải thoát và tuyệt vời hơn thế nữa, quý Ngài vẫn "hưng khởi đại bi tâm" để xuống đường đi vào đời để tiếp tục công cuộc tế độ chúng sanh. Đây phải chăng là hình ảnh kỳ ảo tuyệt đẹp trong giáo lý nhà Phật và bức thông điệp Lăng Già đó đã trải qua hơn 2500 năm rồi mà vẫn còn lưu nguyên giá trị.

Nam Mô Đại Huệ Bồ Tát Ma Ha Tát
Viết tại Trường Hạ Quảng Đức, Mùa An Cư kỳ
17 năm 2016

TK. Thích Nguyên Tạng

Tham khảo các tài liệu:

1/ Kinh Lăng Già Tâm Ấn, Sư Bà Diệu Không dịch từ bản số giải của Thiền Sư Hàm Thị (Xuất bản 1970);

2/ Kinh Lăng Già Tâm Ấn, HT Thanh Từ dịch từ bản số giải của Thiền Sư Hàm Thị (xb 1975)

3/ Nghiên Cứu Kinh Lăng Già, Hòa Thượng Thích Chơn Thiện và Giáo Sư Trần Tuấn Mẫn dịch từ nguyên tác tiếng Anh của Ngài Daisetz Teitaro Suzuki (xb 1992)

4/ Kinh Lăng Già, Hòa Thượng Thích Duy Lực dịch từ bản Hán của Ngài Cầu Na Bạt Đà La (xb 1994)

5/ Kinh Lăng Già, Ni Sư Thích Nữ Trí Hải dịch từ bản Hán của Ngài Thật Xoa Nan Đà (xb 1998).

6/ Lăng Già Đại Thừa Kinh, Hòa Thượng Chơn Thiện & GS Trần Tuấn Mẫn dịch Việt từ nguyên bản tiếng Anh của Thiền Sư Suzuki (dịch từ Phạn bản của Ngài Thật Xoa-Nan-Đà, (xb 2005).





TRƯỜNG HẠ NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT, RỰC SÁNG MÀU VÀNG Y

Thích Nguyên Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trên những chuyến bay từ các phi trường tiểu bang Hoa Kỳ, chở những đoàn người - Chư tôn đức Tăng Ni về San Jose - thung lũng hoa vàng để tham dự mùa An Cư Kiết Hạ do GHPGVNTN HK tổ chức tại Niệm Phật Đường Fremont do HT Thích Thái Siêu - Hoá Chủ bảo trợ từ ngày 13-23 tháng 6 năm 2016.

Trước sân chùa, chư Tăng Ni, người mới xuống xe kéo vali vào phòng, người gặp nhau chuyện trò thăm hỏi tạo thành một quang cảnh vui tươi, làm sống dậy đạo tình mà từ bấy lâu nay mỗi người ở mỗi phương trời xa cách, không có nhơn duyên gặp nhau. Do vậy, nếu có khách thập phương nào đến viếng cảnh chùa, sẽ nhìn thấy từng nét mặt, hiện rõ cả một tấm lòng hoan hỷ nở trên khóe mắt, nở môi, mà trước đây vài ngày Niệm Phật Đường Fremont vẫn chìm trong vắng lặng, thanh tịnh, giữa những building công xưởng. Trước ngày kiết giới An Cư là Đại Hội Khoáng Đại lần thứ II, nhiệm kỳ III của GHPGVNTN HK, qui tụ gồm 108 Đại Biểu Đại Hội, đã diễn ra trong tinh thần hội họp đoàn kết, thảo luận trong tinh thần đoàn kết, và giải tán trong tinh thần đoàn kết. Quý thành viên của GH đã nhiệt tình, tích

cực đóng góp ý kiến nhằm kiện toàn nhân sự và kế hoạch Phật sự cho tương lai, mở ra con đường hoằng pháp của các tông vụ một cách tốt đẹp. Đây là thành quả của Đại Hội qua 18 điểm quyết nghị mà tất cả quý Đại Biểu Đại Hội đã lắng lòng nghe trong niềm cảm xúc dâng trào, biểu tỏ tinh thần phụng sự, hy hiến cho GH mà thâm nguyện cầu cho pháp giới chúng sanh sống trong niềm bình an, hạnh phúc.

Chiều hôm nay, ngày 13 tháng 6, lúc 7:30 pm là giờ cung an chúc sự, Chư tôn đức Tăng Ni vân tập về trai đường để lắng lòng nghe lời cung thỉnh các chức vụ trong Trường Hạ:

- H.T. Thích Thắng Hoan: *Thiền Chủ*
- H.T. Thích Nguyên Trí: *Đệ nhất Phó Thiền Chủ*
- H.T. Thích Nguyên An: *Đệ nhị Phó Thiền Chủ*
- H.T. Thích Tín Nghĩa: *Đệ nhị Sám Chủ*
- H.T. Thích Phước Thuận: *Đệ nhất Sám Chủ*
- H.T. Thích Đồng Tuyên: *Tuyên Luật Sư*
- H.T. Thích Nguyên Siêu: *Giáo Thọ Sư*
- H.T. Thích Thái Siêu: *Hóa Chủ*
- H.T. Thích Nhật Huệ: *Thư Ký*





Đây là nhân sự nòng cốt của Trường Hạ mà Đại Tăng đã tác bạch cung thỉnh, yết ma đúng như pháp. Đồng thời Đại Tăng cũng đã cung thỉnh một Ban Giáo Thọ để giảng dạy cho Tăng Ni Trường Hạ và hai ban thuyết trình. Tăng có ban thuyết trình của Tăng và Ni có ban thuyết trình của Ni, nhằm tạo sự đồng bộ sinh hoạt trên tinh thần An Cư Kiến hòa đồng giải. Đây là tinh thần giáo pháp mà Đức Thế Tôn đã ân cần chỉ giáo để hàng Tăng Ni có cùng một quan điểm, một kiến giải để hướng về chân trời tri thức tĩnh lặng. Hồi chuông báo hiệu giờ chỉ tịnh. Chúng Tăng chỉ tịnh. Vạn vật chỉ tịnh. Có cây hoa lá quanh chùa chỉ tịnh. Tất cả đi vào một giấc ngủ bình yên.

Ngoài trời, ánh sáng của buổi ban mai mờ nhạt đã lọt qua khe cửa báo hiệu giờ Đại Tăng kiết giới An Cư. Tất cả đại chúng vân tập về Chánh Điện mới được Ban Tổ Chức trần thiết cho mùa An Cư năm nay. Tiếng chuông gia trì trầm ấm. Tiếng mõ nhịp đều qua lời tựa Lăng Nghiêm. Tất cả Đại Tăng đồng an tọa để tác tiền phương tiện kiết giới trường-Tiểu giới trường và Đại giới trường. Giới hạn ranh vực đi lại của một đạo tràng tu tập.

Trưa hôm nay, 14 tháng 6 lúc 11:45 am

tất cả Đại Tăng cùng vân tập về trai đường, ngồi vào 7 dãy bàn dài, làm rực sáng lên từ những chiếc y vàng. Đẹp! đẹp như những cánh hoa Đàm trên cành lá xanh tươi tự nhiên của đất trời sương khuya, nắng sớm. Đôi tay bưng bát, bắt ấn Cát tường, trên hiên cúng mười phương Chư Phật, dưới cứu vớt ba đường chúng sanh no đủ:

Đại bàng kim xí diệu

Khoáng dã qui thần chúng

La sát qui tứ mẫu

Çam lồ tất sung mãn

An mục để toả hạ.

Dãy bàn đặt trên bục cao, dành cho chư vị Hòa Thượng nhìn xuống cả một Đại Tăng y hậu vàng rực, mà cảm nhận một cách thâm thía, thâm trầm của một kiếp người cách Phật lâu xa, nhưng hãy còn có phước duyên làm người xuất gia đầu Phật. Để có ngày nay 239 Tăng Ni cùng qui tụ về một đạo tràng, An Cư Kiết Hạ, tụng giới, thiền hành, thuyết pháp, nghe giảng, làm sống lại hình ảnh 1250 vị Tỷ Kheo theo sau Phật trên những chặng đường hoá độ.

Niệm Phật kinh hành sau giờ ngo trai, qua cửa phía sau trai đường, Chư Tăng Ni chấp tay



niệm Phật, trong cung cách thanh thản, chăm rãi, từng bước, từng tiếng niệm Phật hòa quyện với cỏ cây hoa lá, với ánh nắng vàng sưởi ấm. Đoàn người cứ chấp tay niệm Phật, cứ cúi đầu lắng sâu vào tâm thức, để cảm nhận âm thanh của đất trời hôm nay dường như vừa có mặt. Đoàn người dẫn đi một lối dài, từ chiếc y vàng, từ màu áo lam của Ni chúng như màu thanh nhiên, làm dịu lại, hiền hòa như bao nỗi thăng trầm đã từng qua đây một thuở. Tiếng niệm Phật được dừng lại sau khi quý Chư Tăng Ni vào Chánh Điện để tiếp theo là một thời Kinh ngắn.

Từ những hình ảnh 239 Tăng Ni sáng công phu, trưa đi quả đường, chiều lay sấm hối, tối nghe giảng, hô canh tọa thiền... Đầu đó đều theo khuôn phép ấn định. Đây là một trong những Phật sự của Giáo Hội mà qua bao nhiêu năm tháng vẫn luôn duy trì một cách thêm đông. Đã nói lên khả tính kiên trì của các thành viên Giáo Hội, vì Phật sự chung; vì con đường hoằng pháp; vì sự tu tập để gìn giữ một nếp sống đẹp trong chốn thiền môn. Hình ảnh Chư Tôn Đức Tăng Ni trong Trường Hạ đã xóa đi lẫn ranh dị biệt, đã san bằng hố hào cách ly, mà chỉ còn lại thuần Phật pháp. Vì thuần là Phật pháp nên gặp nhau là chấp tay Mô Phật. Với ánh mắt khả kính, toát lên nỗi bình yên và an lạc.

Mùa An Cư Kiết Hạ năm nay-2016 tại Niệm Phật Đường Fremont có thể nói là đông đảo nhất từ trước tới giờ. 239 Tăng Ni, Ban tổ chức đã phải chu toàn nơi ăn, chốn ở, nhu cầu cá nhân... Đây là một phước duyên phụng sự Tăng Bảo. Hoà Thượng Hóa Chủ đã lo lắng Chư Tăng Ni về quá đông không đủ phương tiện cung ứng sinh hoạt hằng ngày. Hoà Thượng

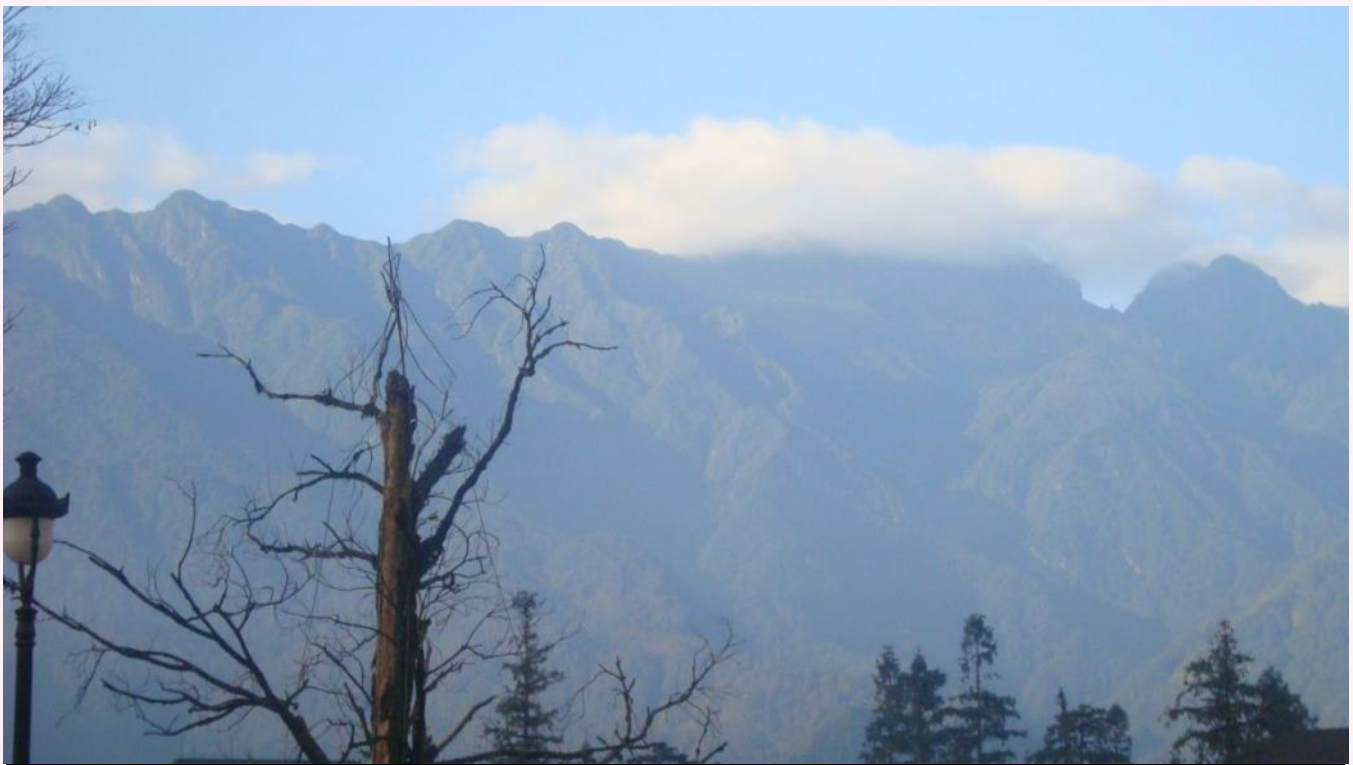
Thư Ký đã phải chật vật thức suốt đêm để cập nhật danh sách. Nhưng rồi, một khi trăm sông đổ ra biển hòa tan và tất cả chỉ là một hương vị. Biển lớn thanh tịnh của Tăng giới đây đã dung chứa tất cả, mà không còn phải thiếu đủ. Ấy là cái tính dung hợp tuý duyên, vô ngã của Tăng. Trong Phật sự, nhờ duyên này có Hoà Thượng, Thích Bảo Lạc, Hội Chủ GHPGVNTN Hải Ngoại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan cùng với Hoà Thượng Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ cũng quang lâm để chia sẻ tấm thịnh tình giữa các Giáo Hội với nhau. Có Hoà Thượng Minh Đạt Tuyên Luật Sư của cộng đồng Tăng già Bắc Cali quá bước sang thăm Trường Hạ, cùng Đại Tăng đi quả đường, kinh hành, niệm Phật. Để rồi một nỗi niềm cảm kích, Hoà Thượng đã nói: "An Cư không phải là điều mới mẻ gì, nhưng nếu nói nó là cũ thì muôn đời không bao giờ cũ. Hơn 37 năm qua tại San Jose này cũng có tổ chức An Cư, tụng giới, hội họp Tăng già, nhưng phải nói năm nay, lần đầu tiên đồng đạo Chư Tôn Đức Tăng Ni đã tham dự An Cư Kiết Hạ, làm lòng tôi thấy vui. Vui lắm lắm tình pháp lữ."

Một ngày trôi qua như mọi ngày, nhưng ngày hôm nay đã để lại bao nhiêu hình ảnh, mến thương, quý kính, in sâu vào tâm thức từng khách thập phương tham dự tông hạ. Từng chiếc lá, từng nụ hoa, từng dấu chân bền lẽ đường nằm im theo năm tháng. Đoàn người y hậu trang nghiêm, rực sáng như luôn hiện hữu nơi đây để thắp sáng niềm tin yêu Phật pháp ngàn năm sau và mãi mãi vô cùng.

*San Jose, Niệm Phật Đường Fremont
Mùa An Cư 2016*

Thích Nguyên Siêu





VẾT CHIM BAY

(thương những cánh chim trời di trú bị con người sát hại)

Non cao bạt gió, trăng bày cỏ tươi
hừng đông nắng chớm hoa cười
vàng mây trắng nhuộm đã mười mùa tình
chim còn dang cánh bình minh
trưa son màu ửng hồi sinh, tạ từ...
mãi dòng khí quyển thực hư
khua đôi cánh lượn lơ như ru mình.

Bóng choàng mây gió phiêu linh
khúc thiên di nợ đặng trình khói sương
chim ngày vong niệm du hương
đêm hoang lạnh giữa vô phương tìm về
lông gầy giá buốt tái tê
cóng giò quắp những nỗi ẽ ảm rồi.

Qua sông qua núi qua đồi
dáng bơ vơ những nỗi trôi phũ phàng
ngợp trời lúa gọi thôn trang
khoác mao y những còn đang hành trình
nợ duyên duyên nợ ba sinh
lao mình viễn xứ bỏ tình quê xưa

chim đi hỏi đã về chưa
dấu chi còn lại bóng trưa đã mờ
chờ đây trên nhẹ cánh mơ
hóa dư âm cảm vẫn thơ đất trời.

Chiều nay một cánh chim rời
chao đôi cánh nặng cuộc đời ly thân
hết mơ vỗ cánh xa gần
trái tim đã lịm những vằn lâm chung.

Mùa êm trên những cánh đồng
dấu thiên di đã vui cùng dấu chim
thời gian nào vội đi tìm
tiếng trong trẻo thuở ngày im lặng rồi
huyết thâm giấu kiếp đơn côi
nửa đường buồn giữa trùng khơi cỏ dày.

Hãy còn bỏ vết chim bay...

thơ THIÊN HẠNH



TÔN GIÁO CỦA DÂN CHỦ

Thích Châu Viên trích dịch
(từ cuốn sách “Đạo Đức Học Phật Giáo”
của giáo sư tiến sỹ **Phra Dharmakosajarn**)

Tiến sỹ Ambedkar đã từng nói, “Phật giáo là một phong trào dân chủ, mà dân chủ là yếu tố cần được phát huy trong tôn giáo, dân chủ trong xã hội và dân chủ trong chính trị (1). Phật giáo là một tôn giáo rất thích hợp cho các xã hội chủ nghĩa vì nó nhấn mạnh 3 nguyên tắc dân chủ. Cụ thể là quyền tự do, bình đẳng và tình người.

Đầu tiên, nền tảng của quyền tự do hay sự tự do trong đạo Phật được đề cập sớm trước khi mà chúng ta thường hay nhắc đến quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do trao đổi thông tin. Như ngài Walpola Rahula đưa ra lời nhận xét “tự do tư tưởng chỉ xuất hiện trong đạo Phật, mà chưa từng nghe qua một nơi khác trong lịch sử tôn giáo” (2). Thúc đẩy sự tự do là điều kiện cần thiết trong đạo Phật vì mục đích cao nhất của Phật giáo là Vimutti hay tự do thoát khỏi mọi sự ràng buộc của cuộc sống.

Thứ hai, đức Phật là người thầy đầu tiên đưa ra tiếng nói chống lại chế độ giai cấp mà giai cấp đó chỉ được đặt trên nền tảng đức tin bởi Phạm Thiên (Brahma), người sáng tạo ra con người và làm cho họ bất bình đẳng từ lúc mới sinh ra. Như đức Phật đã từng dạy trong kinh tập (suttanipatā) ‘không phải bởi sinh ra mà một ai trở thành kẻ ruồng bỏ, không phải bởi sinh ra một ai trở thành người tri thức. Mà bởi ngay chính hành động người đó trở thành kẻ ruồng bỏ, và chính ngày hành động người đó trở thành người tri thức’ (3). Thêm vào đó để xóa bỏ chế độ giai cấp, đức Phật phản đối việc thực hành phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Ngài cố gắng nâng cao vị thế của người phụ nữ và giúp nhận diện tầm quan trọng của họ trong xã hội. Nhân dịp Đức Vua Ba Tư Nặc (pasenadi) viếng thăm đức Thế Tôn và căn vặn với Ngài về việc Hoàng Hậu Mạt Lợi vừa mới hạ sanh một tiểu công chúa. Thế Tôn ai ủi và động viên Đức Vua, “Con gái có thể chứng minh tốt hơn con trai. Cô ấy khi trưởng thành có thể là người phụ nữ khôn ngoan, đạo đức và trở thành một người vợ chung thủy biết tôn trọng mẹ chồng” (4) và việc thiết lập giáo đoàn Ni chúng là minh chứng nói lên tính bình đẳng của đức Phật đối với phụ nữ.

Thứ ba, nền tảng của tình người được đức Phật nói rất rõ khi ngài khuyên chúng ta nên nuôi dưỡng lòng từ bi và xem chúng sinh như

những người thân trong những kiếp trước của ta. Đức Phật dạy rằng “trong vô thi kiếp của chuỗi tái sinh (samsara). Khởi điểm của sự tái sinh không biết bắt nguồn từ điểm nào sớm nhất là bởi vì con người bị che lấp bởi sự vô minh và bị trói buộc bởi ái dục. Cho nên, điều đó không dễ gì tìm ra một chúng sinh chưa từng là mẹ là cha, anh, em ruột thịt, con trai, con gái trong chuỗi dài tái sinh này” (5).

Giáo hội tăng già hay hàng chúng tỳ kheo là hiển thị của xã hội dân chủ, là khi mà được được xây dựng trên nền tảng của tự do, bình đẳng, và tình người. Đức Thế Tôn so sánh tăng đoàn của ngài với biển cả bao la, giống như những con sông mạnh mẽ sau khi đổ ra biển cả, không còn ai gọi tên những con sông này nữa, vì tên chúng nay được thay thế bằng tên của biển cả; cũng như thế, khi những người thuộc 4 giai cấp khi xuất gia đi tu trở thành tu sĩ rồi tuân theo giáo pháp và giới luật lập nên bởi như lai, không còn ai gọi tên cũ và giai cấp của những người này nữa, vì những tăng sĩ này nay được gọi là những con người thuộc dòng họ Đức Phật Thích Ca. (6)

Đức Phật không chỉ định ai là người kế thừa trước khi ngài nhập Niết Bàn. Ngài chỉ đơn giản nói, ‘nay Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình; hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa một cái gì khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một ai khác. (7) Từ đó trở về sau giáo lý và giới luật được chứa đựng trong tam tạng kinh điển (tipitaka) và được thực hiện như là hiển pháp Phật giáo trên quy tắc dân chủ trong tăng đoàn.

[1] Dhammananda k, 1965:73

[2] Rahula w, 1962:2

[3] Sn 1.7

[4] S I. 86

[5] S II. 189

[6] Ud V. 5

[7] D III. 154

HẸN NHAU BẾN CŨ

Bến cũ ngàn năm còn mãi đó
Đò xưa giờ lưu lạc phương nào?
Có nghe tiếng nước chèo khua động
Theo gió trôi về tận chốn nao.

Những kẻ qua đò thời ly loạn
Đâu chắc gì trở lại bến xưa,
Lần đi vĩnh biệt dòng sông cũ
Để nhớ thương biết mấy cho vừa

Hôm nay ta lại về bến cũ
Chẳng thấy đò xưa giữa xứ người
Chỉ thấy bạn bè may mắn sống
Cạn ly buồn uống những xa xôi!

Uống cho say khướt tình huynh đệ
Uống để quên đời một tối nay
Uống nhớ những thằng lang bạt cũ
Gặp nhau rồi dẫu chết cũng say.

Kỷ niệm còn đây trong kỷ ức
Cho dù lưu lạc khắp nơi đâu
Vẫn đem mơ tiếng sa trường gọi
Của một thời bao nổi bể dâu!

Ngồi đây ta nhớ về bến cũ
Nhớ chuyến đò một thuở ta qua
Áo trận giầy sô mòn gót nhỏ
Vẫn theo ta mưa nắng phai nhòa.

Mai nhé hẹn nhau về bến cũ
Dừng lại cờ hát khúc yêu thương
Cho tổ quốc reo vui ngày hội lớn
Mừng đón anh em một thuở lên đường.

LỜI RU CỦA MẸ

Con lớn lên bằng lời ru của mẹ
Ca dao buồn tự thuở có quê hương
Lời hát mẹ ru những gương hào kiệt
Dạy cho con để khôn lớn lên đường

Con lớn lên bằng lúa khoai ngô, sắn
Ngọt bát canh bầu trong vạn yêu thương!
Những ân nghĩa ví “gừng cay muối mặn”!
Dù trăm năm vẫn trọn đạo cang thường

Và đã sống bên hàng cau bụi chuối
Dòng sông bồi đắp từng lớp đất phù sa
Cho cây trái nuôi con thời thơ ấu
Chẳng bao giờ quên được lúc chia xa

Rồi một hôm quê hương bừng lửa dậy
Con lên đường đi khắp chốn nhân gian
Con của mẹ những chàng trai sĩ khí
Vào sa trường chẳng thấy ngại gian nan

Mẹ đã có những thằng đi chống giặc
Chẳng biết đầu hàng trong lúc lâm nguy
Hào khí đó nhờ ngày xưa mẹ dạy
Và dặn dò trước phút tiễn con đi...

Lời mẹ hát ru con thời thơ ấu
Theo vào đời vẫn còn mãi trong ta
Và từ đó khắp nẻo đường trái đất
Vẫn mang dòng hào khí thuở ông cha.

thơ NGUYỄN THANH HUY



LỚN LÊN TRONG MÊ LẦM

(trích từ *Tâm Bất Sinh*)

THIỆN SƯ BANKEI

Thích Nữ Trí Hải dịch



Cái mà mọi người hấp thụ từ nơi cha mẹ chỉ là Tâm Phật bất sinh. Nhưng vì cha mẹ bạn không nhận ra điều ấy, nên bạn cũng bị mê lầm, rồi chính bạn lại trưng bày cái mê lầm này ra khi nuôi dạy con cái bạn. Cả đến vú nuôi và những người giữ trẻ cũng ưa nổi nóng, mọi người quan hệ đến việc nuôi dạy trẻ đều trưng ra mọi kiểu hành xử mê muội, như ngu si, ham muốn ích kỷ, và thói giận dữ của loài tu la (quỷ chiến đấu). Khi lớn lên, bị bủa vây bởi những người si mê như vậy, trẻ em thường phát triển một loạt thói xấu tệ nhất, trở nên rất dễ bị mê muội và biến thành những người không giác ngộ. Lúc ban sơ khi mới sinh, quý vị không có si mê. Nhưng vì những lầm lỗi của những người nuôi dạy bạn, mà một con người vốn ở trong Tâm Phật lại biến thành chúng sinh kém giác ngộ số một. Đây là điều mà tôi chắc chắn tất cả quý vị đều biết với kinh nghiệm bản thân.

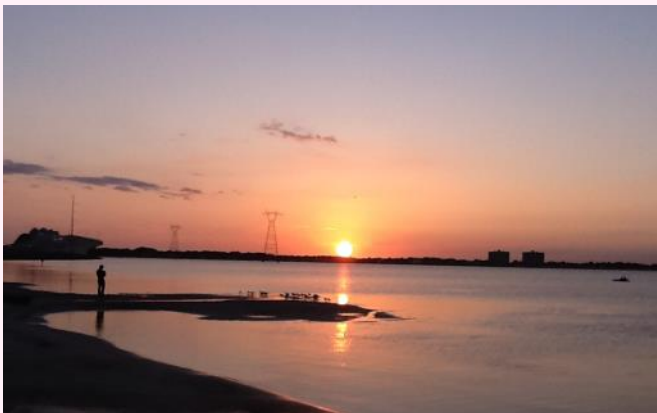
Khi bạn mới sinh, cha mẹ không cho bạn bất cứ mê lầm nào như thói xấu, dục vọng ích kỷ. Nhưng về sau, khi ra giữa đời bạn mới lượm lặt đủ thứ si mê dần dần trở thành những thói hư tật xấu, làm cho bạn không thể không thành ra người mê muội. Cái mà bạn không lượm nhặt từ bên ngoài, chính là Tâm Phật bất sinh, và ở đây không hiện hữu một si mê nào. Vì tâm Phật chiếu sáng một cách kỳ diệu, nên bạn có thể học hỏi đủ thứ, ngay cả những hành vi lầm lạc. Nhưng cũng vì nó chiếu sáng kỳ diệu, mà khi nghe điều này, bạn sẽ quyết định

không si mê nữa, từ đây trở đi sẽ chấm dứt tạo nên mê lầm và sẽ an trú trong Tâm Phật bất sinh. Cũng hệt như khi trước bạn siêng năng tập tành thói si mê, làm cho mình trở thành mê muội thể nào, thì bây giờ bạn cũng sẽ áp dụng chính cái khả năng ấy để lắng nghe và chấm dứt si mê. Đây là điều kỳ diệu về Tâm Phật. Hãy lắng nghe, rồi bạn sẽ thấy sự quý báu của tâm Phật. Khi đã thấy không gì bằng cái Tâm Phật quý báu này, thì dù bạn cố muốn si mê trở lại cũng không thể được!

Chính vì không nhận ra sự quý báu của tâm Phật mà bạn sa vào ngã chấp tạo ra đủ thứ si mê lầm lạc làm hại mình. Tuy thế, những mê vọng ấy đối với bạn lại quý báu đến nỗi tất cả các bạn đều muốn mê, dù có phải vong mạng! Thật điên rồ, phải không? Vì không thể cưỡng lại những thúc bách thấp kém do dục vọng ích kỷ phát sinh, bạn trở thành mê si. Tất cả các mê lầm đều từ đây mà ra cả.

Ai cũng cho rằng cái lỗi hành xử mà họ thích là do bẩm sinh đã vậy, nên không thể nào sửa đổi. Họ không bao giờ nói kỳ thực họ sa vào thói chấp ngã là do dục vọng ích kỷ, cứ bám lấy những thói xấu mà họ ưa thích. Trái lại, họ cố làm ra vẻ thông minh, bảo rằng cái nghiệp bẩm sinh của họ đã vậy. Cái mình không nhận từ cha mẹ mà lại gán cho cha mẹ, đó là đứa con đại bất hiếu. Có ai mới sinh ra đã nghiện rượu, cờ bạc, trộm cướp và có sẵn những thói hư tật xấu không? Không ai cả. Nhưng một khi bạn đã nhấm nháp hơi men, thì sẽ nhanh chóng phát triển thành thói nghiện rượu, rồi vì ham muốn ích kỷ, bạn không thể dừng uống, cũng không nhận ra được mình đã mê lầm. Đó chỉ là sự điên rồ mới bộc phát, bạn không có lý do nào để tuyên bố nó là bẩm sinh để đổ thừa cho cha mẹ!

Khi nghe điều này, tôi mong tất cả quý vị từ nay trở đi hãy an trú trong Tâm Phật Bất sinh, cái tâm mà bạn có từ khi cha mẹ mới sinh. Như vậy, bạn sẽ không tạo những mê lầm về bất cứ gì, và khi không còn mê lầm, thì từ đây bạn sẽ mãi mãi là những vị Phật sống. Không gì rõ ràng trực tiếp hơn thế nữa. Tất cả quý vị cần phải dứt khoát thực chứng điều này.





LỬA SÂN

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Anh chị em Lam viên thân mến,

Có một chị trưởng của một đơn vị Gia đình Phật tử thuật lại cho tôi nghe trong đoàn thiếu nữ của đơn vị có hai em đoàn sinh cá biệt mà khá ngộ nghĩnh:

Một em tên là Toan, đáng người mập mập đi sinh hoạt rất chuyên cần, ngoài việc sinh hoạt tu học còn tham gia tích cực các Phật sự đột xuất của Đoàn. Có điều em này cái ngả mạn khá lớn, hễ ai chạm đến tự ái thì nổi cơn thịnh nộ, la lối om sòm, các bạn trong Đoàn thường gọi là “bịch thuốc nổ.”

Một em tên là Ngầm, sinh hoạt cũng đều đặn lắm, học tập rất tốt, tiếp thu rất nhanh, lại rất sinh động. Khổ nỗi có cái khuyết điểm lớn là cái tính tự cao, cho mình là giỏi, rồi hay châm chọc các bạn khác, chị em trong Chúng phê bình góp ý, không nghe đã đành lại còn nổi giận, mắt cứ “hằm hằm” ngoảnh đi nơi khác. Vì cái tính hay giận dữ này, các bạn gán cho cái biệt danh “đốm lửa.”

Tuy các chị trưởng đã dạy dỗ uốn nắn nhiều lần mà cả hai “tính nết vẫn tấy” chưa sửa đổi được bao nhiêu.

Một hôm, ngoài giờ sinh hoạt trong nhóm các em lại có tiếng xì xầm – tiếng em Ngầm là rõ nhất:

- Đùng đùng vào bịch thuốc nổ, nguy hiểm lắm!

Lại có tiếng quát tháo, đáp lại:

- Bịch thuốc nổ kệ tui, đùng đến làm gì? Quý ngài nói: “Một đốm lửa sân đốt thiêu cả rừng công đức” chứ các ngài có nói “bịch thuốc nổ sân” đâu? (ám chỉ em Ngầm). Bịch thuốc nổ năm yên thì thuốc nổ vẫn là thuốc nổ, có

tác dụng gì đâu? dù vút vào một rừng cây dây lá khô cũng chẳng có tác hại gì, trong khi một đốm lửa bay vào rừng khô lá thì cháy thiêu cả khu rừng.

- Đã là thuốc nổ thì tiềm ẩn sự công phá rất lớn, có khi nổ tung cả một vùng, nếu có nhà cửa lâu đài thì cũng sụp đổ hoàn toàn...

Tôi nghe chị ấy kể, cũng bật cười.

Câu chuyện thực hư không hay, có thể là một câu chuyện vui do chị tự “phịa” ra. Tôi hỏi lại chị: “Chị nghĩ thế nào? Em nào nói đúng?” Chị bảo: “Em nào nói cũng đúng cả.” (có lẽ cũng là nói đùa chăng?)

Tôi thì lấy đùa làm thật: “Đúng là đúng thế nào? Mình là một huynh trưởng GDPT, phải đem giáo pháp ra đối chiếu, điều gì phù hợp với giáo pháp mới gọi là đúng.”

Tôi nói tiếp: “Công đức ở đây, tức là những Phật sự quan trọng đã làm, đã đóng góp, những việc thiện đã tích lũy, v.v... Công đức này là do ta, là chính của ta và dù có lớn lao như cả một khu rừng, chỉ một đốm lửa sân thôi, (đốm lửa này cũng ở trong tâm ta chứ không đâu khác), cả khu rừng công đức ấy cũng bị thiêu trụi. Bịch thuốc nổ cũng thế, nó đang choáng chỗ trong tâm thức của mình, chỉ cần có ngòi khởi động thì nổ tung thôi. Phải làm sao vô hiệu hóa nó đi. “Gắn ngòi khởi động” hay “vô hiệu hóa” cũng do tâm ta mà thôi!

Rừng chưa cháy, thuốc nổ chưa gắn ngòi còn quá kịp mà! Trong giáo pháp có bài kệ về Tứ Chánh Cần: “Một việc ác chưa phát sinh, đừng cho nó phát sinh, nếu đã phát

sinh đừng cho nó nảy nở. Một việc thiện chưa phát sinh, kích thích cho nó phát sinh, một việc thiện đã phát sinh phải làm cho nó tăng trưởng.” Vậy không thể nào nói “kệ tui” và cũng không thể nói là “đừng để vướng vào.” Phải tức thì vô hiệu hóa “bịch thuốc nổ mạn,” phải tức thì dập đi “đốm lửa sân si”! Không có em nào đúng cả.

Các chị trưởng của ngành nữ đơn vị này phải chỉ cho cả hai em thấy được điều đó, hướng dẫn cho hai em “biết nhìn lại mình” và biết cách tự mình chuyển hóa (cần thời gian thực tập, không thể một sớm một chiều). Không có ai chuyển hóa giúp hai em được đâu!

Thưa anh chị em, dù câu chuyện hư hay thật, có thể là một câu chuyện vui chẳng nữa, cũng đáng cho anh em mình tư duy.

Thân ái,
BBT



TA VÀ CỦA TA

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Áo Lam,

Có một anh bạn kia, sau một tai nạn giao thông thân thể bị dập nát nhiều chỗ, may thay chiếc chân gãy nát đã được ghép vào bằng một chiếc chân lành mạnh do một người chết hiến xác. Được đi lại bình thường, anh ta rất vui nhưng mỗi lần nhìn đến cái chân thì anh ta lại thấy rờn rợn vì nghĩ đến người đang nằm dưới mộ.. mà cái chân lại ở đây! Một hôm tự nhiên thấy sợ quá, anh hốt hoảng chạy lên chùa kể cho sư phụ của mình nghe về cảm tưởng dễ sợ trong lòng.

Sư phụ hỏi: "Con cho rằng chỉ có cái chân đó không phải là của con thôi sao? Con hãy xem kỹ lại đi, cái gì trong thân và tâm con là "của con" nào? Ta đợi câu trả lời của con đây!"

Anh ta chợt tỉnh ngộ, nào có cái gì là "của ta" trong thân và tâm này đâu!

Nếu anh bạn này là một Huynh trưởng GDPT thì anh sẽ không lo nghĩ viển vông và sợ hãi vô lối như vậy! Vì anh chị em chúng ta đều học qua ngũ uẩn rồi! Thân tâm này chỉ là một tập thể của 5 thứ hợp lại: Sắc (body, form), Thọ (feelings), Tưởng (perception), Hành (mental formation), Thức (consciousness) — Chúng hợp lại không do lệnh của "ta" và tan rã cũng không theo ý muốn của chúng ta; chúng hợp lại thì chúng ta "có" mà chúng tan rã thì chúng ta "không có" hay "mất" — không do ý muốn của chúng ta — như vậy thì làm sao gọi là "của ta" được?

Chúng ta có thể nhớ lại, khi đức Phật thành đạo, ngài đã nói lên một bài kệ bất hủ — ngài nói với "người làm nhà" nghĩa là người xây nên căn nhà ngũ uẩn, bằng các chất liệu của Vô minh, Ái Dục, Tham Sân, Si, Mạn, Nghi, v.v... Đây là những Phật ngôn đầu tiên khiến cho Trời, Người đều tán thán và cảm phục:

Xuyên qua nhiều kiếp sống trong vòng luân hồi,

Như Lai đi lang thang, đi mãi, đi mãi...

Như Lai mãi đi tìm mà không gặp

Như Lai đi tìm người thợ cất cái nhà này.

Lập đi lập lại đời sống quả thật là phiền muộn

Này hỡi người thợ làm nhà,

Như Lai đã tìm được người

Từ đây người không còn cất nhà cho

Như Lai nữa

**Tất cả sườn nhà đều gãy
Cây đòn dông của người dựng nên
cũng bị phá tan**

**Như Lai đã chứng nghiệm quả Vô Sanh
bất diệt**

Và Như Lai đã tận diệt mọi Ái dục.

Thưa Anh Chị Em,

"Anh thợ cất nhà" này ở đâu? — Chính là ẩn tàng trong mỗi người chúng ta. Đó chính là Ái dục, thành phần cốt lõi làm nền tảng của căn nhà, chính vì Ái dục mà chúng sanh đời đời trôi lăn trong biển Sinh Tử... Cái sườn của căn nhà chính là những tâm bất thiện: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Tà Kiến, Phóng dật, v.v... Cây đòn dông của căn nhà là Vô minh. Đức Phật đã bằng Trí Tuệ phá vỡ được Vô minh nên đã phá sập được căn nhà ngũ uẩn.

Bước đầu, chúng ta hãy tập bỏ thói quen nói và chấp "Ta" và "của ta"... rồi tập quán chiếu từ vật chất đến tinh thần... từng món trong Thân / Tâm để thấy được "vô ngã" ở mặt ngoài, rồi từ từ đi sâu hơn: mỗi chúng ta sẽ tự thấy được không chỉ là con người mà tất cả mọi sự vật, hiện tượng trong đời này đều "vô ngã" như vậy, tất cả đều do nhân, duyên sinh...

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



CÂU KINH NHƯ TIẾNG MẠ RU...

UYÊN NGUYỄN

1.
Hôm nào anh cũng nhả ra cho tôi, than đau!
Vài hôm trước anh lại trở vô cấp cứu. Bệnh tình
xấu hơn!

2.
Suyt!
Tôi hơi cụt hứng một chút, nhưng biết mình sai.
Sau màn cửa lưới, chị nói nhỏ vừa đủ nghe:
"Đừng ồn, để cho anh Quy ngủ. Anh khó ngủ
lắm".

Lúc nào mà anh ngủ được, chị mừng!
Chiều nay tôi gặp cả chị Thủy, em út của anh
từ San Diego lên phụ chị chăm anh buổi sáng.
Chị kéo tôi ngồi xuống sofa kể chuyện bệnh tình
của anh, phần nào nghe được, cảm nhận đau
theo!

Hôm trước anh nhả đang nằm phòng số 20.
Sáng nay nhả lại cho anh không thấy trả lời,
tôi lái xe xuống bệnh viện, mới biết anh về từ
chiều hôm qua.

Ngồi ở phòng khách, tôi nghe vọng từ trong
phòng tiếng thở mệt nhọc của anh, hòa trong
tiếng Kinh phát ra từ chiếc máy CDs chị Thủy
để ở đầu giường.

Tôi nhớ điều anh hay tâm sự, "Ngày xưa Mẹ
anh đọc Kinh, giọng Huế hay lắm!"

Cơn đau của anh nhờ vậy đã dịu đi nhiều trong
tiếng Kinh như lời Mẹ ru, chiều nay...

3.
Không phân biệt hệ phái áo lam nào, bốn năm
trước hai anh em lái xe về thăm trại Tâm Minh,
ngang bãi đất cháy, có cắm một ngọn cờ Phật
Giáo, anh bảo tôi dừng lại chụp cho anh mấy
tấm hình. Anh nói tình thương sẽ làm mát dịu
lại cuộc đời căn cõi này.
Tôi không biết bao giờ thì Tình Lam xanh ngắt
lại. Nhưng hôm lên thăm anh ở bệnh viện, kể
anh nghe buổi họp mặt ở chùa Trúc Lâm vừa
qua, anh mừng... giữa cơn đau!

Uyên Nguyễn

*Huynh trưởng Cấp Tấn Gia Đình Phật Tử Việt
Nam tại Hoa Kỳ, Tâm Nghĩa Ngô Văn Quy -
ảnh: Uyên Nguyễn -->*



SEN NỞ TRÊN ĐẤT MỚI

Đồng Thiện



Đạo Phật có mặt trên thế gian này đã hai mươi lăm thế kỷ. Đạo Phật chứng minh cho loài người thấy đây là một tôn giáo yêu chuộng hòa bình, hết sức tử bi và trí huệ. Suốt thời gian tồn tại của mình, đạo Phật chưa từng gây đau thương cho ai mà ngược lại chăm chút, yêu thương hết cả mọi người, mọi loài kể cả những chúng sanh mà mắt thường chúng ta không thể nhận biết được. Đạo Phật chỉ ra con đường giải thoát, con đường thẳng tiến cho mọi người!



Thế gian vốn vô thường, luôn luôn biến đổi; quá trình sanh-diệt vẫn xảy ra trong từng sát-na. Đạo Phật cũng không thể nằm ngoài quy luật tự nhiên này. Đạo Phật cũng như dòng lịch sử của nhân loại: có lúc thăng, lúc trầm; có lúc phát triển tốt bậc cũng có lúc suy tàn tưởng như đã diệt vong. Nếu gặp thời thịnh trị, đạo đức, nhân luân cao thì đạo Phật cũng huy hoàng; nếu gặp thời mạt vận, con người cuồng sát, vô minh thì đạo Phật cũng suy vi. Vào thế kỷ XI - XIII khi những đạo quân Hồi Giáo tràn vào Ấn Độ thì đạo Phật ở đây con như xoá sổ! Trong khi ấy thì ở Đại Việt ta lại là thời kỳ huy hoàng, rực rỡ của Phật giáo. Nền văn hiến Đông A (Lý - Trần) phát triển cao độ về mọi mặt từ chính trị, văn hoá, kinh tế... Vua, quan, sĩ thứ đều rất mến mộ. Các bậc vương gia - quyền quý xuất gia rất nhiều. Người trong nước tu học rất đông... Đến nỗi sử thần Ngô Sĩ Liên phải thán lên: "Dân trong

nước quá nửa làm sư-sãi" (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* - Ngô Sĩ Liên). Đến thời Lê-Trịnh thì suy vi. Rồi khi người Pháp đô hộ, đạo Phật bấy giờ chỉ như một hiệp hội mà thôi. Nhưng sức sống vẫn tiềm tàng âm ỉ. Những bậc long tượng, tông lâm thạch trụ vẫn kiên cường duy trì giếng mối. Rồi những cuộc chiến tàn khốc làm cho nhiều người ly hương bốn phương trời. Họ ra đi mang theo cả di sản tinh thần, mang theo Đạo Phật đến những vùng đất mới. Người đã thành công trong việc giới thiệu đạo Phật đến với người Âu-Mỹ. Người đã đem lại một tinh thần mới, một sinh khí mới cho Đạo Phật phải nói đến là thiền sư Thích Nhất Hạnh. Có thể nói thế gian này hiện có hai vị tu sĩ Phật giáo nổi danh nhất đó là ngài Dalai Lama và thiền sư Thích Nhất Hạnh. Đạo Phật đã mọc rễ, đã sinh trưởng tốt ở Âu-Mỹ cũng một phần nhờ danh tiếng, phẩm hạnh và trí tuệ của hai ngài. Riêng vùng đất Nam Mỹ vốn là lãnh địa của Thiên Chúa giáo La Mã. Các quốc gia này phần lớn nói tiếng Tây Ban Nha, có vài nước nói tiếng Bồ Đào Nha. Dân cư rất mộ đạo và trung thành với Tòa Thánh Vatican. Họ rất dị ứng khi nghe đến những niềm tin khác với tôn giáo của họ. Họ rất bảo thủ... ấy vậy mà Đạo Phật như một dòng suối mát đã bắt đầu khơi nguồn. Những hạt Bồ Đề đã mọc thành cây. Đạo Phật và giáo pháp đang từng bước chinh phục lòng người bản địa. Những vị tăng - ni người bản địa cùng những vị tăng-ni đến từ Á Châu đang ngày đêm hướng dẫn người hữu duyên tu tập. Ở vùng đất mới này có lẽ thiền là lối tu tập thích hợp nhất, khế cơ khế lý nhất. Nó phù hợp với căn cơ và tánh khí của người nơi đây. Nó



thiết thực và gần gũi nhất là pháp tu "An trú trong hiện tại" mà thiền sư Nhất Hạnh giảng dạy. Kể đến là pháp môn Mật Tông. Nó theo chân những vị tăng Tây Tạng đến đây và phát triển khá mạnh mẽ. Một dòng thiền khác nữa theo truyền thống Nhật Bản cũng được tiếp nhận đầy khởi sắc. Các khóa tu, khóa hội thảo Phật Pháp được tổ chức cho cả người nói tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Tháng Ba năm nay Hội nghị Phật Giáo lần thứ 3 được tổ chức tại Colombia với chủ đề: THE 3st MEETING LATIN-AMERICAN ZEN. Ngoài các vị tăng-ni còn có đông đảo các giáo sư, nhà khoa học, nhà văn, nghệ sĩ và giới truyền thông tham dự. Họ đến từ Mỹ, Mexico, Argentina, Colombia, Brazil... (sử dụng cả ba thứ tiếng: Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha). Đạo Phật thật sự đã và đang hòa vào dòng chảy của miền đất mới mẻ này. Đạo Phật với lòng từ bi, khoan dung và giáo pháp rất khoa học đã và đang thức tỉnh lòng người, đang tưới tắm tâm hồn người. Có thể nhắc những vị tăng ni khá nổi bật hiện nay ở xứ Mỹ Latin này như: Ni sư Por Ven. Damcho, Tỳ kheo Venerable Zempo Oshiro, Venerable Densho Quintero...

Một khóa tu học - hội thảo khác cũng được tiến hành từ 30/4 - 8/5 do ni sư Por Ven. Damcho tổ chức cho người nói tiếng Tây Ban Nha.

Là người con Phật chúng ta hoan hỷ và hạnh phúc biết bao khi thấy thế gian này có thêm những người con quay về nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, nối tiếp sự nghiệp của Như Lai. Phật đã từng dạy: "Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh." Cho nên dù là chủng tộc nào, truyền thống ra sao... một khi bồ đề tâm đã phát thì Phật tánh sẽ hiển lộ. Những đóa hoa sen đã nở và sẽ còn tiếp tục những đóa sen khác sẽ nở trên miền đất mới này!

Georgia, 2016



Ven. Kathy Boggs Havens



TA GẶP LẠI TA!

*Ơ kìa! ta gặp lại ta!
Đến từ nhưng nhớ ,sao ra ngại ngại!
Lãng xa từ thuở không cùng,
Từ vô ảnh quá chấp chùng nổi trôi
Xa từ vô lượng kiếp rồi...
Nhân sanh ảo ảnh thoáng hồi hư vô
Cảm thương lên xuống, ra vào
Hình dung kiều mỹ trắng sao vô ngần
-Mím cười nheo mắt phân vân
Hình hài có vậy, tinh thần vẫn như...
Ngàn xưa là thực là hư,
Mà nay như vẫn... như như... như là!*

VÀNG MÂY LƠ Lửng

*Mây xưa xuôi lững phương nào?
Bạch tơ óng ả nhạt sao đôi thường
Trôi lên điệp khúc vắn vương
Bao năm bắt chợt sáng đường hiện sinh*

*Yếu minh tâm cảnh hữu tình
Trời thanh rợn ánh bình minh nắng đầy
Thoáng buồn chợt giận ngất ngây
Khung trời trăm ảnh bóng mây ảo phù*

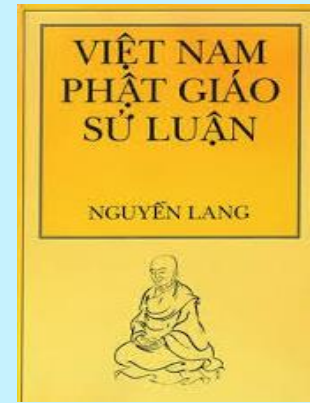
*Nhẹ nhàng tồn tại thiên thu
Lững về hoang đại ngao du chợt thường
Rộn ràng hoa cỏ ánh sương
Vàng mây lơ lửng vũ thường chuyển luân.*

thơ HOA CÁT PHAN VĂN

TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XII - Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 1)

Nguyễn Lang



Kỳ 3 (tiếp theo kỳ trước)

Đính chính: Báo Chánh Pháp số 55 (tháng 06.2016) đã đăng sai tựa đề của Chương XII là “Tuệ Trung Thượng Sĩ” thay vì “Trần Nhân Tông và Thiền Phái Trúc Lâm.” Xin cáo lỗi với tác giả cùng quý độc giả về sự sơ xuất này.

TƯ TƯỢNG THIỀN HỌC (tiếp theo)

Có lẽ tác phẩm hay nhất của Trúc Lâm là tám bài kệ về vấn đề có không:

*Có có không không
Giây khô cây ngã
Thầy tu áo vá
Đau não điên đầu
Có có không không
Thế lộ gió thu
Hằng hà sa số
Gươm nhọn va nhằm
Đao bén chạm phải
Có có không không
Lập tông lập chỉ
Đập ngôi, xoi rùa
Leo núi, lội sông
Có có không không
Chẳng có chẳng không
Ghi dấu mạn thuyền
Sau này tìm kiếm
Xách theo họa đồ
Đi lưng ngựa đẹp
Có có không không
Hoặc có giữ gìn
Hoặc không giữ gìn
Tuyết trên nón lá
Họa trên hài nhung
Ôm cây đợi thỏ
Có có không không
Từ xưa tới nay
Chấp vào ngón tay
Quên mất mặt trăng
Đất bằng chìm xuống*



*Có có không không
Như thế như thế
Tám chữ tháo tung
Không nơi bám víu
Có có không không
Nhìn trái nhìn phải
Tra tra xét xét
Phổ chợ ồn ào
Có có không không
Lo lắng xót thương
Cắt đứt sẵn bìm
Bên đó bên đây
Thảy đều khoái hoạt
(Hữu cú vô cú
Đẳng khô thụ đảo
Kỳ cá nạp tăng
Chàng đầu ký não
Hữu cú vô cú
Thế lộ kim phong
Canh già sa số
Phạm nhãn tương phong
Hữu cú vô cú
Lập tông lập chỉ
Đả ngổa toàn quy
Đẳng sơn thiệp thủy
Hữu cú vô cú
Phi hữu phi vô
Khắc châu cầu kiếm
Sách ký ấn đồ
Hữu cú vô cú
Hộ bất hồi lộ
Lập tuyết hải hoa
Thủ châu đãi thổ
Hữu cú vô cú
Tự cổ tự kim
Chấp chỉ vọng nguyệt
Bình địa lục trầm
Hữu cú vô cú
Như thị như thị
Bất tự đả khai
Toàn vô ba tỵ
Hữu cú vô cú
Cổ tả cổ hữu
A thích thích địa
Náo quát quát địa*

Hữu cú vô cú
Điều điều đất đất
Tài đoạn cát đằng
Bỉ thử khoái hoạt).

Bí quyết của Trúc Lâm là làm cho tâm hồn không vướng bận. Lòng không vướng bận nghĩa là không bị ràng buộc bởi thành bại đắc thất và bởi sự dồn chứa kiến thức. Đạt tới được tâm trạng tự do ấy là đạt tới sự an ổn thật sự; nhân ngã và tham sân không còn lay chuyển được tự thân, và thức tính Kim Cương bắt đầu hiển lộ. Cối Cức Lạc không nên đi tìm tận phương Tây mà chỉ cần tìm ở sự gạn lọc tự tâm. Chính ngay trên chỗ đứng này mà ta phải thực hiện tự tính rạn vỡ của tâm, bởi vì tự tính ấy không khác gì với đức Phật A Di Đà. Trong bài phú chữ Nôm Cư Sĩ Trần Lạc Đạo, Trúc Lâm gọi tâm hồn không vướng bận này là "lòng rỗi"

Miền được lòng rỗi

Chẳng còn phép khác

Rèn tính lặng tĩnh mới hầu an

Dứt niệm vọng niệm đình chẳng thác

Tột trừ nhân ngã, thì ra tướng thực kim cương

Đình hết tham sân, mới lão lòng mẫu viên giác.

Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây Phương.

Di Đà là tịnh lặng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc

Xét thân tâm, luyện tính thức, há rằng mong quả báu phổ khoa

Cầm giới hạn, địch vô thường, nào có sá câu danh bản giác?

"Miền được lòng rỗi, chẳng còn phép khác", chủ trương của Trúc Lâm là chủ trương đình chỉ phiền não trước tiên, phù hợp với truyền thống "ngũ đình tâm quán" của thiền học nguyên thủy. Giáo lý Tịnh Độ lúc bấy giờ đã khá phổ thông, nhưng đối với Trúc Lâm cũng chỉ là một phương cách diễn tả chân lý và phương pháp Thiền học, vốn căn cứ trên nhận thức về chân như và bát nhã của giáo lý đại thừa. Người thực hành Thiền học không cần đi tìm Phật ở Tây Phương, cũng không cần tìm học kinh điển các tông phái.

Biết chân như, tin bát nhã, chớ còn tìm Phật tổ Tây phương;

Chứng thực tướng, ngộ vô vi, nào nhọc hỏi kinh thiên Nam Bắc.

Nếu bài văn tế cá sấu của Nguyễn Thuyên ngày nay không còn, thì bài Cư Sĩ Trần Lạc Đạo Phú và bài Đặc Thù Lâm Tuyền Thành Đạo Ca của Trúc Lâm là hai bài văn biền ngẫu xưa nhất mà ta hiện có. Để có thêm chút ý niệm về văn Nôm của Trúc Lâm, ta hãy đọc thêm đoạn chót của bài *Cư Sĩ Trần Lạc Đạo*:

Cốc một chân không

Dụng đòi căn khí

Nhân lòng ta vướng chặt khôn thông

Há cơ tổ nay còn chỗ bí

Chúng tiểu thừa cốc hay chớ đến

*Bụt xá ngăn bảo sở hóa thành
Đấng thượng sĩ chứng thực mà nên
Ai cậy có sơn lâm thành thị?*

Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi đặt sĩ tiêu dao

Chiều vắng am thanh, chĩnh thực cảnh đạo nhân du hí

Ngựa cao tán cả, Diêm vương nào kể đũa nghề ngang

Gác ngọc lâu vàng, ngực tốt thiếu chi người yêu quý?

Tranh công danh, lòng nhân ngã, thực ấy phàm ngu

Xây đạo đức, đời thâm tâm, định nên thánh trí

Mây ngang mũi dọc, tướng tuy lạ xem ắt bằng nhau

Mặt thánh lòng phàm, thực cách nhẵn vắn vàn thiên lý.

Trừ Đại Hương Hải Ấn Thi Tập, một số ít bài thơ của Trúc Lâm còn được để lại, phần lớn làm trước khi xuất gia. Thơ văn Trúc Lâm lời đẹp và ý siêu thoát. Sau đây là bài văn vua làm trước khi xuất gia.

Bài Lên Núi Bảo Đài:

Cảnh vắng đài thêm cổ

Xuân sang màu chứa hồng

Rợp bóng nẻo hoa trồng

Vạn sự nước xuôi nước

Trăm năm lòng ngó lòng

Tựa lan, nâng sáo thổi

Trắng sáng đây cõi tâm.

(Địa tịch đài du cổ

Thời lai xuân vị thâm

Vân sơn tương viễn cận

Hoa kính bản tình âm

Vạn sự thủy lưu thủy

Bách niên tâm ngữ tâm

Ý lan hoành ngọc địch

Minh nguyệt mãn hung khâm)

Bài Cảnh Xuân:

Liều rữ hoa hồng chìm hát ca

Mây chiều in bóng trước hiên nhà

Khách vào, thế sự không cần hỏi

Chỉ tựa lạn can ngắm cỏ hoa.

(Dương liễu hoa thăm điệu ngữ tri

Họa đường thiền ảnh mộ vân phi



Khách lai bất vấn nhân
gian sự
Chỉ bạng lan can khán
thủy vi)

Bài Thu Muộn Ở Vũ Lâm
(làm trong thời gian vua tập
sự xuất gia ở đây, khi hành
cung Vũ Lâm đã biến thành
chùa Vũ Lâm)

*Bóng cầu đảo ngược lòng
khe suối*

*Một ánh tà dương gợn
nước hồ*

*Núi lặng nghe rơi tờ lá
đỏ*

*Khói sương dìu dặt tiếng
chuông đưa.*

(Họa kiêu đảo ảnh trám
khê hoành

Nhất mặc tà dương thủy
ngoại minh

Tịch tịch thiên sơn, hồng
diệp lạc

Thấp vắn hòa lộ tổng
chung thanh).

Bài Cuối Xuân (viết sau
khi đã xuất gia, ngồi trên bờ
đoàn nhìn mùa xuân qua với tâm trạng bình
thản và thanh thoát).

Niên thiếu chưa từng hiểu sắc, không

Xuân sang hoa sắc vướng tơ lòng

Diện mục xuân nay từng khám phá

Thiên tọa an nhiên ngắm rụng hồng

(Niên thiếu hà tăng liễu sắc, không

Nhất xuân tâm sự bách hoa trung

Như kim khám phá Đông Hoàng diện

Thiên bản bỏ đoàn khán trụ hồng).

NHỮNG NGÀY CUỐI

Như ta đã biết, Trúc Lâm là một nhà lãnh
đạo giáo hội hơn là một tư tưởng gia. Nhưng
vua đã học Phật thấu đáo. Ý thức được rằng
mình còn phải học nhiều nơi các “bậc tuệ
nhân”, Trúc Lâm dù ngồi trên ghế chủ tọa của
các buổi đại tham vấn thường giữ thái độ khiêm
nhường. Thạch Thất Mỹ Ngữ là tập ghi chép
những lời thiền ngữ nói ở am Thạch Thất,
những lời gọi là nói trong lúc ngủ (mỵ, ngữ).
Đứng về phương diện gtc và lãnh đạo giáo hội,
Trúc Lâm đã dẫn thân một cách tích cực và đã
không từ chối bất cứ một cố gắng nào để xây
dựng cho Phật Giáo Trúc Lâm một nền tảng
vững chãi. Năm 1308 là năm sống cuối cùng
của Trúc Lâm. Đó là năm Mậu thân:

Ngày tết: Uy Pháp Loa trú trì chùa Báo ân

Tháng tư: Kết hạ ba tháng tại chùa Vĩnh
Nghiêm, ủy Pháp Loa làm trú trì luân cả chùa
này. Giảng Truyền Đăng Lục cho đại chúng.
Thỉnh quốc sư Đạo Nhất giảng kinh Pháp Hoa.

Tháng bảy: Lên núi Yên Tử, ở am Tử Tiêu,
giảng Truyền Đăng Lục riêng cho Pháp Loa.

Tháng tám; Các thị giả xuống núi hết, chỉ
còn lại đệ tử lớn nhất là Bảo Sát ở lại.



Tháng chín: đi du hành mọi
nơi trên núi Yên Tử, có Bảo
Sát đi theo.

Tháng mười: Chị là Thiên
Thủy công chúa bệnh nặng,
gia đồng lên núi thưa rằng
công chúa muốn thấy mặt
em trước khi nhắm mắt. Trúc
Lâm chống gậy xuống núi,
chỉ có một thị giả theo hầu.
Đi từ mồng năm tới mồng
mười mới tới kinh đô. Thăm
chị xong, ngày rằm lên
đường về núi. Trên đường
ghé nghỉ đêm tại chùa Siêu
Loại. Sáng mai lại lên đường,
đi ngang qua chùa làng Cổ
Châu (chắc là chùa Pháp
Vân) ghé lại chơi, có đề một
bài thơ như sau lên vách.

Số đời một hơi thở

Tình đời hai biển trắng

Cung ma đâu sá kể?

Nước Phật một trời xuân!

(Thế số nhất tức mặc

thời tình lưỡng hải ngân

Ma cung hồn quán thậm

Phật quốc bất thăng xuân).

Ngày 17 nghỉ đêm tại chùa Sùng Nghiêm.
Tuyên Từ hoàng thái hậu thỉnh về am Bình
Dương thọ trai. Trúc Lâm vui và nói: “có lẽ đây
là buổi cúng dường cuối cùng.”

Tam Tổ Thực Lục chép về những ngày cuối
cùng của Trúc Lâm như sau:

“Ngày 18 lại lên đường. Tới chùa Tú Lâm ở
ngọn An Sinh thấy nhứt đầu bảo hai vị tỷ
khưu là Tử Đình và Hoàng Trung rằng: “Tôi
muốn lên đỉnh Ngọa Vân mà sức chân yếu quá,
không thể đi được, bây giờ làm sao?” Hai vị
nói: “Hai chúng tôi xin đỡ ngài đi”. Lên tới đỉnh
Ngọa Vân, Điều Ngự cảm ơn hai vị và nói: Quý
vị xuống núi nhớ lo tu hành, đừng xem chuyện
sinh tử là nhàn hạ”. Ngày 19 bảo thị giả Pháp
Không lên am Tử Tiêu núi Yên Tử gọi Bảo Sát
đến gặp... Ngày 21 Bảo Sát đến nơi. Điều Ngự
trông thấy, cười mà nói: “Ngươi sao đến muộn
thế? Ta sắp đi rồi. Trong Phật Pháp có điều gì
chưa hiểu thì mau hỏi đi”. Bảo Sát nói: “Khi Mã
Tổ Đại sư bệnh, vị viện chủ hỏi: gần đây tôn vị
thế nào? Mã Tổ đáp: Ngày đối diện Phật, đêm
đối diện Phật. Ý ấy thế nào?” Điều Ngự lớn
tiếng: Ngủ đi và Tam Hoàng là vật gì?” Bảo
Sát tiếp: “Hoa nở rộ phô màu gấm, tre phương
Nam gỗ phương Bắc, phải hiểu thế nào?” Điều
Ngự nói: “Mù mắt ngươi đi”. Bảo Sát liền thôi...

Ngày 1 tháng mười một, đúng nửa đêm,
sao sáng đầy trời, Điều Ngự hỏi: bây giờ là giờ
gì? Bảo Sát thưa: giờ Tý. Điều Ngự đưa tay ra
hiệu mở cửa sổ để nhìn ra ngoài. Nói: “Đến giờ
ta đi rồi vậy” Bảo Sát hỏi: “Tôn đức đi đâu bây
giờ?” Điều Ngự nói:

Mọi pháp đều không sinh

Mọi pháp đều không diệt

*Nếu hiểu được như thế
Chư Phật thường hiện tiền
Chẳng đi cũng chẳng lại
(Nhất thiết pháp bất sinh
Nhất thiết pháp bất diệt
Nhược năng như thị giải
Chư Phật thường hiện tiền
Hà khứ lai chi hữu?).*

Bảo Sát hỏi thêm: "Còn khi bất sinh bất diệt thì sao? "Điều ngự khuya tay nói: "Thôi đừng nói mê nữa". Rồi ngồi theo kiểu sư tử tọa mà hóa...

Xá lợi của Điều Ngự được phân làm hai phần... Một phần để vào bảo tháp nơi Đúc Lãng, một phần để ở kim tháp chùa Vân Yên núi Yên Tử.

Sách Tam Tổ Thực Lục, trong các phần nói về Trúc Lâm và Pháp Loa, đã có những đoạn nói tỷ mỉ về các sự kiện lịch sử có ghi ngày tháng và các chi tiết nhỏ nhặt như trong đoạn văn trên. Những tài liệu này rất quý giá và đáng tin cậy hơn những tài liệu trong các bộ sử, bởi vì các sách như Tam Tổ Thực Lục được bảo tồn trong các chùa chiền, trừ những sai lầm trong khi biên chép ít ai dám sửa chữa một chữ. Trái lại các bộ sử thường đã được các sử quan biên tập theo quan điểm mình đồ khi vì thành kiến chính trị và ý thức hệ mà thêm bớt khiến cho nhiều chi tiết bị mất mát hoặc sai lạc.

Trúc Lâm không biết đã có được bao nhiêu đề tử xuất gia đặc pháp. Ta biết Bảo Sát là đệ tử đầu tay rất gần gũi, nhưng Bảo Sát lại không được phó thác nhiệm vụ tổ thứ hai của Trúc Lâm. Có lẽ Bảo Sát không có khiếu như Pháp Loa về mặt duy trì tổ chức giáo hội. Ngoài Bảo Sát và Pháp Loa, ta còn thấy các vị Bảo Phác, Pháp Không, Pháp cổ và Huệ Nghiêm cũng là đệ tử của Trúc Lâm. Ngoài ra, theo Đồ Biếu của Huệ Nghiêm trong sách Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, trong số các đệ tử của Trúc Lâm còn các vị Pháp Tràng, Hương Tràng, Hương Sơn và Mật Tạng.

Nguyễn Lang



ĐỜI TÀN NGÕ HẸP

*"Gối vải mộng phong hầu
Vàng son mờ gác xếp,
Bừng tỉnh mưa còn mau,
Chiều tàn trong ngõ hẹp.*

*Mưa lùa gian gác xếp,
Ngày trắng theo nhau qua.
Lá rơi đầy ngõ hẹp:
Đời hiu hiu xế tà.*

Ôi! ta đã làm chi đời ta ?

Ai đã làm chi lòng ta ?

Cho đời tàn tạ lòng băng giá

Sương mong manh quạnh chớm thu già.

Mãi mê theo sự nghiệp,

Quá trớn, lỡ giàu sang;

Mưa rơi, chiều ngõ hẹp,

Lá vàng bay ngón ngang...

Dù vương nhau mười chiếc lá khô vàng,

Xuân đời chưa hưởng kịp,

Mây mùa thu đã sang.

Giác hồ nghe pháp phôi

Cờ biển nhìn mơ màng,

Đường hoa son phấn đợi,

áo gấm về xanh xang...

Chập chòn kim ốc giai nhân...

Gió lạnh đưa vào,

Khoa danh trên gối rụng tàn theo!

Nao nao đàn sáo phai dần...

Hạnh phúc tàn theo,

Nửa gối thê nhi lá rụng vèo!

Song hồ lơ lửng khép,

Giường chiếu âm hơi mưa;

Chiêm bao mờ thoảng hương thừa,

Tan rồi mộng đẹp,

Ôi thời xưa!

Ta đã làm chi đời ta xưa?

Ta đã dùng chi đời ta chưa?

Thiên thu? ngờ sự nghiệp!

Chiều mưa rồi đêm mưa;

Gió lùa gian gác xếp,

Đời tàn trong ngõ hẹp."

thơ

VŨ HOÀNG CHƯƠNG



Bão giông đã tận một phương này...

HUỆ TRẦN

Thư Tòa Soạn, trên trang 2, Nguyệt san Chánh Pháp, số 55, phát hành tháng 6, năm 2016, không như thư tòa soạn trên những số báo trước.

Cảm nhận chủ quan của tôi như thế.

Đây không phải chỉ là lá thư của vị chủ bút, chia sẻ một điều gì đó với độc giả Phật tử gần xa.

Đây là tiếng khóc, tiếng thét của một người Việt Nam trước những điều linh tột cùng của dân tộc, trước cảnh đất mất, biển mất mà tiếng dân oán than không thấu được tới trời xanh vì đã bị chính anh em cùng một mẹ Âu Cơ, bịt miệng, trói tay, cùm chân để ngoại bang dễ bề thôn tính!

Đây không còn là thời đại của màn nhung, màn sắt mà kẻ quyền uy có thể dùng để che dấu âm mưu, để bẻ cong sự thật. Đây là thời đại mà chỉ cần một nút bấm, toàn thế giới sẽ thấy được những việc tận hang cùng ngõ hẻm, thấy bằng cả âm thanh và hình ảnh.

Thế nên, ai còn quan tâm tới những gì xảy ra trên trái đất này, xảy ra cho loài người, loài vật, cho núi rừng, cho thiên nhiên vạn hữu, v.v..., chỉ cần ngồi trước một bàn phím nhỏ, nhấn nút tìm những gì muốn tìm là sẽ toại ý.

Có lẽ vì thế mà "Thư tòa soạn" với bài thơ "Lưu Vong Khúc" của nhà văn Phật tử Vĩnh Hảo không cần đan cử chi nhiều. Chỉ là đôi nét chấm phá trên đoạn đường khổ nhục hơn bốn thập niên qua, mà ngôn ngữ đã cuộn cuộn bão giông trong lòng những ai còn khắc khoải tiếng gọi của hồn thiêng sông núi!

Dồn dập bao biến chuyển, từ chậm tới nhanh, từ ẩn tới hiện, từ giấu diếm tới công khai, nạn Hán-hóa đang sừng sững trước mắt!

Chỉ cần chút quan tâm, một người bình thường, vào các mạng lưới toàn cầu, đọc một cách khách quan cũng dễ dàng nhận ra ngay, là **nạn Hán-hóa đang sừng sững trước mắt dân tộc Việt Nam!**

Đại đa số dân chúng, tay không tắc sắt, túi không bạc tiền, đã đứng lên trong thế "cùng tất biến" chỉ để đòi hỏi nhân quyền và chủ quyền, nhưng lại bị chính đồng bào mình trong guồng máy nhà nước, đánh đập, giam cầm, thủ tiêu!!!!

Điều nghịch lý này là chi?

Điều nghịch lý này có bật lên tiếng nấc: "Khi bị ngoại bang xâm chiếm, thành phần nào

sẽ gìn nước, giữ nước, khi chính "nhà nước" lại thẳng tay ngăn chặn và đàn áp nhân dân?!

Câu hỏi này, từ nhiều thập niên, đã như những nhát búa liên tục dội vào lương tâm nhân loại – nói chung – và người Việt Nam – nói riêng – (nếu có ai đó còn lương tâm), nhưng câu trả lời thì đang ở đâu?

Trên phương diện thực thể, như đã thưa, ai muốn thấy, muốn biết, sẽ rất dễ thấy, dễ biết. **Mỗi sự việc đều có tiếng nói trung thực của nó**; suy luận ra thế này, thế kia, là quan điểm riêng của mỗi người.

Thử nhìn lại một vài sự việc gần, 15 năm trước thôi, nghĩa là giữa năm 2001, nhà nước CSVN đã tuân hành lời đòi hỏi của quan thầy Trung Cộng, lén lút dâng đất cho chúng! Lén lút, vì chỉ khi ranh giới Ai Nam Quan bị dời sâu vào nội địa Việt Nam với cái tên mới là 'Cây số Zero' thì dân chúng mới biết!

Cây số Zero, cái tên vô hồn lạnh lẽo ấy nằm giữa Ai Nam Quan cũ và Cửa Hữu Nghi mới bấy giờ.

Cây số Zero ấy đã cắt đôi thác Bản Giốc thuộc tỉnh Cao Bằng, từng là thắng cảnh nổi tiếng ở miền Bắc Việt Nam, nay một nửa đã thuộc về Trung Quốc!

Cây số Zero ấy đã cắt hang Pakbo, nơi nhà nước CSVN coi là linh địa, nay ¾ hang Pakbo cũng đã thuộc về Trung Quốc.

Cây số Zero cũng đã phá vỡ lời mẹ ru con ngọt ngào qua hàng nhiều thế kỷ:

"Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh ..."

Chùa Tam Thanh không còn nữa, vì Hồng-quân đã san bằng tỉnh Lạng Sơn năm 1979, khi cần dạy đàn em CSVN một "bài học."

Người dân nào miền Bắc mà lơ đãng lang thang tới những ranh giới đó, khi chợt giật mình bị quất thảo, hỏi giấy tờ, mới ngổ ngàng bỗng thấy mình đang đứng trên... đất Tàu!!!

Đất đã thế, biển thì sao?

Cũng trong thời gian đó, nhà nước CSVN đã khúm núm gửi thư, chấp nhận bản tuyên bố trong đó họ đồng ý vô điều kiện, "nhường" cho Trung Quốc các hải đảo của Việt Nam trên biển Nam Hải và toàn bộ các đảo cách đó 12 hải lý.

Đó có phải là lý do mà ở thời điểm đó Trung Cộng đã dùng "chủ quyền" được đàn em

dâng cúng mà công khai bắn giết các ngư phủ Việt Nam, bất chấp dư luận quốc tế hay không?

Có thống kê nào cho biết bao người đã chết tức tử, bao gia đình đã nát tan, bao thế hệ tiếp nối đã bị vùi dập?!

Chỉ thí dụ một khoảng thời gian gần, là 15 năm thôi, mà nay đã hoàn toàn khác! Kẻ dưng không cần lén lút!. Kẻ nhận cũng không cần thì thầm! Những đổi chác giữa những lòng tham vô đáy chẳng cần dấu diếm nữa (có lẽ biết rằng dấu cũng chẳng được!) nên ngày nay biển công khai bị lấn, đất công khai bị chiếm, dân đứng lên đòi “biển sạch, nhà nước sạch”, thì bị nhà nước công khai đánh đập ...

Ngược dòng lịch sử, không thời hoạn nạn nào mà Phật Giáo không đứng bên dân tộc để che chở và gánh chịu chung khổ nhục. Lời Đức Cổ Tăng Thống, Đại Lão Hòa Thượng Huyền Quang gửi Hòa Thượng Quảng Độ khi nhà nước CSVN ngăn chặn không cho phái đoàn Chư Tôn Đức Tăng Ni từ Sài Gòn và Huế, vào Bình Định chúc tuế Ngài, như truyền thống sau mỗi mùa An Cư Kiết Hạ, vẫn còn âm vang những âm thanh làm nức lòng bao Phật tử: “... Chánh quyền nào cũng nói muôn năm, nhưng có chánh quyền nào muôn năm đâu! Phật Giáo không nói muôn năm nhưng Phật Giáo đã mấy ngàn năm rồi...”

Ài vào chùa cũng thấy ngay câu “Duy tuệ thị nghiệp” vì Đạo Phật luôn nhắc nhở trí tuệ là điều quan trọng. Phải có trí tuệ mới nhìn thấy vô minh, và có nhìn thấy vô minh mới muốn vượt thoát.

Suốt chiều dài lịch sử, những kẻ cường chiếm, muốn thống trị dân tộc Việt Nam hẳn biết điều đó, nên việc tiên quyết là áp dụng chính sách ngu dân. Khi đô hộ nước Nam, Bắc phương đã bao lần đốt sách, giam cầm, giết hại sỹ phu để hủy diệt mầm mống cách mạng, vì chúng biết rằng thực lực cách mạng là đủ thành phần đại chúng, nhưng đầu não hướng dẫn phải là thành phần trí tuệ.

Nhìn xa, thời Lý, Lê, Trần, biết bao vị Thiền sư đã xả thân góp phần cứu nước, độ dân. Như dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, suốt hơn mười đời đã không ngừng chảy chung dòng sinh mệnh với dân tộc, để chuyển hóa suy thành thịnh; như sư Định Không, sư Thông Thiện đã tạo được niềm tự tin cho dân chúng trong suốt trạng huống bị thương của dân tộc; như sư Vạn Hạnh đã góp phần quan trọng dựng nên triều Lý với vị vua chứa chan tâm đạo Lý Công Uẩn, giữa khúc quanh cực kỳ nguy hiểm của quê hương, dân tộc trước nanh vuốt Bắc phương!

Nhìn gần, sau 1975 tới nay, biết bao Chư Tôn Đức Tăng Ni đã ngồi tù vì chúng sanh bị ức hiếp; đã bị bức tử vì chúng sanh bị tước đoạt tự do; đã bị chà đạp nhân phẩm vì chúng sanh không còn nhân quyền!

Những dữ kiện lịch sử vẫn tràn ngập trên

mạng lưới toàn cầu. Xin chỉ giở lại một trang ngắn, có kháng thư của một vị Thượng Tọa gửi Tổng Bí Thư đảng CSVN khi Ngài từ chối ký vào bản nhận tội, để được ân xá: “... Ở đây, tôi đặt tất cả sinh mạng và phẩm giá của một con người, vốn không có bất cứ phương tiện tự vệ nào, không có bất cứ sự bảo vệ nào của pháp luật, ngoài nhục hình và sự chết trong bàn tay sắt của bạo lực chuyên chính. Tôi chấp nhận sự chết cũng như nhiều con người đáng kính và đáng phục khác đã chấp nhận, và đã chết để cho lương tri và lý trí của người Việt Nam còn tồn tại trong ý nghĩa cao đẹp nhất của dân tộc ...” (*)

Trước bao gương Bồ Tát vào đời, người muốn chối bỏ - dù người đó trong đạo hay ngoài đời - thường dùng ngôn ngữ vong thân mà lắt đầu: “Tôi không làm chính trị!”

Hỡi ơi! Khi quý vị chọn không gian, chọn môi trường để được yên ổn **đã là chọn một thái độ chính trị rồi**, vì nếu không, thì nơi nào chẳng là đạo tràng! “*Làm trang nghiêm cõi Phật, tức trang nghiêm cõi người.*”

Xưa, Đức Thế Tôn đã mang trí tuệ và lòng từ bi mà thực hiện cuộc cách mạng lớn lao. Đó là cuộc cách mạng san bằng chế độ giai cấp và kỳ thị phụ nữ, từng bám rễ chẳng chặt trong xã hội Ấn Độ đầy phức tạp và bất công thời đó.

Khi chấp nhận người hớt tóc, người gánh phân, người phụ nữ được gia nhập Tăng đoàn - thành phần mà từ vua quan tới dân chúng đều sùng kính - thì Đức Thế Tôn đã làm chính trị hay chỉ cần thể hiện THÁI ĐỘ CHÍNH TRỊ khi đích thân lãnh đạo cuộc cách mạng này qua Giáo Pháp từ bi?

Xin ngưng. Và xin ghi lại đôi dòng “Lưu Vong Khúc” của nhà văn Phật tử Vĩnh Hào, khi tựa bài viết này đã là một câu trong đó:

*“... Biển rộng không dung được cá,
Thì đất này chứa chấp những ai!
... Hỡi anh chị em, hãy tự hỏi
Còn lối thoát nào cho chúng ta?
Cây nghiêng bờ đông, cành gãy bờ tây
Bão giông đã tận một phương này
Biển mất, đất mất, ta còn gì để mất! ...”*

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất -
Tháng Hạ, năm Bính Thân)

(*) Trích **Giác thư** đề ngày 03.6.2001 của “công dân Tuệ Sỹ” gửi ông Nông Đức Mạnh, Tổng Bí Thư Đảng CSVN.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ VI

Tại Hilton Orange County / Costa Mesa, 3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626, USA
Thứ Năm 21 tháng 7 đến Chủ Nhật 24 tháng 7 năm 2016

THƯ MỜI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính gửi: Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử và Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử,

Được sự chỉ dạy của Chư Tôn Đức trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, Ni Chúng chúng tôi nhận lãnh trách nhiệm tổ chức Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần thứ VI. Chúng tôi vừa lo lắng, vừa hoan hỷ vì được sự khuyến khích, thăm hỏi và ủng hộ từ Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý Thiện Nam Tín Nữ trong mấy tháng qua. Với sự đồng tâm hiệp lực của Tăng Ni và Phật tử, chúng tôi tin rằng Khóa Tu Học Phật Pháp này rất cần thiết cho Phật tử tại gia và xuất gia. Sự tu học nói lên sức mạnh của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và phát huy ánh sáng trí tuệ do pháp học và pháp hành song song. Trong niềm vui của giáo pháp, chúng tôi trong Ban Tổ Chức kính mời Quý Thiện Nam Tín Nữ và các anh chị em đoàn sinh gia đình Phật tử để dành thì giờ về tham dự khóa tu học.

Thời gian: **Từ ngày Thứ Năm 21 đến ngày Chủ Nhật 24 tháng 7 năm 2016**

Địa điểm: **Khách Sạn HILTON ORANGE COUNTY / COSTA MESA,
3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626. T: (714) 540-7000 / D: (714) 513-4993.**

Nhận đơn ghi danh từ ngày 12 tháng 12, 2015 tới ngày 12 tháng 6, 2016.

Đề trang trải chi phí phòng ở tại khách sạn và các thứ cần thiết cho khóa tu học, mỗi học viên hoan hỷ đóng **\$300.00**. Trong gia đình đi hai người trở lên, người thứ nhất \$300.00, mỗi người sau **\$200.00**. Trẻ em dưới 12 tuổi, đóng **\$150.00**.

Vui lòng tải xuống phiếu ghi danh tại blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> để điền và gửi cho chúng tôi đến một trong các địa điểm sau:

- Chùa An Lạc, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 - (317) 545-1234
- Tu Viện Huyền Không, 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - (408) 824-5696
- Tu Viện Lam Viên, 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - (832) 328-7825
- Chùa Quang Minh, 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233 - (303) 350-7252

Thành tâm cầu chúc Quý Thiện nam Tín nữ Phật tử sức khỏe dồi dào, thân tâm an lạc và hoan hỷ ghi danh tham dự khóa Tu Học.

TM. Ban Tổ Chức
Tỳ Kheo Ni Giới Châu
Tỳ kheo Ni Nguyên

* Vui lòng ghé thăm blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> để biết chi tiết về khóa tu.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ VI

Tại Hilton Orange County / Costa Mesa, 3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626, USA
Thứ Năm 21 tháng 7 đến Chủ Nhật 24 tháng 7 năm 2016

PHIẾU GHI DANH

(dành cho quý vị Phật Tử)

Địa chỉ: _____ Thành Phố: _____
Tiểu bang: _____ Zip Code: _____ Quốc gia: _____
Email: _____
Home Phone: _____ Cell Phone: _____
Liên lạc trong trường hợp khẩn cấp: _____ Điện thoại: _____

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI GHI DANH

STT	HỌ VÀ TÊN	PHÁP DANH	NAM/NỮ	TUỔI	LỆ PHÍ
1					
2					
3					
4					
5					
TỔNG CỘNG					

* Lệ phí Khách sạn trong suốt khóa tu; người thứ nhất \$300, những người kế tiếp trong gia đình \$200, trẻ em dưới 12 tuổi \$150. | Chi phiếu xin ghi: **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ.**

*Phương tiện di chuyển:

- Tự túc ☐

- Đưa đón tại sân bay (miễn phí): ☐ Los Angeles - LAX (cách vị trí Khóa tu 50 phút xe ô tô)
☐ John Wayne - SNA (cách vị trí Khóa tu 10 phút xe ô tô)

▪ Ngày giờ đến: _____ Chuyến bay: _____ Hãng bay: _____

▪ Ngày giờ đi: _____ Chuyến bay: _____ Hãng bay: _____

*Check-out khách sạn: ☐ 07:00 PM ngày Chủ Nhật (24/7/2016) ☐ 09:00 AM ngày Thứ Hai (25/7/2016)

....., ngày tháng Năm 20...

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký và ghi rõ họ tên)

Vui lòng tải xuống phiếu ghi danh tại blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> để điền và gửi cho chúng tôi đến một trong các địa điểm sau:

- Chùa An Lạc, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 - (317) 545-1234
- Tu Viện Huyền Không, 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - (408) 824-5696
- Tu Viện Lam Viên, 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - (832) 328-7825
- Chùa Quang Minh, 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233 - (303) 350-7252



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ VI

Tại Hilton Orange County / Costa Mesa, 3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626, USA
Thứ Năm 21 tháng 7 đến Chủ Nhật 24 tháng 7 năm 2016

PHIẾU GHI DANH

(Dành cho quý vị Tăng Ni)

Đơn vị Chùa: _____
Địa chỉ: _____ Thành Phố: _____
Tiểu bang: _____ Zip Code: _____ Quốc gia: _____
Email: _____
Home Phone: _____ Cell Phone: _____
Liên lạc trong trường hợp khẩn cấp: _____ Điện thoại: _____

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI GHI DANH

STT	PHẨM VỊ	ĐẠO HIỆU	THẺ DANH
1			
2			
3			
4			
5			
6			

* Phẩm vị bao gồm: Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Sư Bà, Ni Sư, Sư Cô, Thức Xoa, Sa Di và Sa Di Ni. Thẻ Danh là tên trên ID để check-in phòng khách sạn.

***Phương tiện đi chuyển:**

- Tự túc ☐

- Đưa đón tại sân bay:

☐ Los Angeles (cách vị trí Khóa tu 50 phút xe ô tô)

☐ John Wayne (cách vị trí Khóa tu 10 phút xe ô tô)

▪ Ngày giờ đến: _____ Chuyến bay: _____ Hãng bay: _____

▪ Ngày giờ đi: _____ Chuyến bay: _____ Hãng bay: _____

* **Check-out khách sạn:** ☐ 07:00 PM ngày Chủ Nhật (24/7/2016) ☐ 09:00 AM ngày Thứ Hai (25/7/2016)

_____, ngàytháng Năm 20...

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký và ghi rõ họ tên)

Vui lòng tải xuống phiếu ghi danh tại blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> để điền và gửi cho chúng tôi đến một trong các địa điểm sau:

- Chùa An Lạc, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 - (317) 545-1234
- Tu Viện Huyền Không, 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - (408) 824-5696
- Tu Viện Lam Viên, 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - (832) 328-7825
- Chùa Quang Minh, 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233 - (303) 350-7252

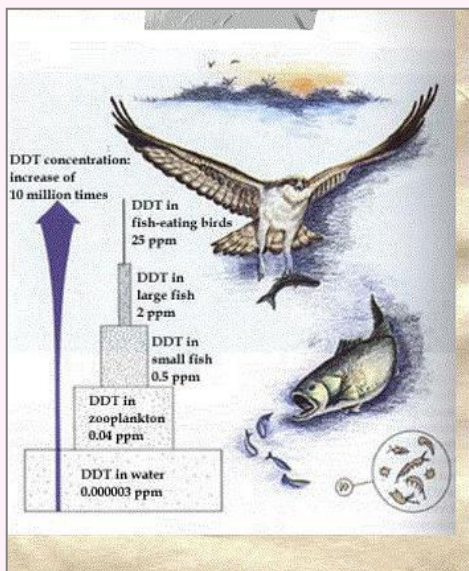
MỘT LÀ TẤT CẢ - XIN ĐỪNG LẶNG CÂM

Đỗ Đức

(Tác giả hiện đang làm nghiên cứu về Bảo vệ Môi trường ở UGent, Vương quốc Bỉ)

Tôi viết bài này cũng như một bài trước đây (1) với mục đích ban đầu cho những ai không có chuyên môn về khoa học liên quan đến sự sống (ví dụ: *môi trường, thủy sản, công nghệ thực phẩm...*) có thêm thông tin khoa học cơ bản liên quan đến thảm họa môi trường Quốc gia Miền Trung. Phần tiếp theo, tôi trình bày sơ lược quá trình nhiễm độc trong môi trường ở nước Mỹ trước đây liên quan đến một loại *thuốc trừ sâu (insecticide)*, qua đó liên hệ với thảm họa Cá chết ở VN, rồi dẫn đến phần cuối là ý kiến cá nhân tôi trong việc tìm ra một lỗi ra sau thảm họa sau khi phân tích và thảo luận và liên hệ đến sự *tuyệt thực* của một người con Việt.

Chim chết hoặc Chim non biến mất ở nước Mỹ những năm 196X là chủ đề chính trong tác phẩm *Silent Spring / Mùa Xuân Lặng Câm*, cuốn Kinh Thánh về bảo vệ môi sinh, được viết bởi nhà khoa học *Rachel Carson* (2). Hình ảnh sau giải thích vì sao xảy ra hiện tượng bất thường này (3).



Quá trình tăng nồng độ DDT trong chuỗi thức ăn (3)

Nồng độ **DDT** (một loại thuốc trừ sâu) có trong nước (water) khởi thủy rất nhỏ chỉ **0.000003 ppm** (part per milion ký hiệu cho một loại nồng độ trong khoa học, đọc là một phần triệu). Tuy vậy, trong *động vật phù du*

(*zooplankton*) đã là **0.04 ppm**. Đến chuỗi thức ăn thứ hai tức loại cá bé (*small fish*) chúng ăn *động vật phù du*, loại cá này đã có trong cơ thể nồng độ **0.5 ppm**. Cứ tiếp diễn như vậy theo quy luật cá lớn hơn nuốt cá bé, rồi *Chim săn cá (fish-eating birds)* ăn phải cá lớn hơn chút xíu đó, thì chỉ sau đúng **bốn lần** trong vòng "*luân hồi*" của chuỗi thức ăn, nồng độ **DDT** có trong *Chim săn cá* đã là **25 ppm**. Lấy nồng độ cuối cùng này, chia cho nồng độ rất nhỏ trong nước lúc ban đầu, tương ứng với điểm đầu và cuối của mũi tên, sẽ ra con số gần **10 triệu** lần tăng lên về nồng độ (the increase of 10 million times).

Mười triệu lần tăng lên về nồng độ **DDT** trong cơ thể *Chim săn cá* so với nồng độ **DDT** khởi thủy trong nước lúc ban đầu dẫn đến hậu quả gì? Như đã nói một phần trong (2,3), loài *Chim ăn cá* nhiễm độc có thể chết. Nếu chưa chết luôn chúng vẫn còn khả năng đẻ trứng. Nhưng trứng chim đẻ ra có biến dạng và quan trọng nhất trứng chim không thể nở được thành chim non! Nên Mùa Xuân những năm 196X ở một vùng quê thanh bình trù phú của nước Mỹ đã đến mà lạ kỳ khi **Rachel Carson** quan sát được là đã vắng lặng tiếng Chim hót như lệ thường. Thế nên mới có tựa đề cho cuốn sách Kinh điển về bảo vệ Môi sinh *Mùa Xuân Lặng Câm* như đã trình bày.

Đó là chuyện của nước Mỹ xa xôi cách đây khoảng 60 năm! Đối mặt với VN hiện giờ là *Cá chết* ở Miền trung sau gần hai tháng. Tôi suy đoán nó là vấn đề rất đau đầu, không dễ dàng có được đáp án hoàn hảo trong một sớm một chiều vì Môi trường sẽ liên quan trực tiếp đến Kinh tế (chọn Cá hay chọn Thép), Sức khỏe cộng đồng, rồi Kinh tế ắt sẽ là Chính trị, vv và vv. Mà Chính trị xứ An Nam ta thì từ xưa đến giờ là *không minh bạch*.

Không minh bạch nên chỉ biết *dự đoán*, mà *dự đoán* thì thường là kém chính xác hơn cả *dự báo* thời tiết ở những nơi có công nghệ lạc hậu! Nhưng tôi xa xứ cũng biết làm gì hơn ngoài *dự đoán*? Nếu các bài viết trong (4,5,6) chỉ một phần là sự thật thì hiện tượng gần đây Cá Voi chết dạt vào biển VN cũng không có gì khó hiểu (7) khi ta liên hệ với giải thích cho **10 triệu lần** tăng lên về nồng độ của độc chất **DDT** với *Chim săn cá* tức chúng chỉ ăn cá nhỏ. Ngoài ra,

dựa vào câu chuyện nước Mỹ liên quan đến DDT nói trên ta có thể suy luận được Cá chết hàng loạt, kéo dài, trong một phạm vi rộng là do một tác nhân khủng khiếp: một loại **"DDT đời mới nhất"** mãi vẫn chưa được công bố! Có lẽ thủ phạm liên quan đến kim loại nặng.

Không minh bạch là một trong những hậu quả tai hại khi không dám *"nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật"*. Nó sẽ dẫn đến một hệ lụy vô cùng tai hại khác nữa là khi **Chính quyền nói thật Dân** lại cũng vẫn không tin! Chẳng khác nào vì nghèo đói nên đẻ nhiều con, rồi do đẻ nhiều lại dẫn tới không được học hành nên con cái lại tiếp tục đói nghèo! Một vòng tròn luẩn quẩn, gây nguy hại cho toàn xã hội. Bởi vậy cách đây một tháng tôi đã làm một *băng rôn* trên Facebook: *Mùa Xuân Lặng Câm ở Mỹ; Mùa Hè có lặng câm ở VN? Silent Spring in US; Silent Summer in VN?*

Cách đây khoảng một tuần *"Cá Việt Nam đến Köln"*, Đức (8). Theo tin đã đưa nhờ sáng kiến bất ngờ của các bạn trẻ vùng Köln-Bonn-Siegburg nên chỉ trong vòng 3 giờ nhóm đã thu thập được gần 70 chữ ký tươi gửi kèm theo kiến nghị đến các tổ chức môi trường quốc tế và chính phủ VN. Quá trình thu nhận chữ ký vẫn đang tiếp tục. Họ đã kiến nghị với chính phủ VN rằng: *"...bên cạnh các đòi hỏi về mau chóng tìm ra nguyên nhân thảm họa, công khai thông tin cho nhân dân và khẩn trương khắc phục hậu quả, giúp đỡ ngư dân còn có yêu cầu tận dụng sức mạnh của toàn dân, của các tổ chức xã hội dân sự trong bảo vệ môi trường"*.

Tương tự, cuối tuần này hàng trăm người VN mang theo những biểu ngữ như *"Cá chết, nước mắm hết"*, *"Cá cần nước sạch, dân cần minh bạch"* ở Tokyo để thể hiện yêu cầu làm rõ nguyên nhân thảm họa cá chết tại quê nhà (9). Người Việt ở Tokyo còn chỉ rõ: *"Cho đến nay, chính phủ VN vẫn chưa đưa ra một thông cáo chính thức nào về nguyên nhân, về cách khắc phục, về cách phòng ngừa, chưa cho thấy sự quan tâm nghiêm túc đến nguồn nước cho dân, đến môi trường, đến sức khỏe người dân"*.

Tôi hoàn toàn tán đồng những kiến nghị và chỉ trích ôn hòa đó nhất là khi đã gần hai tháng trôi qua sau khi thảm họa bắt đầu. Quan trọng hơn theo tôi *bất luận nguyên nhân Cá chết là gì, dàn lãnh đạo cao cấp nhất của các Bộ liên quan trực tiếp như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế* nên nhanh chóng từ chức.

Đề nghị quý vị hãy từ chức!

Nếu dừng ở lời kêu gọi lãnh đạo các Bộ từ chức **có lẽ** cũng chỉ là lý luận thế gian tức vẫn chưa là con đường tốt đẹp nhất theo những *báu vật* của **Cha Ông** chúng ta đã để lại. Chẳng hạn, ta thử cùng nhau nương theo một lời dạy trong *Kinh Phật* : **"tất cả là một, một là tất cả"** (10). Xin đề nghị bạn hãy đọc câu

chuyện cảm động khác (11) về hòa hợp và hòa giải thực sự để có thể hiểu câu trích dẫn trong bài phát biểu sẽ đi lịch sử của Tổng thống **Obama** tại Hà Nội : *"Chỉ có những đối thoại chân thành mới làm cho cả hai bên sẵn sàng thay đổi / In true dialogue both sides are willing to change."* Nhưng tôi nghĩ dù ai đó có giỏi tiếng Anh đến đâu cũng không hiểu sâu xa câu trích dẫn này của Tổng thống Mỹ nếu không đọc, suy ngẫm và áp dụng trong cuộc sống hàng ngày các lời chỉ dẫn, tôi coi như *đạo đức văn minh hiện đại*, dựa trên các loại sách của tác giả đã được mền chuộng và dịch sang nhiều ngôn ngữ trong thế giới văn minh.

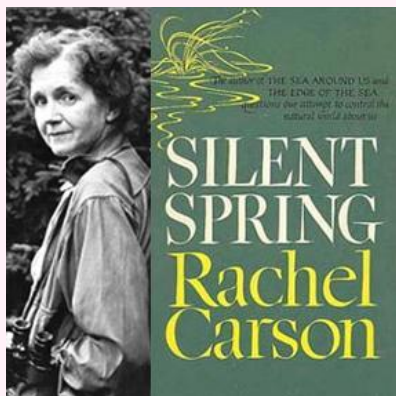
Vì những trải nghiệm của bản thân như vậy, tôi một người làm nghiên cứu về Bảo vệ Môi trường ở Tây Âu, một Phật tử đồng thời là người yêu và kính Chúa vô biên, cho rằng *hòa hợp và hòa giải thực sự* chỉ có thể xảy ra khi chúng ta được đọc những cuốn sách hay nhất về *Bảo vệ Môi sinh, Phát triển Bền vững* và đồng thời là sách hướng dẫn độc giả có thể tự mình chuyển hóa theo lối sống có đầy trách nhiệm hơn theo *đạo đức văn minh hiện đại*. Những cuốn sách tuyệt luân mà hầu hết là miễn phí cho người Việt lại được viết bởi tim và óc của một người mang dòng máu Việt (10, 11). Nương theo đó và biết cách vận dụng một cách khôn ngoan thì mới mong Cá chết sẽ hồi sinh, tất cả các bên đều là người chiến thắng, VN khắp Trung Nam Bắc sẽ nở đẹp như đóa hoa Sen.

Tóm lại, nếu ai cũng hiểu sâu sắc câu nói về hòa hợp hòa giải của người mang dòng máu VN được trích dẫn ở trên, cũng hiểu lý *tương tức* (inter-being) hay nói giản dị là nhìn một tờ giấy trắng thấy cả mặt trời, không khí, đất, nước, nhựa cây, hoa lá. Nhìn một tờ giấy trắng thấy những cơn mưa axit do sự tham lam ích kỷ của con người gây ra. Nhìn một tờ giấy trắng thấy cả một khu rừng nguyên sinh ở VN hay Braxin hay Châu Phi đã bị đốn hạ. Nhìn một tờ giấy trắng thấy cả vũ trụ bao la. Nếu ai cũng hiểu như vậy rồi thực hành trong lối sống cách nghĩ hàng ngày sẽ dễ dàng *tạo ra / chế tác* trong mình lòng **Tử Bi** tức yêu thương mọi người và mọi loài như yêu chính bản thân mình. Bệnh **Quý** cần thuốc **Tiên**. Lòng **Tử Bi** đó chính là thuốc **Tiên** thuốc **Bụt** cho bệnh **Quý** tức thảm họa môi trường quốc gia ở VN. Vâng xin bạn đừng quên một câu *Kinh Hoa Nghiêm*: **"một là tất cả, tất cả là một."**

Như đã nói lúc đầu, kiệt tác *Mùa Xuân Lặng Câm* của **Rachel Carson** chính là *Kinh Thánh* trong việc bảo vệ môi sinh. Bà đã một mình đứng lên, nói từ tim và óc chính kiến của mình bằng một cuốn sách đầy chất thơ mà là khoa học được chuẩn bị ròng rã hơn bốn năm, chỉ để bảo vệ *"ruồi nhặng và côn trùng"*. Đây là cuộc chiến quá gian nan của một phụ nữ có một trái tim *Đại Từ Đại Bi Đại Trí Đại Dũng*: **một mình** dám chống lại **các trùm Tư bản**

Mỹ từ các đế chế sản xuất hóa chất và thuốc trừ sâu. Bà cả gan đối đá vạ trời! Nhưng **Rachel Carson** đã chiến thắng vinh quang, có công đầu trong việc cứu thiên nhiên tươi đẹp như mơ của Mỹ, đặt nền tảng cho **Luật Môi Trường** và soi sáng phần còn lại của thế gian. Bởi vậy, **Rachel Carson** đã được bao thế hệ tôn vinh như **Thánh** tiên phong trong lĩnh vực bảo vệ môi sinh.

Xin mượn lời của **Rachel Carson** khi bà viết cho một người bạn thân trong lời mở đầu của cuốn **Kinh Thánh** nói trên: "Sẽ không có an bình trong lòng tôi, nếu tôi cứ lặng câm / *There would be no peace for me, if I kept silent.*" **Nguyện cầu rằng mỗi người chúng ta cũng không lặng câm!**



Để biết không lặng câm với "ruồi nhặng và côn trùng" ở Mỹ như **Rachel Carson** trong Mùa Xuân năm xưa hay với "con cá và cái tôm" ở VN như chúng ta trong Mùa Hè năm nay, thì trước hết chúng ta đừng lặng câm với mạng sống một người

đã qua *bảy năm* trong ngục tù và giờ này đang bước vào cuộc đấu tranh cuối cùng bằng tuyệt thực: **Trần Huỳnh Duy Thức**.

Một Là Tất Cả - Xin Đừng Lặng Câm!

Ghi chú:

1. Dân Luận. Cá chết và Phát triển Bền vững <https://www.danluan.org/tin-tuc/201...>
2. Lời cảm ơn và xin đừng lặng câm <https://www.facebook.com/permalink....>
3. DDT in food chains <http://maxsb.edu.glogster.com/ddt-i...>
4. <http://thanhvien.vn/thoi-su/lay-mau...>
5. <https://www.facebook.com/hoang.binh...>
6. Nước biển vùng cá chết bị nhiễm kim loại nặng <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuo...>
7. Cá voi khủng chết dạt bờ biển Nghệ An <http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/307...>
8. Một số hình ảnh ngày "Cá Việt Nam đến Köln" 22.05.2016 <https://www.facebook.com/tho.nguyen...>
9. BBC Tiếng Việt <https://www.facebook.com/BBCVietnam...>
10. Dân Luận. Thích tổn máu hay tổn mực? <https://www.danluan.org/tin-tuc/201...>
11. Nghe Tổng Thống Mỹ Obama Nói Chuyện Nhớ Về Thiên Sư Người Việt Thích Nhất Hạnh <http://thuvienhoasen.org/a25333/nghe...>



BỀN NỢ BỜ KIA

*Nếu không có ban đêm
Thì ngày sao có mặt?
Nếu không có thất chat
Nói lỏng tựa vào đâu?*

*Nếu chẳng có điểm đầu
Làm sao có điểm cuối?
Nếu trần gian không tội
Sám hối chẳng ích gì!*

*Nếu không bước chân đi
Thì lấy đâu đứng lại?
Kiếp người không ngang trái
Hạnh phúc chẳng ai cần!*

*Nếu không có huyền thân
Dựa vào đâu giấc ngộ?
Nếu trời không bão tố
Biển lặng cũng vô hồn.*

*Nếu chẳng có hoàng hôn
Bình minh không giá trị
Thắc mắc làm gì nhĩ
Bền nợ với bờ kia!?*

*Sáng lên đòi ngắm hoa
Chiều ra sông hóng gió
Tôi nằm trên cọng cỏ
Ta ngắm nhìn trăng lên!*

thơ **Hàn Long Ân**

Soi gương không thấy bóng mình

HẠNH CHI

Phòng mờ tối. Chỉ có ánh trắng xanh chiếu qua khung cửa sổ, vẽ những vệt sáng trên nền gạch đá hoa. Hương thơm nhẹ, thoảng từ chậu lan tím trên mặt bàn, như quện vào trắng. Chắc thế! Vì hành giả đang tọa thiền trước bàn Phật cũng cảm thấy trắng thơm nồng nguyệt quế.

Hành giả tọa thiền đã lâu. Hình như khá lâu, từ lúc nắng chiều chưa tắt. Ngồi như thế để tìm gì? Hành giả há chẳng từng nghe giai thoại khi Đức Thế Tôn truyền ngài Xá Lợi Phất đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật thì vị đại trí, trong mười đại đệ tử của Đức Phật, đã từ chối mà thưa rằng: *"Bạch Đức Thế Tôn, con không đủ khả năng đi thăm bệnh ông ấy, vì có lần con đang ngồi tĩnh niệm trong rừng, Duy Ma Cật đi ngang, dừng lại, bảo con rằng, bắt tất phải ngồi như vậy mới là tĩnh niệm. Không hiện thân và ý ở trong ba cõi, ấy mới là tĩnh tọa. Hiện các oai nghi mà vẫn không xuất khỏi diệt tận định, ấy mới là tĩnh tọa. Hiện thân làm các việc phàm phu mà không xả Đạo Pháp, ấy mới là tĩnh tọa. Không bị giao động trong các kiến chấp mà tu hành ba mươi bảy phẩm, ấy mới là tĩnh tọa. Không đoạn trừ phiền não mà nhập Niết Bàn, ấy mới là tĩnh tọa"* (*)

Khi nghe những lời nhắc nhở ấy, không biết ngài Xá Lợi Phất nghĩ sao, nhưng với hành giả thì đó là những tiếng vọng chát chúa trong nhiều đêm thanh vắng ngồi tĩnh lặng.

Làm sao để không hiện thân và ý ở trong ba cõi? Làm

sao hiện các oai nghi mà vẫn không xuất khỏi diệt tận định? Hiện thân làm các việc phàm phu mà không xả Đạo pháp, liệu có dễ? Không bị dao động trong các kiến chấp mà tu hành ba mươi bảy phẩm thì chắc chắn phải gian nan lắm rồi! Nhưng không đoạn trừ phiền não mà nhập Niết Bàn thì hành giả chẳng thể nào tưởng tượng nổi!



Ấy thế mà những điều bất khả tư nghĩ đó lại chỉ để diễn tả một điều vô cùng đơn sơ, vô cùng nhẹ nhàng là Tĩnh Tọa, là Ngồi Yên!

Ngồi yên?

Vâng, hành giả đã ngồi yên. Cái thân tứ đại do đất nước gió lửa hợp thành đã ngồi yên. Cái thân có hình tướng đã ngồi yên nhưng cái tâm, cái ý vô hình vô tướng lại quá ư ương ngạnh. Chúng bay, chúng nhảy, chúng dong chơi, chúng nghịch ngợm trên những vết thương chưa mọc

da non. Đây là lời dối trá, kia là sự phũ phàng! Đây là mũi tên tẩm độc bọc nhung, kia là sự bội bạc lạnh như băng đá! Đây là lòng ác độc, kia là tiếng thị phi ...Thôi thì đủ cả! Quay cuồng trong đời ác ngũ trước này, có cầu cứu ngài Huệ Năng thì con đường nhận ra *"Gốc vốn chẳng một vật, lấy chỗ đâu cho người phủ bụi"* còn mịt mờ vạn nẻo; nói chi mon men tới viên kim cương *"Ứng vô sở trú, nhi sanh kỳ tâm"* không dựa vào ai, không nương tựa gì thì lòng mình mới nguyên vẹn, vững vàng!

Thế nên, hành giả đã từng ngồi thật yên mà nước mắt vẫn âm thầm chảy. Trong bóng đêm, ánh trắng và hương lan chẳng đủ sức an ủi nổi tuyệt vọng của kẻ soi gương chỉ thấy những bóng hình dị dạng. Đó là những gương mặt kẻ lạ, khi giận dữ, lúc nhần nhục, khi cho không, lúc đòi trả, khi tha thứ, lúc uất hờn, khi Bỏ-Tắt, lúc phàm phu ...

Thường khi vật áo trắng đầm đĩa nước mắt, hành giả lại nghe mình thổn thức, hướng về Thầy *"Thầy ơi, cứu con!"* Và từ nơi xa, rất xa, theo hương bay ngược gió, Thầy luôn đến ngay. Hành giả lập tức cảm nhận được như thế. Rồi giọng xứ Quảng, pha chút sông Hồng, chút sông Hương vang lên:

"Này con, dù con chọn phương thức nào cũng cần có căn duyên thích hợp, và Văn Tư Tu là hành trang ắt có và đủ, để lên đường. Này con, tu là làm cho phát triển trí tuệ. Chỉ có tuệ mới thấy được Thánh-đế, và có thấy được Thánh-đế, mới giải thoát. Thân con đã ngồi yên, tạm tốt rồi."

Nào, bây giờ hãy cùng Thầy, tập trung tâm ý, nghe lời Phật giảng, suy nghĩ về lời Phật dạy, quán tưởng các pháp mà Phật truyền. Như mặt trăng bất động giữa hư không nhưng ánh sáng của nó tỏa chiếu cùng khắp ao hồ, nơi nào nước trong, tưởng như trăng tỏ, nơi nào nước đục, tưởng như trăng mờ! Chẳng khác chi mặt trời không vì kẻ đui mù mà không chiếu sáng. Cũng vậy, Pháp Thân Phật bất động, tịch tĩnh, uyên nguyên như thị, nhưng sẽ tùy cơ cảm mà hiện biến. Tịnh độ hay uế độ đều từ phương-tiện-trí của Phật mà thôi. Ráng đi con. Tự lực không tỉnh thức thì tha lực cũng không thể giúp đâu! "

Cứ như thế, hành giả bớt thốn thức, nghe lời Thầy chỉ dẫn bằng bạc trọng hư không.

Tại sao mỗi khi con gọi Thầy, lại nghe thấy Thầy ngay? À, vì Thầy luôn ở bên chúng sinh. Tâm Thầy là Tâm-Quán-Âm, nghe tiếng kêu thương liền thị hiện.

Có lần một học giả bùi ngùi cảm động nói rằng, trong thời mạt pháp này, nếu có ai thành Phật thì người đó chính là Thầy. Đây là sự thành tâm tin tưởng của riêng vị học giả, nhưng nghe được lời đó, kẻ cầu đạo còn sơ cơ như con, tự hỏi "Phật là ai? Có phải là người đã chứng bất động tâm giải thoát mà qua sự dẫn giải

tuyệt kỳ trong kinh Pháp Hoa, đã vì lòng thương tưởng chúng sanh, ngài khai tam hiển nhất, dùng phương tiện mà dạy từ thấp tới cao, từ ngu tới trí, chẳng từ chối một ai cầu đến Ngài"

Phật gần gũi và đơn giản như thế. Đừng thần thánh hóa Đức Phật để rồi quần quanh hoài nghi, là lời Phật dạy chỉ có Phật thành tựu được, đường Phật đi, chỉ có Phật mới tới đích.

Từ khi tìm ra cội nguồn của khổ đau, Đức Phật đã phát đại nguyện ở lại ta-bà cứu khổ, còn một hơi thở là còn làm lợi ích chúng sinh. Những đệ tử theo Ngài cũng nguyện như thế, hành như thế, đi như thế.

Thầy ơi, nhìn chẳng đường Thầy đã và đang đi, con thấy rõ bước chân Thầy từng in dấu 1250 bước chân xưa. Thầy thân nhiên vào tử lộ để tìm sinh lộ cho kẻ khác. Thầy nói thay cho người không còn quyền để nói. Thầy lặng thinh khi bùn đất tự hiềm ném tới. Thầy mỉm cười trước những oan khiên. Thầy tha thứ cho những lọc lừa phản bội. Thầy cho kẻ dối những hạt cơm vơi trong bình bát. Thầy thức trắng từng đêm khai mở trí tuệ cho kẻ vô minh... Thầy làm những gì Đức Phật bảo là "*cần làm, đáng làm*", nên con đã nhìn Thầy là Phật vì Phật gần gũi,

đơn giản và tận tụy thể thôi.

Chẳng phải hành giả chỉ thấy Thầy mình là Phật, mà những khi ngồi yên, lắng tâm, đầy được những ngọn bát phong bay xa, hành giả còn thấy biết bao nhiêu vị Phật khác đang lặng thinh cứu khổ giữa ngũ trước ác thế này. Vì đã chứng bất động tâm giải thoát nên chẳng phiền não thế gian nào có thể làm dao động tâm tư các Ngài. Giữa mệnh mỏng biển khổ, các Ngài dùng mãnh đưa tay dắt từng sinh linh đủ duyên, qua sông mê, tới bờ giác, dù phải hy sinh tới phương tiện cuối cùng là tẩm thân tử đại vô thường!

Chúng con, những chúng sinh sơ cơ, tâm còn dễ loạn động, ý còn dễ vướng mắc nên soi gương mà chẳng thấy bóng mình, xin nương nhờ Bồ-tát-lực khai tỏ những điều Phật dạy để nhìn lại bản lai.

Giai thoại xưa từng kể, có những vị thiên sư ngồi rách bầy cái bồ đoàn mà chưa đến được cửa "Không" Vậy có phải những vị đó đã ngồi như Duy Ma Cật từng buông lời làm chùng lòng Xá Lợi Phất? Hay lời Duy Ma Cật nhắc nhở Xá Lợi Phất chỉ là phương tiện của quý Ngài, tùy thuận chúng sinh mà đối thoại như thế để khuyến tấn những tâm loạn động biết Ngồi Yên.

Một ngày, nếu dành cho thân dăm phút thực sự ngồi yên; rồi bằng quyết tâm, biết đâu sự kỳ diệu sẽ đến, là tâm và ý cũng ngồi yên như thân.

Khi thân, tâm, ý cùng lắng yên, có phải là lúc năng lượng của Im-Lặng-Hùng-Tráng khai mở, sự im lặng từng làm dựng lông tóc vua A Xà Thế khi nhà vua được dẫn vào Trúc Lâm viếng Đức Phật để xin chỉ dạy sự sám hối.

Phải gan lọc thân, tâm, ý thế nào để khi soi gương thấy được bóng mình?

Một vị đạo sỹ tình cờ ghé thăm đạo tràng khi đại chúng đang tụng bộ Sám pháp Lương Hoàng Sám. Nhìn đại chúng đông đảo đủ mọi thành phần nam phụ lão ấu đều thành khẩn tụng lay ba ngày liền, vị



đạo sỹ cảm động lắm nên ban cho ít lời khai thị.

Đã có duyên lành được tụng bộ kinh gì thì thế nào đại chúng cũng được những vị thầy hướng dẫn cho biết xuất xứ bộ kinh đó trước khi đi vào văn bản.

Đạo tràng đây đang tụng lay Lương Hoàng Sám, hẳn đã biết danh xưng này do lòng thành của vua Lương Võ Đế, thương tưởng và muốn cứu độ Hoàng Hậu Hy Thị nên đã thỉnh các bậc cao tăng đương thời tới triều đình, cùng biên soạn tỷ mỉ những tội lỗi thế gian và cách sám hối, chuộc tội. Vì thế, khi bộ Sám pháp Lương Hoàng Sám hoàn tất thì không phải chỉ là tấm lòng của một người hướng đến một người mà là tấm thành của mỗi người đọc tụng hướng đến tất cả ba cõi, sáu loài để xin Chư Phật, chư Bồ Tát mười phương chứng giám.

Chính vì thế mà đạo tràng nào tụng lay Lương Hoàng Sám cũng đều tạo được năng lượng vô biên.

Một chi tiết nhỏ không được phổ biến nhiều trên giấy mực về người khởi xướng bộ kinh này mà vị đạo sỹ chia sẻ với đại chúng, là vua Lương Võ Đế đã bốn lần bán mình cho Đạo.

Thật là kỳ thú.

Một vị vua quyền uy ngất trời, giàu sang tột bậc mà phải bán mình tới bốn lần là sao?

Bởi vị vua này coi ngại vàng như hạt sương đầu cỏ, có đó rồi tan, còn đó rồi mất nên ông quyết đi tìm cái thường hằng vĩnh cửu. Cái đó là gì? Từ đâu? Ở đâu? Nương theo lời Phật dạy, lần từng bước, đến một ngày, ông chợt nhận ra đó là *"khả năng nhận biết mọi sự mà không dính mắc vào đối tượng nào"*

Cái nhận biết đó vốn dĩ sẵn có trong mọi loài, thường bị che phủ bởi những vô minh, chấp trước. Ai kịp nhận ra như thế, biết lột dần lớp vỏ vô minh thì cái nhận biết thường hằng trong sáng kia hiển lộ. Đức Phật chỉ cho cái nhận biết đó là Phật tánh.

Thế là nhà vua bỏ cung



vàng điện ngọc, tìm một ngôi chùa nhỏ khuất lấp trên núi cao để tĩnh niệm, quán chiếu Tứ Diệu Đế, tự coi mình có điểm phúc như năm anh em ngài Kiều Trần Như, học bài pháp đầu tiên Đức Phật giảng dạy.

Một đất nước làm sao có thể không có vua? Thế nên triều đình hoảng sợ, tâu đi tìm vua, triệu về hoàng cung. Vua phiến lòng lắm, nhưng nghĩ tới trách nhiệm với thần dân nên bảo, vua đã là người ở chùa, muốn triều về nơi khác thì phải "chuộc" với chùa.

Thế là triều thần phải mang vàng bạc tới chuộc. Nhưng về cung chẳng bao lâu, nhà vua buồn chán, lại một mình lên lên chùa! Bốn lần như thế, ngôi chùa nhỏ bỗng trở nên giàu có!

Nhà vua biết, tiếp tục mãi thế này cũng chẳng yên thân ở chùa nên quyết định tu tại gia. Từ đó, tuy ở trong hoàng cung, dành một phần thì giờ lo trị nước an dân, nhưng vua chỉ mặc áo nâu sòng, sớm tối công phu, ăn ngày một bữa, làm việc chấp tác như một thầy tu và không

hề ngày nào bỏ thời sám hối.

Là đồng tác giả cuốn Sám pháp, nhà vua biết rằng pháp tu nào Lý và Sự cũng phải đi đôi. Ở mức độ cạn, về Lý, thì sám hối là trải rộng cõi lòng ự uẩn, hầu rửa sạch tâm can. Ở mức độ sâu hơn, về Sự, là đi vào thế-gian-pháp qua những hình thức hành sám, trì kinh, niệm Phật, tọa thiền ... Ngay nơi đây, năng lực gia trì không phải từ những lời chú bí hiểm, mà từ sự thành tâm của người trì tụng.

Có khổ công gạn lọc được thân tâm, khi soi gương mới mong thấy bóng mình. Đời này, sàng cát tìm vàng đã khó, huống chi giải đãi mà mơ tưởng như Huệ Năng, chỉ nghe một câu trong kinh Kim Cang *"Ứng vô sở trụ, nhị sanh kỳ tâm"* là hoắt nhiên liễu ngộ!

NAM MÔ CẦU SÁM HỐI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Hạnh Chi

(Khóa tu Lương Hoàng Sám tại chùa Phật Tổ, Long Beach)

(*) Huyền thoại Duy Ma Cật - thầy Tuệ Sỹ.

Đầu nguồn hạnh phúc

TRÍ HIỀN

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

*Có thì sẽ mất
Giàu sang sẽ nghèo hèn
Tự hội sẽ phân ly
Mạnh khỏe rồi sẽ đau chết*

Ánh tà dương dịu sáng, vui tươi, lan rộng giữa khoảng trời xuân êm ả. Gió muôn phương thổi lại, đem hương hoa về ướp thơm cảnh vật nơi vùng tịnh xá Kỳ Hoàn. Cỏ cây làng mạc đượm vẻ thái bình, thanh tịnh trong buổi chiều hôm. Đó đây vài làn khói lam uốn éo vươn mình trên mấy túp lều tranh cũ kỹ. Xa xa một đỉnh núi cao của dãy Hy Mã Lạp Sơn đội xấp xóa lùm cây trắng trông giống như ông lão bạc đầu.

Giữa khung cảnh thiên nhiên vừa êm đềm, vừa ần về hùng tráng ấy, bốn thầy Sa môn cùng ngồi đàm luận dưới gốc cây cổ thụ. Trời xuân tươi đẹp như dục khách sanh tình, một vị bồng lên tiếng bảo: "Này các huynh đệ: thử nghiệm xem trong đời có điều chi đáng yêu và vui thích nhất?" Nghe lời ấy ba vị đều tỏ vẻ tán thành, nói tiếp: "Hay lắm, chúng ta mỗi người nên suy nghĩ, rồi đưa ý kiến ra để giải đáp câu hỏi này, xem đáng nào hơn?"

Sau vài phút trầm ngâm, vị thứ nhất bảo: "Vào tiết trong xuân, cây cỏ khoe tươi, muôn hoa cười nụ, tiếng chim líu lo trên cành bích, hương thanh phảng phất khắp nơi, phong cảnh thật là đẹp! Trong lúc ấy ví ta được thả thuyền nhẹ theo dòng nước hay mang theo bầu rượu đến sườn non, chắc trong đời không chi thú bằng!"

Vị thứ hai đáp: "Cảnh gia đình sum họp vẫn là vui. Nhưng nếu thêm vào đây những thức ngon, rượu quý, và tiếng sinh ca khoan nhặt lẫn trong tình thân mật, nét hân hoan thì tôi thiết tưởng hạnh phúc trên đời chi trong ngần ấy!"

Vị thứ ba nói: "Tôi thấy: nếu ta được sinh trong dòng tôn quý giàu sang, ở lầu cao nhà rộng, sẵn tiền bạc nhiều ta muốn sắm món gì cũng tùy thích. Khi ra đường ta phục sức cực kỳ xinh đẹp, xuống

ngựa lên xe. Lúc nào nhà ta gọi đến, lắm kẻ kính thưa hầu hạ. Trong cảnh đó thử hỏi còn chi hơn? Theo ý tôi đó là thú vui độc nhất."

Vị thứ tư lại bảo: "Giữa đời, tiền bạc, quyền tước có lẽ còn dễ tìm hơn giai nhân. Riêng về tôi, người nào có được ba nàng hầu tuyệt sắc, kẻ ấy chưa chắc vua chúa sánh bằng! Còn thú gì vui hơn: Khi ngắm nét hoa tươi đẹp, bằng khuông gương lác non hồng; lúc nghe giọng hát du dương; ngơ ngẩn như vào động bích. Lại còn lúc khi cùng người ngọc bân câu phong tuyết, cạnh chén đồng tâm, chắc rằng hạnh phúc giữa trần hoàn không qua mấy điều tôi đã kể."

Sau khi tỏ bày ý kiến, bốn vị đều cho chỗ nhận xét của mình là đúng, cùng nhau tranh luận phân vân.

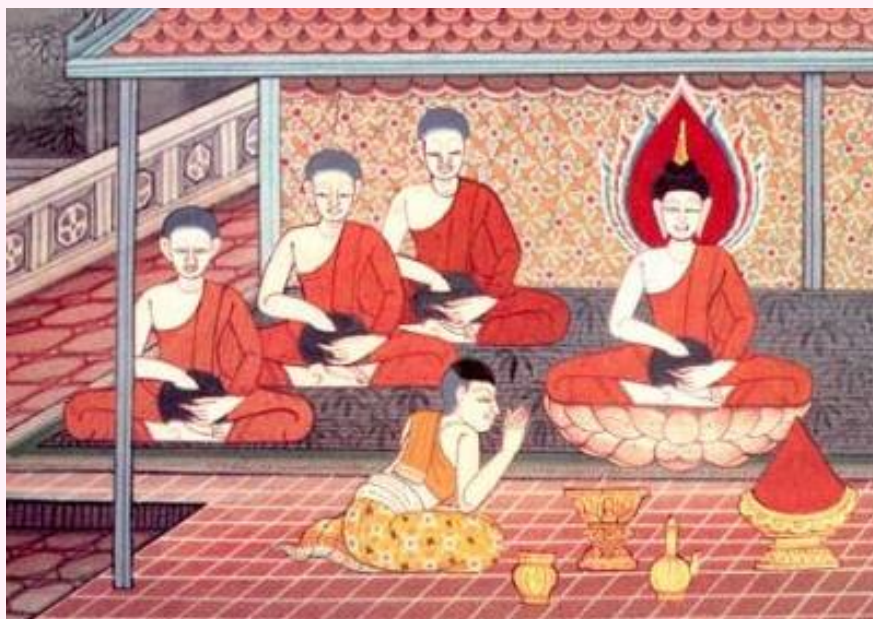
Bấy giờ, cách đây không xa, Đức Phật đang đi kinh hành xung quanh Kỳ Hoàn tịnh xá. Nghe mấy lời ấy, Ngài động lòng thương xót, liền bước đến hỏi: "Các ông bàn luận chuyện gì thế?"

Bốn vị Tỳ kheo không dám che giấu, phải đem sự thật thưa lên. Đức Phật bảo:

"Những lời mà các ông vừa nói, đều là đường lối đi vào sự lo sợ, đau buồn không phải hạnh phúc lâu dài, chân thật, vì sao? - Cảnh vật dù tươi đẹp trong mùa xuân, nhưng sang thu đông là phải tàn tạ héo khô. Thân quyền tuy sum họp vui cười, song có lúc đau khổ vì sinh ly tử biệt. Tiền của, ngựa xe là những vật không lâu bền, và khi chết ta không thể đem theo. Đến như sắc dục là một mối nguy vô cùng nó làm cho con người thân thể suy mòn, tinh thần mờ mịt. Những cảnh hư nhà, mất nước đều từ ấy sinh ra. Tóm lại bao thú vui các ông vừa kể, đã mong manh ngắn ngủi, lại chính là nguyên nhân cho sự luân hồi đau khổ về sau. Chỉ có cảnh niết bàn là sáng suốt, thường còn, an vui, trong sạch. Đây mới chính là nguồn hạnh phúc chân thật lâu dài. Là Sa môn đã lánh trần tìm đạo, các ông đừng để cho sự vui giả dối ám ảnh, mà tiến theo con đường chân chánh, sáng suốt của mình."

Tiếp theo mấy lời ấy, Đức Phật lại nói kệ rằng:

*Thương mừng sinh lo
Thương mừng sinh sợ
Biết rõ thương mừng
Đâu còn lo sợ?
Ai dục sinh lo
Ai dục sinh sợ
Nếu không Ai dục
Đâu còn lo sợ?
Ham muốn sinh lo
Ham muốn sinh sợ*





*Nếu không ham muốn
Đâu còn lo sợ?
Ưa pháp trong sạch
Lòng thành, biết theo
Sửa mình gần đạo
Được chúng yên mến
Xa lìa thị dục
Nghĩ rồi mới nói
Lòng không tham ái
Sẽ thoát luân hồi.*

Đức Phật lại bảo bốn vị Tỳ kheo: “Về kiếp trước có vị vua tên Phổ An, kết bạn với bốn ông vua bên nước láng giềng... Một hôm, vua Phổ An mời bốn ông bạn sang nước mình hội yến. Tiệc hoa kéo dài đến tận bốn tháng, tiếng ca nhạc, thức lạ ngon, đã làm cho tinh thần hữu càng thêm đậm đà, khăng khít. Đến ngày chia tay, vua Phổ An hỏi bốn bạn rằng: “Trên đời có thú chi vui nhất?” Bốn vị quốc vương đều theo chỗ ưa thích, tuần tự đưa ra mấy điểm sau này: Cuộc dạo chơi – Gia đình sum họp – Giàu sang – Sắc dục. Vua Phổ An nói: “Theo ý kiến tôi, những điều các ông bàn luận, đều là thú vui mong manh và nguyên nhân đau khổ, chỉ có đạo vô vi trong sạch là vui.”

“Này các Tỳ kheo! Vua Phổ An thuở trước chính là thân ta ngày nay; bốn vị quốc vương kia là tiền thân các ông đây. Kiếp xưa ta đã giải rõ sự vui khổ, mà các ông còn chưa hiểu, nên mới trôi lăn mãi trong biển sanh tử cho đến đời nay. Nếu hôm nay các ông lại không cố gắng tu tỉnh thì bánh xe sống thác khổ đau chưa biết bao giờ dừng nghỉ.”

Nghe Đức Phật nói, bốn vị Tỳ kheo hồ thẹn, sám hối khỏi tham dục tiêu tan, gương lòng lặng yên, trong sạch. Khi Đức Phật trở ngót bước đi, không ai bảo ai, bốn người đều ngồi thẳng mình, để tâm vào cõi thanh nhàn, vắng lặng...

Chiều dương tử tử đi thẳng xuống phương đông xa thẳm. Dạ thần cũng bắt đầu rũ màn âm u trên vạn vật. Giữa khoảng trống của hai quả núi bên chân trời tây, bỗng lộ ra nhiều vết mây hồng rực rỡ, tạo nên một vẻ đẹp huyền ảo, diệu vợi. Cùng trong lúc ấy, khi ánh sáng đời sắp tắt, ánh sáng đạo lại bật chiếu nơi tâm của bốn vị Tỳ kheo. Trong một buổi chiều xuân, họ đã tìm thấy nguồn hạnh phúc khơi dòng trong cảnh trời xuân bất diệt - trời xuân của lý dục và thanh đạm.

Thuật giả: **Trí Hiền**

THƯƠNG ÁO NHẬT BÌNH

*Chiếc áo nhật-bình
Tuy không trắng tinh
Mặc vào chú Diệu
Cô Ni đều xinh.*

*Chiếc áo nhật-bình
Màu lam thanh thanh
Xiết bao trong trắng
Như ánh bình minh.*

*Chiếc áo nhật-bình
Màu lam thanh khiết
Thoáng hương giải thoát
Của người cầu kinh.*

*Ý nghĩa màu lam
Là màu hoai sắc
Là màu hoà hợp
Của các loại màu
Tượng trưng cho một
Sự sống hoà đồng
Cho mọi tầng lớp
Hữu tình chúng sanh.*

*Chiếc áo nhật-bình
Từ tâm trái rộng
Mang hạnh Bồ Tát
Quảng độ quần sanh.*



CHIẾC ÁO NHẬT-BÌNH

*Tôi yêu chiếc áo nhật-bình
Tôi yêu màu khói lam nhìn thanh thanh,
Không phân biệt cô ni có tuổi,
Hay cô ni tuổi ngoài đôi mươi
Mặc vào áo vẫn làm tươi
Tươi cho bản chất con người xuất gia.*

*Tôi ước mơ một ngày tươi đẹp
Rũ sạch rồi mái tóc pha sương
Áo kia tôi đã hằng thương
Bên tôi che chở giới thân trọn đời.*

thơ **CHUNG HẠNH**

VIỆT NAM VÀ HÀNH TRÌNH BẢO VỆ MẸ TRÁI ĐẤT

Tâm Thường Định



*"Chúng ta không phải kế thừa hành tinh này từ tổ tiên của mình, mà chỉ mượn nó từ con em của chúng ta."
~ David Brower*

Từ vô thủy, thiên nhiên đã hiện hữu. Mẹ thiên nhiên đã đến trước loài người hàng triệu năm. Con người cần thiên nhiên cho sự sống còn của mình, nhưng rất tiếc là con người đã và đang tàn phá nó—trực tiếp hủy hoại bản thân mình và những thế hệ kế thừa. Trái đất Mẹ là nơi chúng ta đang sinh sống và không còn hành tinh nào khác để chúng ta được sống. Chúng ta là “những đứa con” của tự nhiên và vì thế chúng ta cần có trách nhiệm bảo vệ đất Mẹ mà trước hết là tìm ra những giải pháp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nếu không chúng ta sẽ phải đối mặt với sự khủng hoảng hơn là ô nhiễm môi trường và có thể chúng ta đang trượt vào sự tuyệt chủng. Sống hay không sống trong sự hài hòa với thiên nhiên là lựa chọn duy nhất của con người với Trái đất Mẹ.

Trong số những nơi trên thế giới được đề cập đến về thảm nạn ô nhiễm môi trường gần đây, Việt Nam hay được nhắc đến là nơi có nhiều thảm họa môi trường, thường gây ra bởi những nguyên nhân có thể phòng ngừa được. Thảm nạn Cá Chết ở Vũng Áng là một điển hình—có nguồn gốc hoàn toàn do con người tạo nên và chưa có sự can thiệp có ý nghĩa nào để làm thuyên giảm vấn nạn môi sinh ở Việt

Nam. Hiện nay tại bờ biển miền Trung Việt Nam, nơi kế mưng sinh của người dân phụ thuộc vào biển, từ việc san lấp đến du lịch đều bị ảnh hưởng xấu. Chúng ta cần phải bảo vệ, phục hồi và gìn giữ. Như người Ai Cập cổ đại phụ thuộc vào dòng sông Nile, không có sông Nile, không có Ai Cập. Biển Đông của Việt Nam cũng vậy. Không có Biển Đông, sẽ không còn Việt Nam.

Đối với ngư dân, biển là di sản, là cuộc sống, là tất cả những gì họ đang có. Người dân sẵn sàng bảo vệ nó. Khi biển bị ô nhiễm độc hại và quyền con người bị chà đạp, thì người dân không chỉ bảo vệ lẽ sống và nhân bản, mà họ còn gìn giữ nhân phẩm và ý chí anh hùng dân tộc. Tuy nhiên, khi những gì liên quan đến chính trị những con người bé cổ thấp hong bổng trở nên bất lực. Họ đang nhìn thấy biển trù phú của mình đầy ắp với những rạn san hô và cá mực, nay trở thành ô nhiễm từ chất độc, chất thải hóa học chưa được xử lý đổ thẳng ra biển từ các công nghệ sắt thép của hãng Formosa ở Vũng Áng. Sự cay đắng, oái oăm, uất hận hay nước mắt không có bút mực nào diễn tả hết sức tưởng tượng và giải thích của chúng ta. Tôi đã tìm kiếm những từ ngữ thích hợp để mô tả nỗi đau của người dân Việt Nam, nhất là những người ngư phủ như cha tôi, mà không thể tìm thấy bất kỳ từ ngữ nào thích hợp bởi vì tất cả chỉ là sự hụt hẫng. Đau. Buồn. Làm sao ta có thể trải nghiệm được sự thống khổ của họ. Vì vậy, xin đừng lãng phí thời gian còn lại của đời mình mà hãy tìm ra giải pháp để cứu vãn người dân Việt Nam và trái đất Mẹ.

Đây là những việc chúng ta có thể làm.

1. Kêu gọi và thúc ép chính phủ phải ngăn chặn sự tàn phá gây ra bởi nhà máy thép Formosa.

2. Buộc hãng thép Formosa phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn đã được quy định, cam kết và chấp thuận.

3. Yêu cầu nhà nước Việt Nam và hãng thép Formosa thực hiện để làm sạch bờ biển và bồi thường cho những người dân bị ảnh hưởng.

4. Xin đừng tiếp tục sợ hãi. Hãy đòi hỏi và đấu tranh cho các quyền căn bản của người dân ghi trong Hiến pháp Việt Nam cần được tôn trọng và thực thi.



Một góc Eo Gió, Nhon Lý, Bình Định Việt Nam. Photo - Loan Tran Kim's fb.

5. Tự mình phấn đấu, ý thức và hành động cho lối sống và cách sống riêng biệt của chính mình, của người dân và của cả nước Việt Nam

Hơn ai hết, chúng ta đều biết rằng cuộc sống này, quyền được sống, hay sự sống còn không dựa trên sự đàn áp và khủng bố, mà là trên ý chí tự do, bình đẳng, nhân bản và trách nhiệm đạo đức của mỗi cá nhân và tập thể.

Nói tóm lại, thảm họa môi sinh toàn cõi Việt Nam hay bất kỳ ở nơi nào trên trái đất, đều có ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, an nguy, và đời sống của con người. Vì thế chúng ta phải nên ý thức để bảo vệ và gìn giữ Trái đất Mẹ.

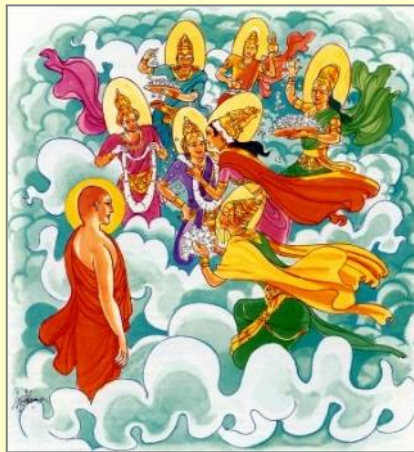
So với dải ngân hà rộng lớn, Trái đất này là một không gian nhỏ bé, nhưng nó là nơi duy nhất có được sự sống của con người, vì vậy khi chúng ta sống, hãy để lại di sản tốt đẹp cho thế hệ mai sau. Việt Nam phải hành động! Người Việt Nam phải hành động nhanh chóng—làm tới, làm ngay để cứu vãn nạn ô nhiễm môi trường. Chúng ta cần Mẹ thiên nhiên, nhưng Mẹ thiên nhiên có cần đến chúng ta không? Hãy suy nghĩ và hành động.

Tâm Thường Định
Mùa Cá Chết



The Story of Nandiya

Dhammapada—Verses 219 & 220



While residing at the Isipatana wood, the Buddha uttered Verses (219 and 220) of this book, with reference to Nandiya.

Nandiya was a rich man from Baranasi. After listening to the Buddha's discourse on the benefits of building monasteries for Bhikkhus, Nandiya built the Mahavihara monastery at Isipatana. The building was pinnacled and fully furnished. As soon as the monastery was offered to the Buddha, a mansion came up for Nandiya at the Tavatimsa deva world.

One day, when Thera Maha Moggallana visited the Tavatimsa deva world he saw the mansion which was meant for the donor of the Mahavihara monastery at Isipatana. On his return from the Tavatimsa deva world, Thera Maha Moggallana asked the Buddha, "Venerable Sir!

For those who perform meritorious deeds, do they have mansions and other riches prepared in the deva world even while they are still living in this world?" To him the Buddha said, "My son, why do you ask? Have you not yourself seen the mansion and riches waiting for Nandiya in the Tavatimsa deva world? The devas await the coming of the good and generous ones, as relatives await the return of one who is long absent. When the good ones die, they are welcomed joyously to the abode of the devas."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 219: A man who has long been absent and has returned home safely from a distance is welcomed with joy by relatives, friends and well-wishers on his return.

Verse 220: In the same way, his good deeds will receive him who has done good, when he goes from this world to the other, as relatives receive a dear one on his return.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

BÁNH TRÁNG CUỐN GIÁ XÀO ĐẬU HŨ (Rice paper wrap with stir-fried bean sprouts & tofu)

Bánh tráng cuốn giá xào đậu hũ

Khi có nhiều giá, chúng ta có thể xào với đậu hũ và cuốn với bánh tráng, rau sống, chấm nước tương pha, thay đổi khẩu vị.

1. Giá xào với chút ớt chuông (có khi còn gọi là ớt bị, ớt Đà Lạt..) thái chỉ cho có màu đẹp và độ giòn tương đương. Nêm xíu muối và tiêu.



2. Rau sống là một nửa thành phần chính: ngò, quế, rau răm, tía tô, xà-lách, và các loại rau bạn yêu thích. Bánh tráng thấm nước, để trên đĩa, rồi để rau lên.



3. Sau đó mình cho giá xào lên, rồi cuộn.



4. Nước tương có thể pha 1 muỗng đường (hoặc mật thùa), 1 muỗng nước tương, 2 muỗng nước chanh vắt, 2 muỗng nước, gia giảm cho hợp khẩu vị, và thêm chút ớt, nếu thích.



Vậy là mình có vài cuốn ăn chay ngon hết ý rồi đó các bạn!

Rice paper wrap with stir-fried bean sprouts & tofu

This is fairly simple to make - you just need lettuce, fresh herbs (like mint, cilantro, sweet basil, Vietnamese cilantro, perilla etc.), rice paper, some bean sprouts, red bell pepper, fried (or non-fried) tofu, some salt, and pepper.

For dipping sauce, combine 1 tablespoon sugar (or agave nectar), 1 tablespoon soy sauce, 2 tablespoons lime juice, and 2 tablespoons water. Adjust to taste and add a bit of chili pepper (optional).

Thank you for eating vegan and saving lives.

HỒNG HƯƠNG (Ngu ồn: vietnamachay.com)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml;
Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Bạn của người xuất gia trẻ

THANH THỊ



Điều đầu tiên, xin khẳng định: Bạn của người xuất gia trẻ ở đây là một người “Bạn Già.” Tại sao ư!? Này nhé...

Người xuất gia rất trẻ dĩ nhiên trẻ ở đây không riêng về tuổi đời mà còn là trẻ về tuổi đạo, tâm hồn. Có những sư chú lớn lên không biết tại sao mình ở chùa, là ấu đồng xuất gia – đầu ba chòm tóc trái đào – trẻ trong kinh nghiệm đời sống bên ngoài, non nớt về tư duy trong đạo (vì ở chùa đã thấm tương chao, nhưng nhiều sự chưa rành rẽ, lẽ thường nhật hay ôm chuông mõ ngủ gục chẳng!?). Có những cô bé chưa thông thạo việc đơn giản như quét nhà, nấu cơm đã rời bỏ ngôi nhà thế tục còn vương khói rơm, vào chùa mặc áo nâu sồng, bưng bê trà nước, rút chân nhang, lau bàn thờ,... làm mọi việc của một cô điệu nhỏ tuổi. Trẻ không? Quá trẻ (con). Có những anh chị học xong tú tài, tốt nghiệp cử nhân một chuyên ngành (nào đó), từ bỏ tương lai có thể có một căn nhà trung tâm thành phố, lương tháng năm ba chục triệu; đắp man điều ca-sa, thành con cửa Phật, sớm tối chăm lo học hành, tu tập tuệ giác. Lại có những vị thành công ngoài đời như minh tinh màn ảnh, trưởng phòng một cơ quan nhà nước, giám đốc chuỗi nhà hàng,... (hay đại loại như thế); vì một nguyên nhân nào đó bỏ váy vóc lụa là, âu phục phẳng phiu, hăng đêm tiệc rượu; cạo tóc, mặc áo thoát tục, bắt đầu lại tất cả từ công việc của một sư chú, sư bác mới vào đạo. Họ trẻ không? Trẻ chứ, tất cả họ đều trẻ, ít ra là về phương diện tuổi đạo, về những hiểu biết trong cửa thiền, chốn không môn. Vì họ còn trẻ, thậm chí là rất trẻ, nên cần phải có những người “Bạn Già.” Làm gì!? Để định hướng, nắm tay họ đi qua những khó khăn, gian nan, chướng ngại trên lộ trình thực tập “làm mới” mà họ đã chọn.

“Bạn Già” là ai?

1. Đầu tiên, đó là Thầy tổ - người thể phát cho vị xuất sĩ trẻ. Người xuất gia trẻ, thuần nhân duyên thầy - trò mà làm đệ tử một Đại đức hay một Thượng tọa, Hòa thượng (nếu đó là nam tịnh nhơn); và có thể là Sư Cô hoặc Ni sư, Ni trưởng (nếu là nữ tịnh nhơn). Nơi nương tựa của vị xuất sĩ trẻ ấy trên là Phật - Tổ, dưới là Thầy tế độ. Người ươm mầm trí - bi, dạy từng cách đi đứng năm ngời, cách ăn

uống, quét nhà, tưới cây, cách khai chuông đại hồng, nhịp chuông gia trì báo tỉnh giác,... Thầy của vị xuất sĩ ấy có thể bằng tuổi anh, cha, ông (hoặc chị, mẹ, bà) nếu so tuổi đời. Nhưng có trường hợp, Thầy lại nhỏ tuổi đời hơn đệ tử, nhỏ hơn rất nhiều lần, và so ra tuổi đời thì ngược lại với trên. Vậy sao nói rằng: Thầy là người “Bạn già”!? Vì lẽ rằng, những gì mà Thầy bốn sư đã được học, được tu, được tiếp nhận từ những bậc tôn túc rất nhiều. Có những điều Thầy dạy sẽ không có trong sách vở, sẽ không có trong bất kỳ một thư tịch cổ nào, mà lại có trong chính kinh nghiệm cá nhân và những gì được truyền miệng, thân giáo từ các bậc Thầy đi trước. Thầy lãnh trách nhiệm làm “sư phụ” - vừa là cha, là mẹ. Nhưng nhiều lúc, Thầy chỉ như người bạn, người bạn của những xuất sĩ bé xinh và những xuất sĩ đầu hai thứ tóc. Đã là bạn thì không câu nệ lớn tuổi hay nhỏ tuổi, bạn làm việc gì - tôi làm việc ấy. Bạn nhổ cỏ, tưới cây, tôi cũng vậy. Tôi quét chùa, lau tượng Phật, bạn cũng thế. Hơn nữa, là bạn nên có thể chia sẻ mọi chuyện riêng tư nhất, những chao đảo nghiêng ngã trong tâm khi gặp một bóng hồng; những chênh choáng, rung động với lời nói vu vơ thương mến từ người lạ lạ quen quen. Vì là “BAN GIÀ” nên có thể đưa ra những lời khuyên kịp thời, đúng lúc, chuẩn xác với phương án giải quyết tốt nhất (bằng kinh nghiệm tu tập, và những gì đã kinh qua). Bạn già có thể giúp bạn nhỏ đứng vững trước ‘tám ngọn gió’ lớn thường đưa người xuất sĩ trẻ bạt gốc bồ đề. Bạn già có lúc sẽ giận bạn nhỏ, nhưng giận thì giận mà thương thì thương, vì Bạn già coi bạn nhỏ như con, em, cháu (có khi như anh chị, cha mẹ) mình. Thầy - người bạn già với tình thương vô điều kiện, không phân biệt, là nơi nương tựa vững chãi cho người xuất sĩ trẻ. Người đặt những viên gạch đầu tiên cho căn nhà “giải thoát” sẽ là nơi người trẻ tìm về sau bao thành tựu trên đường học - tu, khi mà thành quả mà họ đạt được cũng chỉ để dâng lên đền bốn ơn lớn, trong đó ơn Thầy cao với hơn cả.

2. Bỗng một ngày đủ nhân trở quả, có một người từ đâu đến, một vài câu xã giao, thế là thành bạn. Bạn già của người xuất sĩ trẻ, đúng nghĩa về tuổi đời. Không phải là một xuất sĩ cho nên không thể “xuất sĩ già,” nhưng có thể là một “xuất xuất sĩ già;” không liên hệ

máu mủ ruột rà - dĩ nhiên (ở đây chỉ xin xét khía cạnh như vậy). Làm bạn với người này, người xuất sĩ trẻ sẽ không có kiểu đưng đầu hỏi đó, không có kiểu không biết là hỏi. Lúc nói chuyện với người bạn già này, bạn trẻ phải chặt lọc ngôn từ, cẩn trọng trong từng lời nói, và không phải muốn nói chuyện lúc nào cũng được. Nhưng tại sao cần có một người bạn già như vậy? Vì những gì họ đã trải qua là những bài học vô cùng đắt giá, có khi họ phải trả bằng mồ hôi, nước mắt và cả tuổi thanh xuân của mình. Nếu có một người bạn già là một "xuất xuất sĩ" thì sao nhỉ!? Thì đó là một vinh hạnh lớn cho người xuất gia trẻ, bởi những xuất xuất sĩ ấy sẽ có vô vàn lời khuyên bổ ích cho xuất sĩ trẻ, bằng những câu chuyện về thời hành điều, về những ngày tháng gian nan vất vả, về những chông gai - thử thách mà họ đã đi qua nhưng không thể vượt qua. Hay lắm chứ! Học được nhiều bài học lắm chứ! Và chắc chắn, câu cửa miệng của họ sẽ là: cố gắng nhé bạn nhỏ! Dù có chuyện gì cũng phải cố gắng vượt qua, không đau khổ hay mất mát nào lớn bằng việc không đi trọn con đường mình đã chọn, không giữ được chiếc áo màu lam-nâu, mảnh y vàng đến trọn kiếp nhân sinh. Họ sẽ thừa nhận điều này khi mái đầu đã bạc: không hạnh phúc nào bằng hạnh phúc đi trên con đường thực tập hiểu - thương, và đường đi của người xuất sĩ là con đường tươi đẹp và cao quý nhất.

3. Nếu như ở thế kỷ hai mươi, những thanh thiếu nữ Việt luôn giữ "Truyện Kiều" dưới gối đậm mùi bồ kết, làm bạn đồng hành của họ trong mọi hoạt động trong đời sống; thì với vị xuất sĩ trẻ mọi thời luôn cần có những cuốn sách gối đầu đơn, làm kim chỉ nam cho con đường thực tập giải thoát. Điều này là chắc chắn, và những cuốn sách ấy trở thành "Bạn già" của bạn trẻ xuất sĩ. Những xuất sĩ nhỏ tuổi (sinh từ năm 1985 trở về sau) mà không được đọc "Thiên Thần Quét Lá" của nhà văn Vĩnh Hào thì: Ôi thôi chưa phải chú tiểu rồi! Dĩ nhiên, xuất sĩ trẻ sẽ có lúc thần tượng một ai đó thông qua một cuốn sách nào đó. Họ sẽ say sưa đọc sách của một tác giả nào đó đến cả chục lần cũng không thấy chán, khi nói chuyện với những bạn bè đồng tu, họ sẽ có cơ hội tuôn ra những cảm xúc, ý kiến cá nhân về nhân vật mà họ thần tượng (mà đôi khi chỉ là nhân vật trong sách được nhà văn viết nên). Xuất sĩ trẻ khi chọn cho mình một pháp môn tu học (dù đó là sự "thần tượng nhất thời") thì sẽ ngày đêm ôm khư khư một loại sách. Sách cũ mèm và tuổi đời của sách có khi gấp mấy lần tuổi đời của vị xuất sĩ ấy. Nếu đã thích một cuốn sách nào đó, vị xuất sĩ trẻ sẽ dùng "thiên kiến" của mình nói về nó khi có ai hỏi đến. Nhưng, xuất sĩ trẻ đi qua quãng đường tu học của mình với người bạn già là sách, họ sẽ học được cách làm một người xuất gia thực thụ. Sẽ không lãng phí thời gian vào những việc vô bổ, tích lũy cho mình được khá khá kiến thức, lấy

đó làm hành trang cho chặng đường dài tìm về "bảo sở", mà những gì họ phải kinh qua không thể nào biết trước được.

Dĩ nhiên, người xuất gia trẻ còn có thể có những người "bạn già" khác mà đối tượng không phải như đã kể ở trên, người đó có thể là ông bà thí chủ, anh chị ruột, một "người đứng khác họ," v.v... Nhưng, dù đó là ai thì người xuất sĩ trẻ tuổi vẫn hãy sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc, bởi nhân duyên trong cuộc đời làm bạn lữ Phật pháp không dễ gì có được, đừng để qua rồi hối tiếc, sao không sống trọn vẹn với người - với đời.

Dẫu rằng cuộc đi của xuất sĩ trẻ là đầy những khó khăn và cạm bẫy, nhưng những xuất sĩ trẻ vẫn tiếp tục chọn và dẫn thân trên con đường mình đã chọn. Có những vị đủ dũng lực và chí nguyện nên luôn tự tại và thẳng tiến. Nhưng không ít vị vì một lý do nào đó trong muôn ngàn lý do có mặt trên đời, làm chướng ngại đường đi của xuất sĩ, vị ấy không còn mang trên mình chiếc áo thoát tục, đó là điều đáng tiếc. Lại vì, người xuất gia trẻ như bồ đề con mới nảy mầm, gặp bão táp mưa sa cần phải được che chắn bảo bọc và thương yêu trong tình thầy trò, huynh đệ, pháp lữ đồng học; có được vậy mới có thể lớn mạnh theo thời gian, vững ý chí. Người xuất gia trẻ phải biết chọn cho mình nơi nương tựa thật vững chắc, được vậy họ sẽ vững tâm hướng về phía trước mà không quay đầu, họa chăng nếu quay đầu để nhìn lại những gì đã qua cũng chỉ là bước đệm cho những bước tiến xa hơn trong cuộc "xuất trần" mà thôi. Tuy vậy, xét cho kỹ cùng thì như lời người "cha già" đã từng dạy: *"Cái gọi là Pháp Hữu Vi - do điều kiện tác thành - chẳng có một Pháp nào thường tại cả, hãy nương tựa vào chính mình, đừng nương tựa người khác. Nếu nương tựa người khác, chẳng bao lâu người đó cũng sẽ biến diệt đi; thời khi ấy ông sẽ không còn chỗ nương tựa nữa."* (1).

Cho nên, dù bạn là một xuất sĩ trẻ, có một người bạn già để chia sẻ những khó khăn, vấp ngã hay những phút yếu lòng - chùng bước, thì bạn cũng phải chuẩn bị cho mình một đôi cánh đủ lớn mạnh để có thể bay vút vào bầu trời cao rộng Phật pháp, làm rạng rỡ sắc màu "thích tử" ở hiện tại và cả trong tương lai.



(1) Hãy Nương Tựa Vào Chính Mình, web: Thienvienphuocson.com



TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO



CÔ LÁI ĐÒ

Ngày xưa có vị tỳ kheo
Cát am sườn núi cheo leo non ngàn
Lánh xa bụi bặm trần gian
Một lòng thiền định, đạo vàng chuyên tu
Nơi đây thanh tịnh bốn mùa
Trắng soi suối ngọc, gió lùa cửa không.
Dưới chân núi có con sông
Có đò đưa khách bênh bóng sang ngang.
Mỗi lần có dịp hạ san
Để đi hóa độ xóm làng đó đây
Thời sư phải đáp đò này
Con đò độc nhất ngày ngày lại qua,
Lái đò là một lão bà
Tay chèo còn khỏe, tuy già vẫn vui.

Một hôm hành khách tới nơi
Ngạc nhiên nào thấy tằm hơi bà già
Thay vào là một dáng hoa
Một cô thiếu nữ mặn mà xinh tươi
Duyên nét mặt, đẹp nụ cười
Hỏi ra mới biết là người phương xa
Tới đây xin với lão bà
Trước là ở trọ, sau là tiếp tay
Giúp bà đưa khách sông này
Bà nhìn người đẹp nhận ngay chẳng từ.

Thế rồi trên bến sông xưa
Khách sang đò bỗng sớm trưa rộn ràng
Thăm sư, lễ Phật, viếng am
Ngắm phong cảnh đẹp thênh thang hữu tình
Ngắm thêm cô lái đò xinh
Dáng người yếu điệu, thân hình thướt tha
Khiến cá lặn, khiến chim sa,
Êm đềm tiếng ngọc, mặn mà lời hoa,
Mãi chèo theo cánh tay ngà
Lướt trên mặt nước loang ra sóng vàng,
Sóng đưa hành khách sang ngang
Một vùng sông nước mơ màng trắng hoa.

Sáng nay sư phải đi xa
Khí sư xuống núi cũng qua đò này,
Tiền đò hành khách nơi đây
Sang sông chỉ phải trao tay một đồng,
Riêng sư khi trả tiền công
Cô đòi sư những hai đồng! Lạ thay!
Ngạc nhiên sư hỏi cô ngay:
"Sao tôi phải trả tiền này gấp đôi?"
Mím cười cô khẽ trả lời:

"Sang sông khách đáp đò tôi hàng ngày
Kể qua, người lại chôn đây
Nào đâu lạ lắm như thầy hôm nay,
Thầy vừa đáp chuyến đò này
Lại luôn nhìn ngắm tôi ngay từ đầu
Nên thầy phải trả trước sau
Gấp đôi người khác cũng đâu lạ gì!"
Sợ lời thôi, cãi làm chi
Sư đành vội trả phút đi hai đồng.
Chiều về am, phải qua sông
Sư nào dám ngó bóng hồng xinh tươi
Xuống đò ngồi khuất xa rồi
Gầm đầu, cúi mặt xuống nơi lòng đò.
Đò trôi qua bến êm ru
Kỳ này chắc lắm thầy tu hết phiền.
Nào ngờ khi khách trả tiền
Nhận xong cô lái đò liền cảm ơn,
Riêng sư cô khẽ nói thầm:
"Xin thầy trả gấp bốn lần người ta!"

Ngạc nhiên sư hỏi cho ra:
"Tại sao buổi sáng tôi qua đò rồi
Cô đòi tôi trả gấp đôi
Nói rằng tôi lỗi vì ngồi ngắm cô,
Chiều nay suốt lúc qua đò
Tôi đâu liếc mắt nhìn cô chút nào
Lòng đò tôi cứ trông vào
Cô đòi gấp bốn! Tại sao lạ đời?"
Nghiêm trang cô lái trả lời:
"Sáng nay thầy chỉ nhìn nơi phía ngoài
Nhìn bằng cặp mắt thường thôi,
Chiều nay thầy lại nhìn tôi toàn phần
Không bằng mắt, mà bằng Tâm
Tâm nhìn khắp cả châu thân trong ngoài
Cớ sao thầy lại kêu này
Lời tôi nói vậy có sai đâu nào!"

Sóng vàng chợt vỗ dạt dào
Sư nghe vừa dứt bỗng đâu bật cười
Hình như đã ngộ thêm rồi
Ngước trông sông nước êm trôi dập dềnh
Quay nhìn cô lái đò xinh
Cô đã biến mất bóng hình còn đâu!
Kể từ ngày đó về sau
Chỉ còn bà lão bạc đầu mà thôi
Mãi chèo bà lão ngược xuôi,
Con đò lơ lửng đưa người sang sông.

(phỏng theo bản văn xuôi trong
TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO)

Mưa nắng hai mùa

THU NGUYỆT



Nắng. Cái nắng làm người ta lúc nào cũng phải hấp hảy mắt, ánh sáng dư thừa đến mức dường như có thể nhìn thấy từng màng không khí xung quanh đang chuyển động như những vầng dầu trên mặt nước. Nắng. Nắng như thể mà không nóng. Ngọn núi này có điều đặc biệt như thế. Những thân cây trụi lá, khô khốc, khẳng khiu, thế nhưng khi đưa tay thử bẻ một cành nhỏ, ta sẽ bất ngờ vì sự tươi mềm của nó. Giống như cây mai mới vừa được lật lá trong những ngày sắp Tết vậy. Chỉ có cây là hiểu rõ mùa, hiểu rõ nắng mưa vốn có. Ông Núi sống trong ngọn núi này cũng thế.

Chẳng ai biết gốc gác của ông, chỉ biết là từ lâu lắm, khi mới vài người đến đây lập nghiệp, ông Núi đã sống trong hang. Chẳng ai biết ông tên là gì nên cứ gọi là ông Núi. Ông sống bằng trái, lá cây và nước suối. Một lần, có người mang đến cho ông buồng chuối chín, ông để nguyên buồng, tách vỏ, lấy ra từng trái rất khéo, buồng chuối ăn xong mà như vẫn còn nguyên. Người ta thấy vậy liền mang buồng vỏ chuối về treo giữa nhà, buồng chuối khô nguyên nhìn rất ngộ. Từ đó, dân trong vùng, nhà nào cũng chọn buồng chuối đẹp nhất, mang cúng ông rồi đem vỏ buồng chuối về nhà, treo lên nhìn ngăm ngăm như một vật thiêng.

Xóm núi lơ thơ vài căn nhà nhỏ, bình yên giữa rừng cây cổ thụ bạt ngàn. Ông Núi thỉnh thoảng đến nhà chữa bệnh cho những người trong xóm. Ông có một râu chuối rất đặc biệt, khi chữa bệnh,

ông mài những hạt chuối ra, hòa với nước cho uống đúng ba lần là khỏi bệnh. Ông ngồi bên bờ suối, giữa đá và nước, trong không khí yên ắng của rừng, chậm rãi, ung dung, nhẹ nhàng mài từng hạt, từng hạt... Nhìn dáng ngồi thanh thoát của ông khi mài chuối, người bệnh chưa uống thuốc đã thấy lành. Ông không đeo râu chuối luôn bên mình, mỗi khi vào hang, ông treo râu chuối lên vách đá. Trong xóm mỗi lần có người bệnh, đến tìm, nhìn thấy râu chuối treo trước cửa hang là biết mình được cứu.

Dân cư xóm núi ngày thêm đông đúc, cây cối thưa dần dù lắm chính sách bảo vệ tuyên truyền. Ông Núi thường xuyên đi vắng, ít chữa bệnh hơn dù người bệnh ngày một tăng. Xóm núi đông người này sinh nhiều mối quan hệ phức tạp. Núi bị chia chẻ thành nhiều mảnh sở hữu riêng lẻ kèm theo những cuộc cãi vã, xô xát bởi tranh giành. Xóm núi đặc biệt có hai nhóm họ xung khắc rất dữ: nhóm họ nhà ông Trần và nhóm họ nhà ông Phạm. Họ cùng là dân tứ xứ lưu lạc đến xóm này, cùng đốt rừng làm rẫy và cùng ra sức... oán ghét nhau bởi những quyền lợi cũng... rất cũng.

Sắp đến mùa mưa - mùa gieo hạt, lại sắp phải cãi nhau vì mấy lần ranh lăng ngoẵng trên đồi. Lòng người không đo được, nhưng vật sở hữu của người thì thứ gì cũng được cân đo đong đếm rất kỹ càng. Đất đai liên mạch, nhưng ranh giới vạch ra bởi con người thì lắm nỗi dọc ngang. Nếu đất mà nói được

thì những cục đất đang phải đội các vạch phân chia chắc nhiều tâm sự lắm!

Ông Trần ngã bệnh. Nhà họ Phạm hay tin này, còn nhanh hơn nhà họ Trần. Ở đời, có khi nỗi đau của người này lại là niềm vui của người kia một cách... chí lý!

Cách đây hơn hai mươi năm, có lần ông Trần vác phảng rượt ông Phạm chạy chí chết vì tranh nhau miếng đất gần chân núi. Lần ấy, nếu không nhờ con suối cứu mạng - vì ông Trần không biết bơi - thì chắc là suối đã đổi màu. Mảnh đất ấy cuối cùng không về tay ai cả, vụ kiện chỉ đem lại cho làng khoản đất sở hữu chung. Riêng ông Phạm "sở hữu" một mối nhục tháng ngày âm ỉ. Ông nhờ vào đôi chân và khả năng bơi lội của mình để tự bảo vệ trước nên pháp luật đâu có cơ hội để bảo vệ ông. Đôi khi ông ngồi nghĩ quẩn: Phải chi lúc ấy mình để hấn chém cho mình một phảng thì chắc chắn là hấn đã phải ngồi nghe xương mục trong tù (ông hảo hức tưởng tượng chuyện đối thủ mục xương trong tù đến mức quên luôn cái... xương của mình sau khi "tiếp chiêu" cái phảng thì nó sẽ ra sao?!)

Nghe tin ông Trần bệnh, ông Phạm ngấm ngấm đi lên hang ông Núi dò la. Không nhìn thấy râu chuối treo trên vách đá, ông khắp khối rừng thăm, nhưng không yên tâm, ông tìm một góc khuất, ngồi quan sát. Người nhà ông Trần cứ vài giờ lại đến thăm chừng xem ông Núi đã về chưa. Hai luồng ý muốn, mong mỏi khác nhau, người mong ông Núi về, kẻ mong ông Núi đừng có mặt; bên công khai, bên bí mật, nhưng cả hai đều sốt ruột, bất an và căng thẳng như nhau. Nhiều ngày trôi qua, vậy rồi ông Núi xuất hiện trong tiếng reo vui vỡ òa hy vọng và tiếng thở dài len lén thất vọng. Ông Phạm lúi thủi ra về khi ông Núi bắt đầu ngồi xuống mài hạt chuối đầu tiên.

Cơn bốc hỏa, nổi bực tức vẫn đeo đẳng theo từng bước chân ông Phạm. Ông nhớ như

in gương mặt đặng đặng sát khí và cái phảng lất loáng ánh nắng sắc ngọt của ông Trần năm xưa. Lửa căm hận trong lòng ông Phạm lại cháy. Ông cảm thấy nóng bức vô cùng. Bước chân vô tình dẫn ông đến đứng cái lối ngày trước ông Trần đã rượt đuổi ông. Con suối bắt đầu vào mùa mưa, nước chảy rất mạnh, dâng tràn khiến đôi bờ suối mỗi ngày một xa rộng thêm ra. Ông bước ào xuống suối, đưa tay đánh tung tóe trên mặt nước. Không! Ông không thể chịu đựng mãi khi ông Trần cứ mỗi lần say rượu lại huênh hoang kể lại chuyện cũ, kể lại cái "thành tích" của mình, rồi miêu tả, rồi thêm thắt đủ thứ về cái sự yếu hèn, nỗi nhục nhã của kẻ thất thế để bôi nhọ ông. Ông đã chịu đựng nhiều rồi, ông không muốn con cháu ông sau này lại tiếp tục nghe câu chuyện ấy. Tháng trước, ông suyết vác dao sang nhà liều mạng với ông Trần một phen, khi nghe thằng cháu nội đích tôn của ông mới vừa 6 tuổi, đi ngang lúc ông này đang say rượu, ông ngoắc thằng bé vô và nói với nó: "Ông nội mày là thằng hèn! Tao đã từng vác phảng rượt nó chạy thực mạng, nếu nó không lay tào đến bắt máu trán ra, thì tào đâu có tha cho nó, để làm gì bây giờ có cái mặt mày trên đời!" Câu nói này hơn hai mươi năm trước ông Trần đã nói tương tự như vậy với đứa con trai 8 tuổi của ông. Ông Phạm uất đến tím cả người. Nhục một mình ông chịu được, nhưng đến con ông, rồi đến cháu ông cũng phải chịu nhục vì ông thì ông không thể chịu đựng được nữa! Cái lão Trần ấy còn sống ngày nào là còn rêu rao, còn chọc ngoáy vào vết thương của ông, bôi nhọ ông và cả đến con cháu nhiều đời của ông nữa. Càng nghĩ ông càng căm hận. Một ý nghĩ lóe lên trong đầu, ông Phạm vội vàng bước lên khỏi suối, hối hả đi về nhà. Năm xưa, một người dân tộc đã cho ông một loại thuốc, hình như làm bằng nhựa cây hòa cùng nọc rắn gì đó, cực độc, dùng

để bôi lên đầu mũi tên khi săn thú dữ. Bao nhiêu năm qua ông chẳng dùng để làm gì, vẫn cất kỹ. Ông vạch sẵn một kế hoạch trong đầu, ông sẽ tìm cách bôi lên râu chuối của ông Núi. Để thôi mà, râu chuối ông Núi vẫn treo ở cửa hang...

Tiếng trống mõ đám ma ông Trần thỉnh thoảng lại vang lên, dội vào tim ông Phạm từng nhát khó tả. Tiếng trống mõ đi vào cả trong giấc ngủ chập chờn của ông sau hơn ba tháng kể từ ngày ông Trần mất. Ngày nào ông Phạm cũng lên hang, ngồi chờ ông Núi, chờ để lấy râu chuối mà chính tay ông đã bôi thuốc độc. Ông sợ ông Núi lại dùng râu chuối ấy để chữa bệnh cho nhiều người thì tội của ông không biết đến đâu. Nhưng ông Núi đi đâu vắng biệt. Ngày nào ông cũng sống thấp thỏm trong sự âu lo và đợi chờ và dần vật. Ông nhìn mãi lên cửa hang, đôi khi hoa mắt, ông như nhìn thấy râu chuối ẩn hiện trên vách đá, khi thì nhòe nhoẹt màu đỏ như máu, khi lại thấp thoáng gương mặt ông Trần... Tinh thần ông Phạm ngày thêm hoảng loạn. Ông gầy rộc, hốc hác, ngờ ngẩn như người mất trí.

Ông Núi rồi cũng trở về. Lấy được râu chuối, ông Phạm gói rất kỹ, giấu dưới giường và cấm tiết không ai bước lại gần. Đã giữ râu chuối, ông ngỡ rằng sẽ được bình tâm, nhưng không, bệnh tình ông ngày càng trầm trọng. Người nhà lại thay phiên đứng ở cửa hang khẩn chờ ông Núi. Cho đến một ngày, khi ông Phạm lên cơn hấp hối thì ông Núi xuất hiện cùng một râu chuối khác trên tay. Ông Phạm gượng chút sức tàn, bảo con trai và cháu nội đi ông quì xuống, định kể lại tội lỗi của mình, nhưng ông Núi đã từ tốn nói:

- Con không cần kể lại đâu. Ta còn có chuyện này để kể cho con nghe:

Sau nhiều ngày chờ đợi ông Núi trở về chữa bệnh cho mình, ông Trần nằm trên

giường mà nghe như mình đang tuột dốc, cái chân cái tay ngày nào cầm phảng rượt đuổi ông Phạm qua mấy ngọn đồi giờ đã không thể tự lần vách bước đi. Khi gần đến cái chết người ta mới thấm thía những trò phù phiếm của đời. Những ngày cuối, người mà ông nhớ đến nhiều nhất vẫn là ông Phạm...

Ông Núi đã cẩn thận mài thuốc, bưng đến bên giường ông Trần và nói: "Thật ra, bệnh của con đã đến hồi không cứu được nữa rồi, nhưng nếu con còn muốn sống để tiếp tục cái nghiệp mà từ lâu nay con đã gieo với nhà họ Phạm, thì con hãy uống chén thuốc này." Nhìn gương mặt hiền hòa thanh thoát diệu kỳ của ông Núi, ông Trần như người chợt tỉnh cơn mê. Ông Trần đã không uống. Chén thứ nhất, rồi chén thứ hai (là chén mà ông Phạm định ninh được mài từ râu chuối tẩm độc) rồi chén thứ ba... Ông Trần vẫn không uống, mặc cho người nhà vật vã khóc than nài nỉ.

Ông Phạm nở một nụ cười nhẹ nhõm, trút hơi thở sau cùng trong ánh nhìn từ bi, bao dung của ông Núi. Dù chỉ là một ánh nhìn, nhưng cũng đủ làm thành một hành trang quý, nếu người ra đi biết trân trọng xếp nó vào trong hành lý của mình.

Mùa mưa qua rồi, con suối chảy nhẹ nhàng hơn và gần lại đôi bờ. Nắng. Trời lại nắng, và những thân cây trụi lá tiềm ẩn trong mình những nụ non xanh vẫn sẵn sàng cho một mùa lộc mới, chỉ cần có nắng có mưa.



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



TÔNG TÂM TƯỚNG SANH

Trong giờ ăn có vị Phật tử phàn nàn:

- Chùa hay kho đồ cũ? đồ vật hư hao, dư thừa người ta chở đến bỏ đây gọi là cúng chùa.

Thầy cười nhả nhận:

- Chùa nghèo mà con, thôi thì cũ người mới ta, cũng còn xài được đỡ phải tốn tiền mua sắm!

Có người lại thắc mắc:

- Ở đời sao thấy đa phần là người nghèo khổ, bất hạnh, nhiều tai ương... người thật sự sung sướng không có là bao?

Thầy bảo:

- Con cứ quán sát xem trong một ngày cái niệm thiện nhiều hay ác nhiều, tâm tư lời nhiều hay vị tha nhiều... thì con biết vì sao.

GIỎI VIỆC NGOÀI QUÊN VIỆC TRONG

Anh là tay giám đốc trẻ quản lý công ty mấy trăm người. Anh tự hào mình chu đáo:

- Tôi biết rõ tính cách, gia cảnh... từng công nhân.

Hôm nọ vợ anh bận việc nhờ anh chăm sóc mấy đứa con, chiều chị về anh khoe:

- Mấy đứa lớn ăn, ngủ ngoan riêng thằng út dễ tợn, la khóc... không chịu vô nhà anh phải kéo vào nhốt phòng riêng.

Chị vợ tất tả chạy vào xem rồi hốt hoảng lên:

- Trời đất! Thằng này con hàng xóm đầu phải con mình.

Nói xong mang thằng nhỏ đi trả, tối nằm bên chồng thủ thiếp ý vị:

- Anh giỏi bên ngoài mà quên mất ở trong.

CHỊ EM GIẬN NHAU

Chị em gần bó nhau mấy mươi năm, vậy mà hôm kia cò người xấu tánh đem pha thể là chị em lời qua tiếng lại rồi sanh giận nhau:

- Chị nói thể là xúc phạm và coi thường tôi, từ rày phần ai nấy lo, không chị em gì nữa!

Người kia phân trần:

- Tôi không có ý đó, chẳng qua lỡ lời và ai đó thêm mắm dặm muối mà!

Một hôm lên chùa hai người thấy bài thơ treo trên vách:

"Phải rằng ta đúng người sai?"

Lời qua tiếng lại rạch hai cõilòng

Thắng thua kết cuộc là không

Chắc gì mai lại gặp trong đất trời"

Hai người cùng đưa mắt nhìn nhau.

LONG CUNG CÓ BIẾN

Nghe tin Đông Hải Long Vương bị hạ độc, các vị huynh đệ đến thăm. Họ bàng hoàng trước cảnh toàn bộ thủy tộc chết sạch, long cung như bãi tha ma, chất độc còn nồng nặc trong nước. Họ bèn lên thiên đình báo cáo:

- Đông Hải bao đời nay vô sự vậy mà giờ bạn ác nhân hạ độc, thảm họa diệt chủng kinh hoàng!

Ngọc Hoàng mắt đỏ hoe:

- Ta đã biết rồi, sự tàn độc rất dã man. Bọn ác tham lam và ngu si rất khó hồi tâm, các khanh hãy tinh tấn hơn nữa để tự hộ thân, hộ vật.

CHẲNG CHỊU THÂN DÂN

Nước Kiệt phen giàu ngã nghiêng, lòng dân ly tán, quốc kế dân sinh bất an vậy mà triều đình cứ xa hoa phê phỡn chẳng lo lắng lại còn chia bè kết cánh, tìm chỗ dựa lưng. Nhóm thì chạy qua Tây, bọn nọ cầu bên Đông. Có vị chí sĩ bị người ta gán cho là gàn, là kẻ phá hoại ra giữa phiên chợ ở kinh mà khóc:

- Thân Đông, thân Tây mà chẳng chịu thân dân!

BẾ DÂU

Chợ Cây da xôn xao đồn có người rà sắt lấy được buồng cau vàng (*), thể là người ta lên gò Yến đào tung hết mà Hời để lấy vàng. Tương truyền xa xưa đây là hành cung của vua Chiêm. Chế chủ hận vì mất hai Châu nên đem binh đánh Thăng Long nhưng rồi cũng từ ấy mà suy vong. Người ta bảo rằng có những đêm trăng ma Hời ní non hát trên gò:

Đỗ Bàn đây phiến rêu xanh

Mưu đồ vương bá lụy thành phế phong

Thương cho quốc chủ nhọc lòng

Bế dậu đã lằm người không thấy người

(*) Từ Trà Kiệu đến Đỗ Bàn người Chiêm có hai thị tộc chính là Cau và Dừa, họ thường dùng vàng đúc Cau, Dừa để thờ cúng (totem).

STEVEN N

Atlanta, mùa hạ 2016



Đại Hội Khoáng Đại Kỳ 2 của GHPGVNTNHK Thành Tựu Viên Mãn

FREMONT, CALI. -- (Bình Sa VB) Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II, Nhiệm Kỳ III (2016-2020) của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã diễn ra trong 3 ngày từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 6 năm 2016 tại Niệm Phật Đường Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ do Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Viện Chủ Niệm Phật Đường Fremont, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK là Trưởng Ban Tổ Chức, đã thành tựu viên mãn.

Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II đã quy tụ 108 Đại Biểu gồm các thành viên của hai Hội Đồng thuộc GHPGVNTNHK, chư tôn đức giáo phẩm đại diện GHPGVNTN tại các châu lục và quốc gia, cùng với nhiều quan sát viên, bao gồm chư tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ và Huynh trưởng GDPT từ các tự viện, tịnh xá, tu viện, Phật học viện, trung tâm văn hóa Phật giáo, tịnh thất, niệm Phật đường, các tổ chức hội đoàn Phật giáo và Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ.

Lễ khai mạc chính thức diễn ra vào lúc 11 giờ sáng Thứ Bảy ngày 11 tháng 6 năm 2016

với sự tham dự của chư tôn đức Tăng, Ni và Cư Sĩ thành viên trong 2 Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành. Thân lâm tham dự Đại Hội còn có HT. Thích Bảo Lạc, Hội Chủ và HT. Thích Quảng Ba Phó Hội Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan.

Chương trình khai mạc bắt đầu với phần nghi thức chào quốc kỳ Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Phật Giáo và phút nhập tử bi quán do Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành, làm MC điều hợp.

Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Trưởng Ban Tổ Chức, đã hoan hỷ chào mừng tất cả chư tôn đức Tăng, Ni và quý cư sĩ về tham dự Đại Hội đông đủ. Hòa Thượng kể lại sự lo lắng và nhiệm mầu của Phật Pháp trong việc tổ chức Đại Hội này. Hòa Thượng nhấn mạnh khi phát khởi thiện tâm thì mọi Phật sự đều thành tựu.

Trong diễn văn khai mạc, Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch HĐĐH, đã đề cập tổng quát quá trình hình thành và sinh hoạt của Giáo Hội từ lúc thành lập vào tháng 9 năm



Photos by Bình Sa

2008 đến nay. Hòa Thượng cũng đã tưởng niệm và nhắc đến công đức đóng góp lớn lao của chư tôn đức Giáo Phẩm Tăng, Ni và quý cư sĩ Phật tử cho sự vững mạnh của Giáo Hội.

"Giáo Hội có được như ngày hôm nay và thành tựu được nhiều Phật sự rất đáng vui mừng cũng là do sự đóng góp của tất cả chúng ta, từ chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, chư vị cư sĩ Phật tử, các anh em trong tổ chức Gia đình Phật tử cũng như toàn thể Phật tử các giới đã ủng hộ, yểm trợ những mục tiêu và sinh hoạt của Giáo Hội chúng ta. Thay mặt Giáo Hội, chúng tôi xin thành tâm tán thán công đức và niệm ân tất cả mọi sự đóng góp và yểm trợ đó."

Trưởng Lão HT. Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, GHPGVNTN/HK trong Đạo Từ đã nói rằng, "Đại Hội Khoáng Đại hôm nay là dòng sông lớn cho tất cả mọi giới của Phật giáo Việt Nam tụ hội. Để từ đó, chúng ta tay trong tay cùng chèo con thuyền giáo pháp trên quê hương mới này. Phật giáo Việt Nam Bốn mươi năm qua đã nỗ lực không ngừng để hội nhập và phát triển trên đất nước Hoa Kỳ. Những di biệt về văn hóa, tín ngưỡng, tập quán ở Mỹ là nguồn cảm hứng sáng tạo, năng động và tiếp thể cho Phật giáo Việt Nam để vươn lên. Do vậy, sự tụ hội của chúng ta là một cần thiết để san sẻ và hun đúc tinh thần của sứ giả Như Lai."

Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hội Chủ GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, đã bày tỏ lòng hoan hỷ khi được tham dự Đại Hội. Hòa Thượng cũng đã nhắc đến mỗi đạo tình Linh Sơn Cốt Nhục của chư tôn đức Giáo Phẩm trong các GHPGVNTN các châu lục, vì

nhờ đạo tình đó mà giữ gìn được đạo phong sáng chói và cùng phát huy hiệu quả mọi Phật sự làm lợi lạc cho quần sinh.

Buổi sáng Thứ Bảy, ngày 11 tháng 6, Hội Đồng Giáo Phẩm đã có phiên họp đặc biệt để duyệt xét chính sách và nhân sự của Giáo Hội, trong đó có quyết định lưu nhiệm toàn bộ nhân sự của Hội Đồng Điều Hành cũ và bổ sung thêm nhiều vị khác vào các chức vụ cần thiết.

Đại Hội được tiến hành sau đó với phiên họp tiền hội nghị duyệt xét chương trình, chuẩn bị nhân sự cho Chủ Tọa Đoàn, Thư Ký Đoàn, Thuyết Trình Đoàn và Kiểm Soát Đoàn cho 5 phiên Khoáng Đại diễn ra trong 2 ngày 11 và 12 tháng 6.

Phiên Khoáng Đại I dành cho phần phúc trình Phật sự của Văn Phòng Thường Trực, các Tổng Vụ và phần báo cáo tài chánh thu chi của Tổng Thủ Quỹ Hội Đồng Điều Hành.

Phiên Khoáng Đại II là phần Tu Chính Quy Chế của Giáo Hội để đáp ứng với nhu cầu thêm thành phần nhân sự và mở rộng hoạt động của Giáo Hội.

Khoáng Đại III và IV dành cho phần thuyết trình và thảo luận các đề án Phật sự sắp tới.

Khoáng Đại V là thời khắc quan trọng trong việc thỉnh cử và công bố thành phần nhân sự của Hội Đồng Điều Hành Nhiệm Kỳ 3 cũng như quyết định về việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561 và An Cư Kiết Hạ năm 2017, đồng thời Đại Hội thông qua Quyết Nghị.

Quyết Nghị của Đại Hội gồm 18 điểm như sau:

(mời xem Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ 2, Nhiệm kỳ III (2016-2020) nơi trang 14 & 15, số báo này)

Lễ bế mạc đã diễn ra vào lúc 6 giờ chiều Chủ Nhật, ngày 12 tháng 6 với phần tham dự của tất cả Đại Biểu.

Được biết sau khi bế mạc Đại Hội, quý chư tôn đức Tăng Ni tiếp tục tham dự khóa An Cư 2016 được tổ chức vào ngày 13 tháng 6 năm 2016 và kết thúc vào ngày 23 tháng 6 năm 2016 cũng tại Niệm Phật Đường Fremont do HT. Thích Thái Siêu bảo trợ. Tham dự khóa An cư có khoảng 220 chư tôn đức Tăng, Ni. Đây là một trong những Khóa An Cư có sự tham dự đông đảo nhất của Tăng, Ni từ trước tới nay do GHPGVNTNHNK tổ chức tại Hoa Kỳ.



Photos by Bình Sa



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ: LỢI LẠC TRONG NĂNG LỰC TU TẬP CỦA ĐẠI CHÚNG

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

Chụp hình chung tại Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Kỳ Lần Thứ 5,
San Diego 2015 (hình www.hoavuu.com)

Thế giới này dường như ngày càng bất an bởi nhiều thiên tai và nhân họa quá! Mà chẳng phải đức Phật đã từng dạy trong Kinh Pháp Hoa rằng, “Tam giới bất an do như hỏa trạch,” [ba cõi bất an như ngôi nhà lửa] đó sao!

Nhiều người chỉ mong muốn được sống bình an mà cũng không thể! Hàng triệu người dân vô tội tại các nước Syria, Iraq, Afghanistan, Yemen, Ai Cập, Palestine, v.v... dù hoàn toàn không muốn vẫn bị chết oan hay thương tật cả đời do đạn lạc tên rơi nơi chiến trận, do nổ bom tự sát, do thù hận bắn giết nhau. Hàng trăm ngàn người chạy trốn giặc giã, bom đạn, khủng bố phải lặn vào cảnh không cửa không nhà mà cũng vẫn chưa yên thân, vẫn bị đuổi xuối, đuổi ngược. Lại nạn động đất, núi lửa, sóng thần chết bất đắc kỳ tử. Người dân California há chẳng phải đã được các cơ quan địa chấn cảnh báo từ mấy năm nay rằng họ đang sống ngay trên những đường nứt của vỏ trái đất sẵn sàng cho một trận động đất lớn cỡ từ 7 đến 8 độ Richter có thể xảy ra bất cứ lúc nào ngay từ bây giờ hay sao? Rồi hạn hán trầm trọng nhiều nơi trên thế giới làm thực phẩm khan hiếm khiến hàng trăm triệu người đến miếng cơm manh áo cũng không có đủ.

Chúng kiến hoặc nghe các thảm họa không lường trước được như thế, chúng ta không khỏi cảm nhận rằng cuộc sống của mình, dù đang ấm no sung túc vẫn không có gì đảm bảo cho ngày mai sẽ còn được như hôm nay. Chỉ sau một đêm thì mọi thứ đều có thể vô thường đổi khác. Nói một đêm là nói tương đối chứ vô thường thì diễn ra trong từng sát na.

Có phải người viết bị quan quá chăng? Có lẽ có người cười cho rằng bộ người viết già lắm rồi sao mà giọng đây tiêu cực thế? Có bạn búa

môi, gì đâu mà phải nói dữ vậy, cuộc đời vốn đã khổ rồi, đừng rót thêm những lời bi ai vào nữa chứ! Hoặc cũng có người bình thản hơn cho là, thì cũng chính vì vậy nên mới phải tỉnh thức và sống an lạc trong từng sát na, từng giây phút quý giá của cuộc đời.

Thực sự đó không phải là ảo tưởng hay phóng đại của người viết. Đó là hiện thực xảy ra từng ngày, từng giờ trên hành tinh này.

Nhưng từ hiện trạng đó cho chúng ta nhận thức được rằng những bất an phô diễn ra bên ngoài cuộc đời mà chúng ta gánh chịu nhiều hay ít, trực tiếp hay gián tiếp đều bắt nguồn từ chính những bất an trong tâm thức của con người, của mỗi chúng ta. Hay nói theo nhà Phật, y báo không trang nghiêm là do chánh báo không trang nghiêm. Y báo là thế giới chung quanh, là môi trường sống của chúng ta. Chánh báo là thân tâm của chúng ta.

Khi tâm mình chưa an thì mình sẽ cảm nhận môi trường sống xung quanh mình bất an. Khi tâm mình bất an thì mình sẽ làm môi trường sống của mình bất an theo. Cái gì là bất an trong tâm? Vô minh, phiền não, tham lam, sân hận, si mê, v.v... là những thứ bất an tiềm tàng hay biểu hiện ra trong tâm. Khi nào tâm mình còn bị ô nhiễm bởi những mầm móng bất an đó thì dù mình sống ở đâu, thời đại nào mình cũng làm cho môi trường sống ở đó bất an theo. Bất an đó một khi đã tiềm nhiễm vào cộng đồng xã hội thì tất cả chúng ta dù muốn hay không cũng phải bị ảnh hưởng theo. Vì cộng nghiệp xã hội cho nên con người thường trực bị những tâm thức bất an khác, dù không phải của mình, làm cho bất an và đau khổ theo.

Muốn thay đổi cộng nghiệp bất an này là

vô vàn khó khăn. Cho nên đức Phật dạy, "Chúng sinh kiên cường khó độ," là vậy. Bởi thế để có thể chuyển hóa cộng nghiệp bất an của nhân loại thì điều đầu tiên và khả dĩ nhất mà một cá nhân có thể làm được là tự chuyển hóa những bất an của chính mình. Chuyển hóa bất an trong tâm mình là học, nghiên cứu và hành trì theo lời Phật dạy để giảm trừ hay diệt trừ tham lam, sân hận và si mê của chính mình. Khi tâm mình bớt tham, sân, si thì mình sẽ cảm nhận môi trường sống chung quanh bớt bất an và khổ não.

Tham dự những khóa tu học Phật Pháp, như Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 6 sắp tới đây, là điều rất cần thiết để trang bị cho mình kiến thức và nội lực tu tập Phật Pháp để có thể chuyển hóa bất an của chính mình.

Nhưng tu Phật thì ở nhà một mình tu cũng được cần gì phải đến Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ, có người nghĩ thế. Lại nữa, chùa nào cũng tổ chức các khóa tu hàng tuần, hàng tháng hay thậm chí giảng kinh Phật hàng đêm, thì cần gì đến Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ.

Thưa, có khác chứ. Dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ có khác với những khóa tu, buổi giảng tại mỗi chùa. Khác ra sao? Xin nêu ra vài điều để cùng suy nghiệm như sau.

Thứ nhất, ở chùa thì chỉ có mỗi vị Thầy Trụ Trì, hay vài ba vị Thầy, Sư Cô thay phiên nhau giảng, hướng dẫn. Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ thì có hàng chục Thầy, Sư Cô từ nhiều nơi về giảng và hướng dẫn tu tập. Đến tu học một chỗ mà có thể nghe pháp được nhiều Thầy, Sư Cô luân phiên nhau giảng Phật Pháp là cơ duyên khó gặp.

Thứ hai, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ có nhiều chương trình tu học, nào là tụng kinh, nghe pháp, kinh hành, niệm Phật, công phu, ngồi thiền, nào là thảo luận Phật Pháp, trao đổi sự hiểu biết và cách tu tập Phật Pháp với nhiều người gồm quý chư Tăng, Ni, quý cư sĩ. Một lần đi dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ chúng ta sẽ thu hoạch được nhiều lợi lạc kiến văn Phật Pháp, tu tập tâm linh mà không phải ở đâu cũng có được.

Thứ ba là cùng tu và học với một hội chúng đông đảo lên tới khoảng năm sáu trăm vị gồm chư Tăng, Ni và Phật tử. Khi cùng tu học với một hội chúng đông đảo như thế chúng ta sẽ cảm nhận được nguồn năng lực tâm linh đặc biệt khác với khi tu học một mình hay chỗ ít người. Thí dụ, khi vào chánh điện của Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ mỗi tối hay mỗi sáng để ngồi thiền, lúc đầu chúng ta nhìn thấy năm sáu trăm vị cùng có mặt, sau đó, đèn tắt, vị hỗ chung cất lên rồi sau mấy tiếng chuông là sự im lặng một cách kỳ diệu, im lặng như chỗ không người. Lúc đó chúng ta sẽ cảm nhận được mình đang lắng sâu vào biển cả thanh tịnh của đại chúng, hay tâm mình đang thể nhập vào định lực của đại chúng. Cảm nhận được như vậy, mình sẽ thấy nội lực tu tập của mình gia tăng lên một cách không ngờ.



Quang cảnh trong Chánh Điện của Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 5 tại San Diego 2015 (hình www.hoavouu.com)

Cuối cùng và quan trọng nhất là khi tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ chúng ta phải ở một chỗ trong khách sạn và không được đi ra ngoài, trừ bệnh hay duyên sự đặc biệt. Điều này rất quan trọng cho sự tu tập mà chỉ những ai tham dự mới cảm nhận được. Quan trọng ở chỗ nào? Có 2 điều lợi lạc lớn lao.

1/ Khi quyết định dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ thì chúng ta đã biết và chấp nhận việc ở lại một chỗ suốt mấy ngày của Khóa Tu, nên chúng ta cũng sắp xếp mọi chuyện cá nhân và gia đình đâu đó ổn thỏa. Nghĩa là chúng ta tự dọn dẹp sạch sẽ những ràng buộc, chi phối, phiền não của đời sống thế sự và buông xả hết để đi tu. Đó là sự chuẩn bị tâm lý rất hữu ích và cần thiết cho người tu tập. Bằng cái tâm buông xả nhẹ nhàng và trống trải như vậy để tham dự khóa tu thì ngay lúc đó chúng ta đã có lợi lạc tâm linh rồi chứ không cần đợi đến khi vào Khóa Tu. Nếu chúng ta tham dự khóa tu mà có thể ra vô, chạy tới chạy lui tự do thì chúng ta không thể chuẩn bị cho mình cái tâm lý trong sạch trống trơn như vậy được.

2/ Khi chúng ta đã vào Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ và biết rằng mình phải ở luôn tại đó trong suốt mấy ngày tu học thì trước nhất cái tâm của chúng ta không nghĩ đến chuyện gia đình, công việc, xã hội, hay đủ thứ linh tinh ngoài đời khác mà chỉ nghĩ đến chuyện học Phật Pháp và tu tập. Cái tâm này sẽ giúp cho chúng ta giữ được sự thanh tịnh, sự lắng đọng, sự buông xả trong suốt Khóa Tu Học. Thứ đến, khi chúng ta chỉ ở một chỗ mà không đi ra vô thì chúng ta có thể tham dự được tất cả những chương trình tu học của Khóa Tu. Hơn nữa, nhờ không đi ra vô mà chúng ta có thể tập trung tâm trí để tiếp nhận Giáo Pháp một cách trọn vẹn do chư Tăng, Ni truyền trao. Và chúng ta cũng sẽ không bị xao lãng trong những thời khóa niệm Phật, tụng kinh, ngồi thiền, thiền hành, v.v... Nói chung là có vô số điều lợi lạc.

Ngoài ra, các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ của những năm trước đây được chư tôn đức

Tăng, Ni đạo cao đức trọng và uy tín lớn đến chứng minh, hướng dẫn và giảng dạy Phật Pháp như Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, HT Thích Phước Thuận, HT Thích Nguyên An, HT Thích Nguyên Trí, HT Thích Thái Siêu, HT Thích Nguyên Hạnh, HT Thích Minh Tuyên, HT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Bốn Đạt, HT Thích Minh Hối, HT Thích Thông Hải, HT Thích Phước Tịnh, HT Thích Thiện Long, HT Thích Minh Dung, HT Thích Nhứt Huệ, TT Thích Tâm Hạnh, TT Thích Đồng Trí, TT Thích Tâm Hòa, TT Thích Nhật Trí, TT Thích Minh Hạnh, TT Thích Tâm Thiện, TT Thích Nguyên Tâm, TT Thích Nguyên Thông, TT Thích Thông Triết, TT Thích Đức Trí, TT Thích Thông Lý, TT Thích Hải Chánh, TT Thích Nhật Châu, TT Thích Nhuận Dung, TT Thích Tâm Thành, Sư Cô Thích Nữ Thiện Ngọc, chư Đại Đức Thích Tín Mãn, ĐĐ Thích Hạnh Tuệ, ĐĐ Thích Pháp Tánh, và chư Thượng Tọa, Đại Đức, Ni Sư, Sư Cô khác... Năm nay, theo nhệ vị Ni Sư Trưởng Ban Tổ Chức Thích Nữ Giới Châu và Thích Nữ Nguyên Thiện, đặc biệt còn có sự tham dự giảng dạy của Ni Trưởng Thubten Chodron là vị giáo sư rất nổi tiếng tu theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, là đồng tác giả với đức Đạt Lai Lạt Ma Đồi Thứ 14 trong cuốn sách "Buddhism, One Teacher, Many Traditions." Cùng tham dự với Ni Trưởng Thubten Chodron có khoảng vài chục Phật tử người Mỹ cũng đến tu học trong Khóa Tu năm nay.

Bằng tất cả những chuẩn bị và thiện duyên như thế chắc chắn sau mấy ngày tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ mỗi người tham dự sẽ tiếp nhận được nhiều lợi lạc trên con đường tu học Phật Pháp của mình.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 6 sẽ được tổ chức ngay tại Little Saigon, nói chính xác là tại Thành Phố Costa Mesa, Nam California, Hoa Kỳ, từ Thứ Năm, ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến Chủ Nhật, ngày 24 tháng 7 năm 2016.

Có thể liên lạc về những Chùa sau đây để ghi danh và biết thêm thông tin về Khóa Tu Học.

Chùa An Lạc: 5249 E. 30th. Street, Indianapolis, IN 46218 - (317) 545-1234;

Chùa Huyền Không: 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - (408) 824-5696;

Chùa Lam Viên: 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - (832) 328-7825;

Chùa Quang Minh: 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233 - (303) 350-7252;

Thiền Tịnh Đạo Tràng: 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 - (714) 266-4171.

Hoặc vào link sau đây để lấy đơn ghi danh: <http://hoavouu.com/a40797/khoa-tu-hoc-phat-phap-bac-my-lan-6>



LẠY TẠ THÂM ÂN

(Kính dâng Sư Ông thượng Nguyên hạ An, Viện chủ Cổ Lâm Pagoda)

*Trời vẫn gió không ngừng chuyển động
Tuyết vẫn rơi trắng xóa đất trời
Nâng lên cao trên cành cây ngọn cỏ
Cổ Lâm này muôn thuở hiền ngang.*

*Người nhỏ giọt mồ hôi nước mắt
Mảnh đất này lay tạ thâm ân
Cho núi đồi cây trái đơm bông
Xin cúi đầu thành tâm đánh lễ.*

*Trên chánh điện hương trầm quyện tỏa
Đức Phật từ bi miệng mỉm cười
Quan Âm Địa Tạng chư bồ tát
Lịch Đại Tổ Sư thể thể truyền.*

*Từng bước chân thiền hành cõi Phật
Thanh tịnh trang nghiêm nhập Niết Bàn
Ta La Song Thọ hăng ghi dấu
Thi Na Ấn Độ vẫn ngời vang.*

*Từng cảnh đẹp công người vất vả
Suốt một đời tận tụy bao dung
Hiến thân này vũ trụ bao la
Nguyện đạo pháp trường tồn bất diệt.*

*Xin Phật Tổ chứng lòng con trẻ
Quán âm Bồ Tát bất khả nghi
Hộ trì Viện Chủ mãi bình an
Pháp thể kính an hằng thanh tịnh.*

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Từ sự kiện Formosa Hà Tĩnh "TRUNG QUỐC HÓA" VIỆT NAM

Mạnh Kim

Trong một bài viết, giáo sư-tiến sĩ Canada gốc Hoa, Khương Văn Nhiên (Wenran Jiang; Đại học Alberta), nhận xét: "Các công ty Trung Quốc trả lương thấp lại buộc công nhân làm việc thêm giờ; làm thế nào người ta kỳ vọng họ đối xử khác như thế ở nước ngoài? Với 6.700 công nhân mỏ than chết bởi tai nạn hầm mỏ mỗi năm (17 người/ngày)..., làm thế nào người ta có thể hy vọng các doanh nghiệp Trung Quốc hành xử tử tế hơn đối với những nơi khác trên thế giới?... Trung Quốc đang tàn phá nghiêm trọng hệ sinh thái nước họ trong quá trình hiện đại hóa cực nhanh; làm thế nào người ta có thể hy vọng họ ý thức áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường theo chuẩn phương Tây ở những nơi khác?"

Cùng với việc xuất khẩu lực lượng lao động, xuất khẩu hàng hóa, "xuất khẩu" lực lượng lao động thất nghiệp trong nước..., Trung Quốc còn "xuất khẩu" cả văn hóa bê bối và bất lương trong đầu tư-kinh doanh. Bất cứ nơi nào đến, họ cũng tàn phá và hủy diệt môi trường theo cách hết như họ đối xử với con người và môi trường ở đất nước họ. Những chuyện "truyền kỳ" như thế đã chẳng còn lạ. Ở những nước như Việt Nam, nơi có hệ thống luật môi trường lỏng lẻo (tương tự Trung Quốc) và không đủ sức kiểm soát luật đầu tư ngay tại chính đất nước mình, tai họa mà Trung Quốc mang đến tất nhiên luôn thảm khốc.

Các nước châu Phi đã khóc ròng với những cuộc tàn phá môi trường của giới đầu tư Trung Quốc. **Chinafication** (Trung Quốc hóa) là thuật từ phổ biến để chỉ làn sóng đầu tư toàn cầu của Trung Quốc. Điều đáng nói là không quốc gia nào giống Việt Nam khi nói đến những ảnh hưởng tiêu cực mà Trung Quốc mang lại. Không quốc gia nào chịu ảnh hưởng khủng khiếp của hiện tượng "Chinafication" bằng Việt Nam. Tại sao?

Không quốc gia nào tự trói dân tộc mình với một nước khác bằng "phương châm 16 chữ vàng và tinh thần bốn tốt." Không chính phủ tỉnh táo và khôn ngoan nào lại cúi mình để mang chủ thuyết ngoại lai về làm chủ thuyết chính trị cai trị đất nước. Chẳng dân tộc liêm sỉ nào lại tôn sùng một "kim chỉ nam" khai sinh từ một kẻ ngoại quốc như Mao Trạch Đông. Hậu quả của chính sách vĩ mô về quan hệ Trung Quốc-Việt Nam nói chung, không phải bây giờ, mà từ thập niên 1940, cuối cùng đã

biến Việt Nam thành một phiên bản của Trung Quốc. Bất kỳ cái xấu nào xuất hiện ở Trung Quốc, từ gian lận bằng cấp, buôn gian bán dối, đầu độc con người, bắt tin và tàn ác, đạo đức suy bại, tham nhũng hệ thống, buôn thần bán thánh..., đều có y hệt tại Việt Nam. Trung Quốc "xuất khẩu" rất nhanh những điều tồi tệ vào Việt Nam và Việt Nam tiếp nhận rất nhanh những điều tồi tệ từ Trung Quốc. Việt Nam đang bị khủng hoảng nhập siêu từ Trung Quốc. "Khủng hoảng nhập siêu" cả những thuật từ mà Bắc Kinh thường dùng, từ "thế lực thù địch" đến "diễn biến hòa bình." Cản cước định tính của dân tộc Việt, nếu không được "cấp" hoặc được sao chép từ Trung Quốc, thì cũng đang bị chính đất nước này can tâm đốt đi, thiêu rụi cùng với lịch sử ngàn năm từng tự hào không bị đồng hóa bởi giặc phương Bắc.

Vấn đề không chỉ là những con cá chết do Formosa Hà Tĩnh gây ra. Cái chết của một dân tộc đang mất gốc mới là điều đáng suy nghĩ và lo âu. Rồi sẽ có những "Formosa Hà Tĩnh" khác. Rồi sẽ có những kỳ "Đền Hùng thất thủ" tiếp theo. Một quốc gia không có cản cước luôn đi rất nhanh đến vực sụp đổ mà người ta thấy rõ nhất ở cách mà con người sống và hành xử. Một đất nước đã tự đánh mất định tính dân tộc khi chấp nhận dùng hệ thống định tính khác để quy chiếu và áp dụng thì sự lệ thuộc và ảnh hưởng là điều không thể tránh khỏi. Nếu không đủ dũng khí và can đảm tự cởi nút thông lưng khỏi cái giá treo cổ lưng lửng "16 chữ vàng," dân tộc này sẽ còn lại gì, ngoài mớ tro tàn của mảnh cản cước bị thiêu?

Nguồn:

<https://www.facebook.com/nguyen.manhkim/posts/10154436628279796>



NHẬN DIỆN

(Nhân đọc bài "Hãy yêu như chưa yêu lần nào" trên báo CP số 54, ngẫu hứng làm mấy vần thơ gửi tặng tác giả Toại Khanh)

Sao thấy bóng người khuất khỏi sương?
Ngu ngơ đi giữa cõi vô thường
Tâm Không thoát khỏi thân ràng buộc
Tình chẳng vượt ngoài ý vẩn vương
Dầu hướng lên trời lo địa ngục
Chân lê dưới đất mộng thiên đường
Thấp cao, ôi cũng phù vân cả
Tàn cuộc chơi còn một nắm xương.

Đọc thơ Bùi Giáng ngậm ngùi thương
Đã trót sinh nhằm đời nhiều nhương
Sóng vui, gió dập, luôn nghiêng ngửa
Nắng táp, mưa sa mãi giải dẫu
Thi sĩ, thiền sư khổ ngang nhau
Chịu chung ách nạn cuộc bể dâu
Tuệ Sỹ an nhiên trong chánh định
Bùi Giáng vào đời đắm lệ sầu.

TIẾNG CHUÔNG CHÙA

Ngân nga đêm vắng tiếng chuông chùa
Động bóng trăng vàng theo gió đưa
Lay tỉnh người khôn còn đắm mộng
Giải kẻ mê dại vẫn nằm mơ
Thương đời lòng bổng vang muôn tiếng
Vĩ Đạo, tâm Không vọng mắt còn
Trầm lắng đưa ta vào quán niệm
"Hỏi mình hết lấm bụi trần chưa"?

AN NHIÊN TỰ TẠI

Con chim hoàng yến trên cành
Nghiêng nghiêng mỏ trắng ngược nhìn trời cao
Mặc cho gió rít mưa gào
Lú lo tiếng hót gọi chào khoảng không.

Trâu đang ăn cỏ bên đồng
Trưa hè nắng cháy an lòng nằm nhor
Đuôi dài phe phẩy thanh thoi
Lim dim đôi mắt nhìn đời đảo điên.



LÁ RƠI

Chiều nay chiếc lá trên cành
Cuốn theo chiều gió mà đành xa cây
Lá bay chao đảo lá bay
Biết rơi về cội hay ngoài trời xa
Thương thay chiếc lá thu già
Gửi thân cho gió biết là về đâu?
Lưng trời đang vút cnh cao
Bồng dêu chũi xuống lọt vào giếng sâu
Lá rơi thắm nhả nhủ người
Xuân xanh mấy chốc cũng rồi tàn phai
Tử sinh, vinh nhục ở đời
Cầm bằng chiếc lá giữa trời gió bay
Tôi liền vớt lá trên tay
Cảm thương đời lá xót thay phận mình.

thơ **DIỆU VIÊN**



KHOAI LANG

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Khoai lang là món rất quen thuộc với người Việt Nam, một món ăn bình dân, rẻ tiền, rất dễ kiếm, nhưng cũng là một món ăn rất bổ dưỡng và có tác dụng trị bệnh. Khoai lang (sweet potato) còn có tên gọi khác như cam thự, hồng thự hoặc phan thự. Sau đây là một số kiến thức về khoai lang.

Giá trị dinh dưỡng

Khoai lang không có chất béo và cholesterol, nhưng chứa một lượng lớn beta carotene, sinh tố A và C, sinh tố B 5 hay pantothenic acid, khoáng chất kali và chất xơ.

Một củ khoai lang nướng có 117 calorie, 2gr chất đạm, 28 gr carbohydrat, 32 mg calci, 63 mg phospho, 0,5 mg sắt, 400 mg kali, 3 g chất xơ, 750mcg sinh tố A, 30 mg sinh tố C, 8 mg sinh tố B 1.

Công dụng y học

Theo một số nghiên cứu thì khoai lang có nhiều sinh tố B5 và beta-caroten, nên được coi như có nhiều tác dụng y học tốt.

Sinh tố B 5 giúp cơ thể chống mệt mỏi vì những căng thẳng (stress), cho nên còn được gọi là "sinh tố chống stress" qua việc thúc đẩy các quá trình chuyển hóa carbohydrat, chất đạm và chất béo.

Vitamin này kích thích nang thượng thận, làm tăng sự biến hóa căn bản, tạo ra năng lượng từ chất béo, chất carbohydrat; làm da bớt nhăn và làm chậm sự lão hóa; làm hệ thần kinh khỏe mạnh; làm giảm độc tính của thuốc kháng sinh và tia phóng xạ; làm bớt dị ứng, nhức đầu, đau khớp xương, chống mất ngủ,

hen suyễn.

Một củ khoai lang có khoảng 14 mg beta-carotene. Beta-carotene là một chất có khả năng chống ung thư nhất là ung thư phổi ngay cả ở người ghiền thuốc lá.

Khoai còn làm tăng tính miễn dịch, làm giảm nguy cơ bị cườm mắt (catarracts), làm giảm nguy cơ tai biến động mạch não, chứng kích tim, và làm giảm cholesterol trong máu.

Các cụ ta tin là khoai lang có thể chữa được bệnh phong nhức khớp xương và chứng đau bụng.

Nhiều người còn cho là khoai lang có thể làm giảm chứng ối buồn nôn ở phụ nữ có thai, làm kinh nguyệt điều hòa, lợi tiểu tiện, ngăn ngừa sẩy thai, làm giảm cơn hen suyễn...

Theo giáo sư Đỗ Tất Lợi, khoai lang có tác dụng nhuận tràng và trong dây khoai lang có một chất giống như Insulin, rất tốt cho bệnh nhân tiểu đường.

Khoai lang có chứa oxalate nên người bị sạn thận cần giảm tiêu thụ.



Các loại khoai

Có hai loại khoai lang chính:

- Loại vỏ màu nâu vàng, ruột màu cam, sau khi nấu, cho nhiều vị ngọt, mềm và có nhiều nước.
- Loại có vỏ màu hồng lợt, thịt vàng và khô, ít ngọt, ít hương vị hơn.



Lựa và cất giữ khoai

Khi mua khoai, ta nên chọn củ còn chắc nịch, cầm thấy nặng tay, vỏ trơn tru, không trầy xước; tránh mua khoai bị nứt, hà rỗ vỏ hoặc bị cắt mất đầu mất đuôi.

Mang về nhà, nên cất khoai trong bóng tối, không để trong tủ lạnh và nên dùng trong vòng hai tuần lễ để hưởng thụ được tất cả chất bổ dưỡng của khoai.

Khoai cũng được đóng hộp sau khi nấu chín với đường hoặc được phơi sấy khô.

Món ăn với khoai lang

Khoai lang thường được dùng để nấu chè, nướng hoặc luộc.

Nên rửa sạch củ khoai bằng bàn chải trước khi luộc. Giữ nguyên vỏ khi luộc để khoai khỏi đổi màu và cũng dễ bóc hơn. Vỏ khoai có nhiều chất xơ pectin ăn được.

Khoai lang cũng được nấu với mật ong, mật mía, đường hoặc mật ngô.

Khoai chín nghiền nát được dùng làm bánh, kẹo.

Ngọn non của dây khoai lang (đọt lang) được dùng như một loại rau ăn phổ biến, còn dây khoai lang được dùng trong chăn nuôi gia súc.

Ngọn khoai lang luộc chấm mắm cáy đặc là món ăn ngon. (Cácy tương tự như cua, sống dưới nước, có nhiều ở những vùng duyên hải như Kinh Môn, Thanh Miện, Thanh Hà tỉnh Hải Dương. Tại các địa phương này đều có nghề làm mắm cáy ngon nổi tiếng)



CÓ MỘT MÙA HÈ

*Khi ta bên nhau mùa hè rực rỡ
nắng reo phố biển rộn rã câu chào
chiều Newport Beach niềm vui bung mở
hay lòng hân hoan cho phố vui theo?*

*Khi ta bên nhau mùa hè êm ả
những chiếc điều xinh gợi nhớ trời quê
ngồi kể nhau nghe chuyện thời tóc thả
có một dòng sông soi bóng thuyền về*

*Khi ta bên nhau mùa hè vui mắt
một bờ vai nghiêng tựa êm mái đầu
một tường trúc đào chen hoa đua sắc
và cánh hải âu nâng hồn bay cao*

*Khi ta bên nhau mùa hè sôi nổi
bãi cát mịn nhưng mờ tỏ dấu chân
hơi thở thơm nồng hương đêm nhiệt đới
từng nụ hôn dài cuộn cuộn sóng dâng*

*Khi ta bên nhau mùa hè thần thoại
có vàng trắng non trái lụa ân cần
mặt trời hẹn hò ngày mai gặp lại
đêm tặng muôn sao nạm ngọc cõi trần*

*Biển sớm, biển trưa, biển chiều, biển tối
vẫn vỗ nghìn năm những tiếng gọi mời
tình ngắn, tình dài, tình đầu, tình cuối
vẫn vẫy chân trần non dại dẫm chơi*

*Khi ta ba mươi yêu mới là yêu
biết rõ hư vô vẫn cứ nắm cầm
biết rõ vực sâu mà khôn ngăn bước
vay trả buồn vui, nhận kiếp phù trầm.*

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười

Đôi khi tôi có cảm nghĩ rằng thầy tôi đã bắt công khi đưa tôi sang chùa Linh Phong để sống với một vị thầy trẻ rất ư cổ hủ, lạc hậu. Tôi biết mẹ tôi cũng buồn khi thấy tôi không còn được ở viện Hải Đức nữa. Trước kia mẹ không có ý cho tôi xuất gia tại viện Hải Đức, nhưng khi tôi đã được xuất gia ở viện, được gần gũi tu học bên thầy, được ăn học, sinh hoạt và hưởng mọi qui chế tiêu chuẩn như

một học tăng của viện, mẹ tôi thấy là không còn chỗ nào tốt khiến mẹ yên tâm hơn là nơi này cả.

Bây giờ, các chú Dũng, Kính, Sáng v.v... nhớn nhoe bên viện, hằng ngày ôm kinh, ôm sách ngồi học, ăn uống đã có các dì vài nấu, đến giờ phóng tham thì đi dạo núi hóng mát... còn tôi và chú Thiết thì sống trong một thế giới âm u, hắc ám. Cho dù có học đòi sự rộng lượng cao cả đến mức nào đi nữa, tôi vẫn thấy rằng tôi và chú Thiết đang bị thiệt thòi. Con nít chúng tôi hay so đo phân bì lắm. Nếu hoàn cảnh bắt buộc phải chịu thì cũng phải chịu, nhưng làm sao khỏi tủi thân và thêm muốn được trở về với khu viện Hải Đức đẹp đẽ, khoáng khoáng kia!

Sự khác nhau giữa hai nơi trên cùng một dãy núi, mẹ tôi cũng thấy rất rõ. Chắc hẳn là bà phải se lòng khi thấy đứa con trai nhỏ của mình phải xa thầy sớm, bỏ nơi rộng lớn, tiện nghi để về sống trong thế giới nhỏ hẹp, ít người, thiếu thốn mọi bề mà rồi phải đặt mình dưới sự hướng dẫn của một học tăng dự thính vốn không được xuất sắc gì cho lắm. Nhưng sự khác biệt giữa viện Hải Đức và chùa Linh Phong không phải chỉ ở vấn đề khổ

nhọc vật chất mà còn ở phần tinh thần nữa. Đầu phải chỉ người lớn mới biết hân thưởng những niềm vui tinh thần, còn con nít thì không! Và đây là chỗ cách biệt giữa vật chất và tinh thần khi bầu không gian nơi tôi sống bị thu hẹp lại và tôi cảm thấy buồn tẻ, trống vắng, ủ dột trong lòng? Ở viện, tôi có thể nhìn thấy biển Nha Trang mỗi chiều khi đi dạo lên tháp chuông hay qua Kim Thân Phật Tổ. Nơi chùa Linh Phong, dù cũng cùng trên núi, vậy mà chỉ thấy được một khoảnh phố phía bên trái, một khoảnh gia cư phía bên phải và một khoảnh đồng trống bị cắt đứt bởi một vài cao ốc đồ sộ phía mặt tiền. Vào mùa xuân, cây cỏ um tùm bao phủ quanh ven núi, tôi đứng trong sân chùa chỉ nhìn thấy được những cây táo nhơn vườn lên, đan kết thành một hàng rào rậm rịt. Thế giới của ngôi chùa này là vậy, không gian bít bùng, y như một hải đảo nhỏ — không, hải đảo còn đỡ hơn nhiều vì có thể nhìn thấy trời cao nước rộng. Đã vậy, tôi còn phải sống dưới sự kiểm soát quá đáng với những tư tưởng và quan niệm lỗi thời của thầy Trùng Hùng. Thầy ấy mang cả thế giới khuôn thước, kiểu cách của cổ đô vào đây, áp dụng vào ngôi chùa nhỏ này, buộc tôi phải lặn hụp theo.



Suốt ngày tôi và chú Thiệt phải làm việc trong chùa, hết việc này đến việc khác. Thầy ấy cứ ngồi một chỗ mà sáng tạo ra công việc cho chúng tôi làm, dù thầy tôi đã có lần nhắc rằng chúng tôi cần có thời giờ học hành. Một số sách thầy Thông Chánh tặng tôi để đọc và học thêm, thầy Trùng Hùng tịch thu hết, bảo rằng trong luật dạy không được đọc, học các sách vở bên ngoài, chỉ được đọc kinh Phật thôi, khi nào có đủ trình độ Phật Pháp rồi mới được nghiên cứu học thêm sách ngoài. Điều ấy cũng đúng phần nào cho hoàn cảnh những chú tiểu ở thời đại xa xưa, khi mà vốn liếng kiến thức của người Tàu cũng như người Việt ta chỉ vón vện trong *Tứ Thư, Ngũ Kinh, Luận Ngữ*, v.v... Thầy ấy cũng đâm ra đổ kị thầy Thông Chánh, có lẽ vì mang mặc cảm thua sút. Thầy cấm tôi rời khỏi chùa một bước ngoại trừ khi qua viện học. Sự cấm đoán này hẳn là nhằm vào việc tôi qua viện để thầy Thông Chánh dạy kèm. Thời gian đầu, thầy Thông Chánh đích thân qua chùa Linh Phong dạy tôi, nhưng vào dịp an cư kiết hạ, thầy Thông Chánh không rời viện được, tôi phải xin phép

sang viện để học thêm mỗi chiều. Thầy Trùng Hùng không thích chuyện tôi học thêm với thầy Thông Chánh từ lâu. Sẵn dịp an cư kiết hạ (thường thường là chư tăng ni các chùa cấm túc trọn ba tháng không rời chùa), thầy cấm tôi luôn. Tôi nói:

"Thầy con có nhờ thầy Thông Chánh dạy kèm thêm cho con."

"Lúc đó chưa có lớp học, phải không? Cho nên mới nhờ dạy kèm. Bây giờ đã có lớp học thì còn học thêm gì nữa! Để thời giờ mà làm công quả trong chùa, lo tu nữa chứ!"

"Nếu thầy không cho con đi thì cũng để con qua gặp thầy Thông Chánh nói lý do tại sao, không thôi thầy ấy đợi con bên viện."

"Không cần. Mai có giờ học thì qua nói với thầy Thông Chánh luôn. Bây giờ cứ ở nhà, không đi đâu hết."

Trong những chuyện cấm đoán của thầy Trùng Hùng, tôi bất mãn nhất là những chuyện liên quan đến việc học. Thầy ấy luôn chủ trương rằng học nhiều thì loạn tâm, không tu được, không định được. Nghe ai nhắc đến chuyện học, thầy cười khinh khinh. Thực ra,

thái độ khinh bạc đối với kiến thức sau này tôi cũng đọc thấy từ một số truyền tích trong kinh sách hay tiểu sử các vị Thiền sư đắc đạo. Nhưng các vị ấy là những kẻ đã đứng ở ngoài và ở trên những tầm thường của cuộc đời. Trên đỉnh cao chói vót của trí tuệ siêu việt, họ nhìn những kiến thức của thế gian như là miếng giẻ rách. Ở đây, thầy Trùng Hùng đã thu lượm được gì và đứng ở vị thế nào để tỏ thái độ khinh miệt tri thức như thế? Phong cách giác ngộ không phải là điều có thể học đòi, bắt chước mà giống được. Tôi nhớ hồi còn ở nhà, tôi đã từng chán ghét việc mài ghế nhà trường. Nhưng đó là sự chán ghét tự nhiên của một đứa con nít ham chơi, hoặc ham hưởng thụ thiên nhiên và cuộc sống chứ không phải là sự khinh miệt lỗ bịch tầm phào của một tâm hồn, một trí óc rộng tuếch, khi biết được chút ít gì thì bám chặt lấy, coi như là chân lý. Cái đầu óc địa phương hẹp hòi mà nhiều người dân cổ đô mắc phải là thường tự cho rằng cái gì thuộc về xứ mình cũng đều nên thơ, độc đáo, tuyệt hảo cả. Tôi không bao giờ quên rằng mình vốn gốc người Huế khi có nhận xét trên. Ở một khía cạnh tâm lý thông thường nào đó, hẳn là tôi phải dành nhiều cảm tình cho người Huế, nhưng quả là tôi không thể chịu nổi một đầu óc thủ cựu, một tâm hồn cứng nhắc như một khúc gỗ, như một viên ngói, một khối sắt như thế được.

Tôi nói ý nghĩ đó cho thầy Thông Chánh nghe khi thầy đến gặp tôi trước giờ học. Thầy lại khuyên tôi cố gắng chịu đựng thêm một thời gian nữa, vì tôi đã sắp rời Nha Trang để nhập học khóa Trung Đẳng Phổ Thông của Phật học viện Quảng Nam ở Hội An. Tôi than:

"Có khi con tưởng chừng là một ngày cũng không chịu đựng được nữa!"

Thầy Thông Chánh an ủi, khích lệ tôi:

"Hãy xem đó như những thử thách cho bước đầu xuất



gia của mình. Có lẽ thầy giám sự muốn chú tập sống quen với mọi hoàn cảnh trước khi rời thầy để đi học xa đó. Sau này không có thầy, không có người thân bên cạnh, sống ở xứ xa, làm sao chú chịu nổi nếu bây giờ không luyện tập cho chí nguyện kiên cường, sắc bén? Im lặng và nhẫn nại. Đừng để cho những cái tầm thường làm cho ý nghĩ mình trở nên tầm thường."

Cũng nhờ những lời khuyên nhắc của thầy Thông Chánh, tôi đã cố gắng kiểm điểm tâm mình, sửa đổi cho nó tốt đẹp hơn, hay ít nhất cũng giữ cho nó không trở nên nhỏ mọn, thấp hèn. Tôi tập từng bước sự cởi mở và buông xả những tâm niệm thù hằn, ganh tị, ngạo mạn cũng như những ý nghĩ và lời nói bài xích, chê bai kẻ khác. Khi thầy Trừng Hùng làm điều gì khiến tôi bất bình, tôi tự chế mình bằng một câu niệm Phật vang mạnh trong lòng. Có khi tôi phải mượn ý nghĩ rằng thầy ấy là người anh lớn của tôi để khơi dậy lòng thương trong tôi. Hai tháng sau, tôi không thấy ghét thầy Trừng Hùng nữa. Nhưng vẫn không sao thương quý thầy ấy như đã từng thương quý những vị thầy khác.

Cho đến một hôm, sau nửa giờ ngồi thiền vào giấc khuya, tôi ngồi yên trên giường lắng nghe tiếng tụng kinh của thầy Trừng Hùng, bất chợt tâm tôi nở ra như một cánh hoa. Tôi thấy quanh tôi cái gì cũng đáng thương, cũng dễ thương hết. Nhất là tiếng tụng kinh của thầy Trừng Hùng, nó mang cái vẻ bi thiết rất tội nghiệp của kiếp người khổ lụy. Tôi nghe tiếng ấy mà trong lòng quặn lên một mối xúc cảm kỳ lạ. Tôi thấy thương mọi người, thương tất cả, kể cả thầy Trừng Hùng, người đã từng gây cho tôi bao nỗi bức mình, bất mãn.

Trạng thái ấy không phải là một trạng thái miên viễn. Nó xuất hiện nhất thời, lưu lại trong tôi một thời gian rồi phải nhòa. Nhưng ít nhất, tôi đã có thể thương yêu được thầy Trừng Hùng rồi. Tôi kể lại kinh



LÀ CƠN GIÓ...

*Là cơn gió giữa đời vô tận
Chẳng có... chẳng không... cứ dịu dàng
Chiều lang thang qua khóm mây vàng
Xua tan hết nhọc nhằn của một ngày đàng quanh quẽ*

*Là cơn gió đi và về lặng lẽ
Mặc kệ đời lắm kẻ bon chen
Mặc kệ người cứ mãi chê khen
Gió thổi mát cho muôn loài chẳng lạ-quen, đẹp-xấu*

*Là cơn gió chẳng nơi nao ẩn náu
Lang thang trong đời thấu nổi chơi vơi
Là cơn gió lang thang mãi muôn nơi
Luôn tự tại giữa trùng khơi sóng biếc...*

thơ **HỒ BÍCH HỢP**

nghiệm tâm linh đó cho thầy Thông Chánh nghe, thầy ấy mừng cho tôi, khích lệ tôi thường xuyên tọa thiền hay niệm Phật để tâm càng lúc càng mở rộng hơn. Tôi theo đó mà thực hành, nhưng phải ba năm sau tôi mới nhận ra được những khúc mắc cũng như những cái vi tế của bản ngã mình.

Tình thương chân thật thì không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian.

Cũng không nằm trong sự ly cách giữa những cái bản ngã với nhau. Nếu còn thấy kẻ thù để thương yêu và tha thứ thì tâm hãy còn nhỏ hẹp; đó chỉ là sự khóa lấp cái bản ngã thấp hèn của mình mà thôi.

(mời xem tiếp Chương 10, kỳ 2)

Vĩnh Hào